Chân trời sáng tạo

NGUYỄN THỊ LY KHA – TRỊNH CAM LY (đồng Chủ biên)
VŨ THỊ ÂN – TRẦN VĂN CHUNG
PHẠM THỊ KIM OANH – HOÀNG THỤY THANH TÂM

TIẾNG VIỆT

SÁCH GIÁO VIÊN

4

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LY KHA – TRỊNH CAM LY (đồng Chủ biên)
VŨ THỊ ÂN – TRẦN VĂN CHUNG
PHẠM THỊ KIM OANH – HOÀNG THỤY THANH TÂM

Tiếng Việt

Sách giáo viên



TẬP HAI

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chân trời sáng tạo

LỜI NÓI ĐẦU

Các thầy cô giáo kính mến!

Sách giáo viên *Tiếng Việt 4* là tài liệu hướng dẫn giảng dạy kèm theo sách học sinh, vở bài tập *Tiếng Việt 4* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Sách được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án dạy học các bài trong sách học sinh *Tiếng Việt 4* theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn cấp Tiểu học.

Sách giáo viên *Tiếng Việt 4* gồm hai tập, trình bày phương án tổ chức hoạt động cho các nội dung dạy học, tương ứng với từng bài học trong hai tập sách học sinh. Để tăng tính chủ động cho các thầy cô trong giảng dạy, các bài hướng dẫn cụ thể được biên soạn theo hướng những thiết kế có tính gợi ý, nêu một vài phương án để thầy cô lựa chọn hoặc dựa vào đó để tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tế lớp học.

Ở tập một, các tác giả trình bày một số vấn đề chung như *Quan điểm biên soạn, Những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 4*. Ở tập hai, phần phụ lục giúp các thầy cô thuận lợi hơn khi giảng dạy và sử dụng sách với các nội dung: *Phân phối chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập hai; Một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá học kì II*.

Cùng với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các tác giả đã nỗ lực để có được một tài liệu hướng dẫn giảng dạy môn Tiếng Việt cho học sinh lớp Bốn khả thi, chất lượng, hiệu quả. Tuy vậy, cuốn sách chắc vẫn khó tránh khỏi thiếu sót. Các tác giả mong nhận được những góp ý quý báu từ các thầy cô để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

Các tác giả

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 3

Phần một – HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Phân phối chương trình sách *Tiếng Việt 4, tập hai* 6
2. Một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá học kì II 15

Phần hai – HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Chủ điểm 5 CUỘC SỐNG MẾN YÊU (TUẦN 19 – 22) **17**

Bài 1 Cuộc phiêu lưu của bồ công anh 17
Bài 2 Bác sĩ của nhân dân 24
Bài 3 Xôn xao mùa hè 29
Bài 4 Trong ánh bình minh 36
Bài 5 Điều ước của vua Mi-đát 41
Bài 6 Món ngon mùa nước nổi 47
Bài 7 Bè xuôi sông La 51
Bài 8 Mùa hoa phố Hội 57

Chủ điểm 6 VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG EM (TUẦN 23 – 26) **62**

Bài 1 Sự tích bánh chưng, bánh giầy 63
Bài 2 Độc đáo Tháp Chăm 68
Bài 3 Dòng sông mặc áo 72
Bài 4 Buổi sáng ở Hòn Gai 78
Bài 5 Hoa cúc áo 82
Bài 6 Một kì quan thế giới 87
Bài 7 Chợ Tết 91
Bài 8 Về lại Gò Công 97

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II (TUẦN 27) **102**

Tiết 1 103
Tiết 2 104
Tiết 3 105
Tiết 4 105
Tiết 5 107
Tiết 6 – 7: Đánh giá giữa học kì II 107

Chân trời sáng tạo

Chủ điểm 7 THẾ GIỚI QUANH TA (TUẦN 28 – 31) **109**
Bài 1 Cậu bé gặt gió 109
Bài 2 Kì lạ thế giới thực vật ở Nam Mỹ 115
Bài 3 Từ Cu-ba 119
Bài 4 Thảo nguyên bao la 125
Bài 5 Biển và rừng cây dưới lòng đất 130
Bài 6 Một biểu tượng của Ô-xtrây-li-a 136
Bài 7 Rừng mơ 140
Bài 8 Kì diệu Ma-rốc 146

Chủ điểm 8 VÒNG TAY THÂN ÁI (TUẦN 32 – 34) **150**
Bài 1 Cá heo ở biển Trường Sa 151
Bài 2 Vòng tay bè bạn 155
Bài 3 Nàng tiên Ốc 159
Bài 4 Nghe hạt dẻ hát 166
Bài 5 Quà tặng của chim non 170
Bài 6 Thành phố nối hai châu lục 175

ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC (TUẦN 35) **180**
Tiết 1 180
Tiết 2 181
Tiết 3 182
Tiết 4 183
Tiết 5 185
Tiết 6 – 7: Đánh giá cuối năm học 185

Chân trời sáng tạo

Phần một

HƯỚNG DẪN CHUNG

Ở phần Hướng dẫn chung, sách giáo viên (SGV) nêu những vấn đề có tính chất chung như *Quan điểm biên soạn*, *Những điểm mới của sách*, *Cấu trúc sách và các bài học*, *Tổ chức các hoạt động dạy học*, *Hướng dẫn ôn tập, kiểm tra, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì*,… trước khi trình bày các phương án dạy học cho từng bài cụ thể. Bên cạnh đó, để thuận tiện cho giáo viên (GV) khi sử dụng, sách cũng cung cấp một vài nội dung khác như *Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp 4*, *Phân phối chương trình sách Tiếng Việt 4, tập một*. Các nội dung như vừa nêu đã được các tác giả trình bày ở tập một. Vì vậy, phần *Hướng dẫn chung* ở SGV *Tiếng Việt 4, tập hai* gồm:

1. Phân phối chương trình sách *Tiếng Việt 4, tập hai*.
2. Một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá học kì II.

1. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SÁCH *TIẾNG VIỆT 4, TẬP HAI*

Chủ điểm	Tuần	Nội dung dạy học
5. CUỘC SỐNG MẾN YÊU	19	**Bài 1: Cuộc phiêu lưu của bồ công anh** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Cuộc phiêu lưu của bồ công anh*
		Luyện từ và câu Câu
		Viết Bài văn miêu tả cây cối
		Bài 2: Bác sĩ của nhân dân (3 tiết)
		Đọc Đọc *Bác sĩ của nhân dân*
		Nói và nghe Nghe – kể câu chuyện về lòng nhân ái
		Viết Quan sát, tìm ý cho bài văn miêu tả cây cối

Chân trời sáng tạo

	20	**Bài 3: Xôn xao mùa hè** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Xôn xao mùa hè* Đọc mở rộng: *Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách* *Chủ điểm "Cuộc sống mến yêu"*
		Luyện từ và câu Thành phần chính của câu
		Viết Lập dàn ý cho bài văn miêu tả cây cối
		Bài 4: Trong ánh bình minh (3 tiết)
		Đọc Đọc *Trong ánh bình minh*
		Luyện từ và câu Luyện tập về chủ ngữ
		Viết Viết đoạn mở bài cho bài văn miêu tả cây cối
	21	**Bài 5: Điều ước của vua Mi-đát** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Điều ước của vua Mi-đát*
		Luyện từ và câu Luyện tập về chủ ngữ
		Viết Viết đoạn văn cho bài văn miêu tả cây cối
		Bài 6: Món ngon mùa nước nổi (3 tiết)
		Đọc Đọc *Món ngon mùa nước nổi*
		Nói và nghe Nói về một tấm gương lạc quan, yêu cuộc sống
		Viết Viết đoạn kết bài cho bài văn miêu tả cây cối

Chân trời sáng tạo

	22	**Bài 7: Bè xuôi sông La** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Bè xuôi sông La* Đọc mở rộng: *Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách* *Chủ điểm "Cuộc sống mến yêu"*
		Luyện từ và câu Luyện tập về vị ngữ
		Viết Viết bài văn miêu tả cây cối
		Bài 8: Mùa hoa phố Hội (3 tiết)
		Đọc Đọc *Mùa hoa phố Hội*
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ *Cái đẹp*
		Viết Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn miêu tả cây cối
6. VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG EM	23	**Bài 1: Sự tích bánh chưng, bánh giầy** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Sự tích bánh chưng, bánh giầy*
		Luyện từ và câu Luyện tập về vị ngữ
		Viết Luyện tập lập dàn ý cho bài văn miêu tả cây cối
		Bài 2: Độc đáo Tháp Chăm (3 tiết)
		Đọc Đọc *Độc đáo Tháp Chăm*
		Nói và nghe Giới thiệu một cảnh đẹp
		Viết Trả bài văn miêu tả cây cối

Chân trời sáng tạo

	24	**Bài 3: Dòng sông mặc áo** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Dòng sông mặc áo* Đọc mở rộng: *Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách* *Chủ điểm "Việt Nam quê hương em"*
		Luyện từ và câu Luyện tập về thành phần chính của câu
		Viết Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn miêu tả cây cối
		Bài 4: Buổi sáng ở Hòn Gai (3 tiết)
		Đọc Đọc *Buổi sáng ở Hòn Gai*
		Luyện từ và câu Câu chủ đề
		Viết Luyện tập viết bài văn miêu tả cây cối
	25	**Bài 5: Hoa cúc áo** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Hoa cúc áo*
		Luyện từ và câu Luyện tập về câu chủ đề
		Viết Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc
		Bài 6: Một kì quan thế giới (3 tiết)
		Đọc Đọc *Một kì quan thế giới*
		Nói và nghe Nói về một việc làm góp phần bảo vệ môi trường
		Viết Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc

Chân trời sáng tạo

	26	**Bài 7: Chợ Tết** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Chợ Tết* Đọc mở rộng: *Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách* *Chủ điểm "Việt Nam quê hương em"*
		Luyện từ và câu Dấu gạch ngang
		Viết Trả bài văn miêu tả cây cối
		Bài 8: Về lại Gò Công (3 tiết)
		Đọc Đọc *Về lại Gò Công*
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ *Quê hương*
		Viết Viết hướng dẫn làm hoặc sử dụng một sản phẩm
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II	27	**Tiết 1** Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu: *Leng keng Đà Lạt*
		Tiết 2 Nghe – viết: *Nha Trang* Ôn luyện quy tắc viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức
		Tiết 3 Ôn luyện Nói và nghe: *Nói những điều em yêu thích về trường, lớp mình*
		Tiết 4 Ôn luyện Luyện từ và câu: *Câu chủ đề; thành phần chính của câu; dấu gạch ngang*
		Tiết 5 Ôn luyện Viết: *Viết bài văn tả một cây ăn quả mà em thích*
		Tiết 6 và tiết 7 Đánh giá giữa học kì II

7. THẾ GIỚI QUANH TA	**28**	**Bài 1: Cậu bé gặt gió** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Cậu bé gặt gió*
		Luyện từ và câu Dấu ngoặc kép
		Viết Bài văn miêu tả con vật
		Bài 2: Kì lạ thế giới thực vật ở Nam Mỹ (3 tiết)
		Đọc Đọc *Kì lạ thế giới thực vật ở Nam Mỹ*
		Nói và nghe Nói về vai trò của cây xanh
		Viết Quan sát, tìm ý cho bài văn miêu tả con vật
	29	**Bài 3: Từ Cu-ba** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Từ Cu-ba* Đọc mở rộng: *Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách* *Chủ điểm "Thế giới quanh ta"*
		Luyện từ và câu Dấu ngoặc đơn
		Viết Lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật
		Bài 4: Thảo nguyên bao la (3 tiết)
		Đọc Đọc *Thảo nguyên bao la*
		Luyện từ và câu Luyện tập về dấu câu
		Viết Viết đoạn văn cho bài văn miêu tả con vật

Chân trời sáng tạo

	30	**Bài 5: Biển và rừng cây dưới lòng đất** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Biển và rừng cây dưới lòng đất*
		Luyện từ và câu Trạng ngữ
		Viết Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn miêu tả con vật
		Bài 6: Một biểu tượng của Ô-xtrây-li-a (3 tiết)
		Đọc Đọc *Một biểu tượng của Ô-xtrây-li-a*
		Nói và nghe Giới thiệu về một công trình kiến trúc
		Viết Viết đoạn mở bài và đoạn kết bài cho bài văn miêu tả con vật
	31	**Bài 7: Rừng mơ** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Rừng mơ* Đọc mở rộng: *Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách* *Chủ điểm "Thế giới quanh ta"*
		Luyện từ và câu Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn
		Viết Viết bài văn miêu tả con vật
		Bài 8: Kì diệu Ma-rốc (3 tiết)
		Đọc Đọc *Kì diệu Ma-rốc*
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ *Du lịch*
		Viết Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn miêu tả con vật

Chân trời sáng tạo

8. VÒNG TAY THÂN ÁI	**32**	**Bài 1: Cá heo ở biển Trường Sa** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Cá heo ở biển Trường Sa*
		Luyện từ và câu Trạng ngữ chỉ mục đích, nguyên nhân
		Viết Luyện tập lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật
		Bài 2: Vòng tay bè bạn (3 tiết)
		Đọc Đọc *Vòng tay bè bạn*
		Nói và nghe Tranh luận theo chủ đề *Thời gian là vốn quý*
		Viết Trả bài văn miêu tả con vật nuôi trong nhà
	33	**Bài 3: Nàng tiên Ốc** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Nàng tiên Ốc* Đọc mở rộng: *Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách* *Chủ điểm "Vòng tay thân ái"*
		Luyện từ và câu Trạng ngữ chỉ phương tiện
		Viết Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn miêu tả con vật
		Bài 4: Nghe hạt dẻ hát (3 tiết)
		Đọc Đọc *Nghe hạt dẻ hát*
		Luyện từ và câu Luyện tập về trạng ngữ
		Viết Luyện tập viết bài văn miêu tả con vật

	34	**Bài 5: Quà tặng của chim non** (4 tiết)
		Đọc Đọc *Quà tặng của chim non*
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ *Kết nối*
		Viết Viết hướng dẫn thực hiện một công việc
		Bài 6: Thành phố nối hai châu lục (3 tiết)
		Đọc Đọc *Thành phố nối hai châu lục*
		Nói và nghe Nghe – kể câu chuyện về một chuyến thám hiểm
		Viết Trả bài văn miêu tả con vật
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II	35	**Tiết 1** Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu: *Chiều thu quê em*
		Tiết 2 Nghe – viết: *Đất lành chim đậu* Ôn luyện quy tắc viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức
		Tiết 3 Ôn luyện Nói và nghe: *Tranh luận, bày tỏ ý kiến về câu nói* Sức khoẻ là vốn quý của con người
		Tiết 4 Ôn luyện Luyện từ và câu: *Lựa chọn sử dụng từ ngữ; thành phần chính của câu; trạng ngữ; dấu câu*
		Tiết 5 Ôn luyện Viết: *Viết bài văn tả một con vật hoặc loài vật thông minh mà em biết*
		Tiết 6 và tiết 7 Đánh giá cuối năm học

2. MỘT VÀI GỢI Ý VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỌC KÌ II

Mục C "Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá", trang (tr.) 28, SGV *Tiếng Việt 4, tập một* đã trình bày về kiểm tra, đánh giá năng lực và một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá giữa học kì I và cuối học kì I. Vì vậy, ở SGV *Tiếng Việt 4, tập hai,* nhóm tác giả chỉ dừng lại ở việc trình bày một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá giữa học kì II và cuối năm học.

2.1. Kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng

– *Yêu cầu cần đạt*: Kiểm tra kĩ năng đọc trôi chảy của học sinh (HS) (mức độ rõ, đúng, tốc độ đọc, âm lượng).

– *Nội dung và hình thức:*

+ Các đoạn văn/ thơ dùng kiểm tra đọc thành tiếng cần tương đương về độ dài và độ khó của việc đọc thành tiếng (cấu tạo âm tiết, số từ phức, số câu, số câu đơn, câu phức, câu ghép, thành phần phụ). Để đảm bảo yêu cầu cần đạt về tốc độ đọc thành tiếng với HS lớp Bốn (85 – 90 tiếng/ phút, chương trình (CT) tr. 31), nên chọn văn bản cho đọc thành tiếng cho giữa học kì II khoảng 80 – 85 tiếng, cuối học kì II khoảng 85 – 90 tiếng.

+ HS bắt thăm, đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi đọc hiểu trên phiếu.

+ GV lắng nghe, quan sát, ghi nhận kĩ năng đọc thành tiếng của HS: mức độ đúng, rõ, tốc độ, âm lượng; lỗi về cấu âm, ví dụ (VD): *th, kh, eo* đọc thành *h, x, e* hoặc mất *th, kh*; lỗi do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: lẫn lộn *l – n,* đọc *r* thành *g, tr* thành *t; ươu, uyu, oe* đọc thành *ưu, uy/ iu, eo*.[1]

2.2. Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu

Yêu cầu cần đạt: Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu của HS.

– *Nội dung và hình thức:*

+ Số lượng câu hỏi:

① Khoảng sáu câu trắc nghiệm (gồm nhiều hình thức, kiểu dạng) ở mức độ nhận biết và thông hiểu (bốn câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc; hai câu hỏi về kiến thức tiếng Việt).

② Khoảng bốn câu hỏi tự luận ở mức độ thông hiểu và vận dụng (ba câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc hoặc liên hệ, so sánh, kết nối; một câu hỏi về kiến thức tiếng Việt).

+ HS tự đọc văn bản và viết câu trả lời vào bài kiểm tra.

[1] Trên bình diện nói và nghe, không phải mọi biến thể ngữ âm phương ngữ đều quy vào lỗi. Chỉ xem là lỗi với những biến thể mà người nói "mặc cảm" khi nói ra và nhiều người xem là "ngọng" trong giao tiếp mang tính chính thức xã hội (giao tiếp ngoài phạm vi gia đình, ngoài cuộc sống thường nhật), như các trường hợp vừa dẫn hoặc o → oo, ô → ôô, o → ô, ă → e,... Với những HS khuyết tật ngôn ngữ học hoà nhập có những hướng dẫn riêng khi đánh giá (xem Quy định về đánh giá HS tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Lưu ý: Khi kiểm tra về kiến thức tiếng Việt, cần bám sát yêu cầu cần đạt mà *CT giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn, Bộ Giáo dục và Đào tạo* đã nêu rõ, *không biên soạn các câu hỏi kiểm tra đánh giá nặng về lí thuyết, vượt quá yêu cầu của CT*, VD như nhận diện danh từ đơn vị, danh từ khái niệm,…; nhận diện động từ hoạt động, động từ trạng thái; nhận diện tính từ chỉ đặc điểm tính chất về lượng hoặc về các đặc điểm khác; phân loại trạng ngữ; phân biệt kiểu câu *Ai làm gì?* với kiểu câu *Ai thế nào?*,…

2.3. Kiểm tra kĩ năng viết

– *Yêu cầu cần đạt:* Kiểm tra kĩ năng viết đoạn văn, bài văn của HS.

– *Nội dung và hình thức:* Viết bài theo một trong các thể loại đã học dựa vào gợi ý.

+ Luyện tập viết bài văn thuật lại một việc em đã tham gia (giữa học kì II)

+ Luyện tập viết bài văn miêu tả cây cối (giữa học kì II và cuối học kì II)

+ Luyện tập viết bài văn miêu tả một con vật (cuối học kì II)

Lưu ý: ① Tránh quá chú trọng đánh giá lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

② GV cần thể hiện bốn vai trò khi đánh giá bài viết của HS: độc giả, người trợ giúp, người đánh giá, giám khảo.

③ GV cũng cần tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

2.4. Đánh giá phẩm chất và năng lực chung

GV cần tập trung vào hành vi, việc làm, cách ứng xử, biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong quá trình tham gia các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời, nhận xét có ghi chú,…

Lưu ý: Khi kiểm tra, đánh giá, cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực, cụ thể, đánh giá tiến trình, VD: *Con đã đọc tốt hơn rồi!*; *Con rất chăm chỉ!*; *Con đã viết đúng và đẹp hơn.*; *Con cần cố gắng hơn nhé!*; tránh nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: *Chữ nguệch ngoạc, cẩu thả.*; *Cần chăm chỉ hơn!*; *Sai, bạn nào giúp bạn?*; *Tốt.*; *Rất giỏi.*; *Đáng khen.*;… Mặt khác, cần đánh giá thường xuyên bằng lời, không đánh giá bằng điểm số; đánh giá bằng điểm số chỉ thực hiện ở bài kiểm tra, đánh giá giữa hoặc cuối học kì.

(Đề được biên soạn trong sách học sinh (SHS) là một VD để GV dùng cho HS luyện tập, GV tham khảo để biên soạn đề kiểm tra đánh giá định kì – giữa học kì và cuối năm học – không dùng lại văn bản đã học trong SHS).

Phần hai

HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Chủ điểm 5. CUỘC SỐNG MẾN YÊU
(Tuần 19 – 20 – 21 – 22)

Chủ điểm "Cuộc sống mến yêu" hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, trung thực, trách nhiệm*: nhận thức được cuộc sống rất đẹp, đáng yêu và đáng quý; bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, con người;… Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết yêu quý cuộc sống, con người và vạn vật; tự giác, tham gia tích cực các hoạt động học tập, rèn luyện; biết mang lại và chia sẻ niềm vui, điều tốt đẹp cho người thân, thầy cô, bạn bè và những người xung quanh,...*

BÀI 1: CUỘC PHIÊU LƯU CỦA BỒ CÔNG ANH
(tiết 1 – 4, SHS, tr. 8 – 12)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được cảm xúc về âm thanh, hình ảnh, màu sắc có trong đoạn lời bài hát "Ca ngợi Tổ quốc" (Nhạc và lời: Hoàng Vân); nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Kể về cuộc phiêu lưu ấm áp và đầy tình yêu thương của bồ công anh út.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Cuộc sống rất tươi đẹp, đáng yêu, đáng quý; chúng ta hãy ước mơ và mạnh dạn thực hiện ước mơ của mình; biết chia sẻ niềm vui, những điều tốt đẹp cho mọi người.*

3. Nhận diện và biết sử dụng câu.

4. Nhận diện được cấu tạo bài văn miêu tả cây cối, biết được trình tự miêu tả cây cối.

5. Biết cùng bạn đóng vai bồ công anh, những chú dế, hoa lá và giọt sương để chào hỏi, làm quen.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, vở bài tập (VBT), SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh chụp hoặc video clip về hoa bồ công anh, cách phát tán hoa.

– Video clip hoặc tệp ghi âm bài hát "Ca ngợi Tổ quốc" (Nhạc và lời: Hoàng Vân) (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn 3.

– Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm "Cuộc sống mến yêu" (Gợi ý: *Cuộc sống rất đẹp, rất đáng yêu, đáng quý; hãy biết yêu quý cuộc sống, yêu quý con người và vạn vật; hãy biết chia sẻ và mang lại niềm vui cho người thân, thầy cô, bạn bè và những người xung quanh,…*).

– HS đọc đoạn lời bài hát hoặc lắng nghe bài hát "Ca ngợi Tổ quốc" (Nhạc và lời: Hoàng Vân). HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn cảm xúc về âm thanh, hình ảnh, màu sắc có trong đoạn lời bài hát → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Cuộc phiêu lưu của bồ công anh".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Cuộc phiêu lưu của bồ công anh

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thong thả, trong trẻo, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái và cảm xúc của các nhân vật, từ ngữ chỉ việc làm của dế và những bông hoa cỏ mật; giọng mẹ âu yếm, dịu dàng pha chút lo lắng; giọng bồ công anh út trong trẻo (đoạn đầu), mừng rỡ, vui sướng (đoạn cuối)*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xao xác, thênh thang, rộn rã,…*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Nó nhẩn nha bay trên cánh đồng,/ ngắm nhìn muôn loài hoa đang khoe sắc.//;

Từng giọt sương trong vắt,/ mát lạnh và ngọt lành/ thấm vào thân mình bồ công anh.//;

Bồ công anh bé nhỏ/ khẽ rùng mình...// Kìa,/ lớp áo dày của bồ công anh nứt ra/ và một chiếc mầm bé xíu nẩy lên,/ xanh nõn...//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "Chúng con đi đây".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "mẹ ơi!".

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến "thân mình bồ công anh".

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *xao xác* (từ gợi tả âm thanh va chạm nhẹ, khẽ của những cánh hoa làm xao động cảnh không gian vắng lặng), *cỏ mật* (giống cỏ cao, cụm hoa gồm nhiều bông dựng đứng, lá khô có mùi thơm như mật),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Khi một cơn gió thổi ào tới, những cánh hoa bồ công anh vẫy tay và chào tạm biệt mẹ để bay đi.*

+ Câu 2: *Cuộc phiêu lưu của bồ công anh út: Ban đầu bồ công anh lang thang cùng chị gió (khi bay lên cao, khi sà xuống mặt ao; bay trên cánh đồng ngắm hoa). Tiếp theo, bồ công anh nhìn thấy cánh đồng mênh mông, đầy hoa cỏ mật và những chú dế. Sau đó, bồ công anh đáp xuống mặt đất, nó được dế, hoa, cỏ và những giọt sương đón chào...*

+ Câu 3: *Những hình ảnh cho thấy nơi bồ công anh út dừng lại rất thú vị là: những bông hoa cỏ mật toả hương ngào ngạt, những bông hoa vàng li ti trải thảm đón chào, mặt đất ấm áp và đầy hương thơm, những chú dế hiếu khách, những cánh hoa sẵn lòng giúp đỡ, những giọt sương trong vắt mát lành,...*

+ Câu 4: *Đoạn cuối của bài đọc cho biết bồ công anh sinh sôi, nảy nở, phát triển ở vùng đất mới → Sức sống bất diệt của thiên nhiên.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Thế giới của loài vật, hoa lá, cỏ cây,... trong câu chuyện trở nên sinh động nhờ chúng được gán cho những hoạt động, lời nói, đặc điểm như con người bằng biện pháp nhân hoá.*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Những cánh hoa bồ công anh chào mẹ rồi theo gió bay đi.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Cuộc phiêu lưu đầy thú vị của bồ công anh út.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Vẻ đẹp của nơi bồ công anh út dừng lại.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 4: *Bồ công anh út bắt đầu cuộc sống mới ở miền đất mới ngọt ngào, đáng yêu.* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong trẻo, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ việc làm của dế và những bông hoa cỏ mật,...*):

Bồ công anh tiếp tục bay.// Và kìa,/ trước mắt nó là cánh đồng thênh thang,/ nơi những bông hoa cỏ mật toả hương ngào ngạt,/ nơi những bông hoa vàng li ti trải thảm đón chào,/ nơi những chú dế gảy lên khúc ca đồng quê rộn rã,...// Bồ công anh muốn hét vang lên:// "Con đã tìm thấy một nơi cho riêng mình,/ mẹ ơi,/ các anh chị ơi!".//

Bồ công anh út đáp xuống mặt đất ấm áp và đầy hương thơm.// Những chú dế tưng bừng gảy lên khúc ca hiếu khách.// Và những đoá hoa đủ màu khẽ nghiêng mình để chắt lấy từng giọt sương đêm còn đọng trên cánh,/ dành riêng cho bồ công anh.// Từng giọt sương trong vắt,/ mát lạnh và ngọt lành/ thấm vào thân mình bồ công anh.//

– HS luyện đọc câu nói của bồ công anh: giọng đọc thể hiện cảm xúc mừng rỡ, hạnh phúc.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Câu

2.1. Hình thành khái niệm câu

– HS xác định yêu cầu của bài tập (BT) 1.

– HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ (Đáp án: a. *Mùa xuân đã về.*; b. *Cây cối khoác áo mới.*; c. *Bầu trời cao và trong xanh.*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS tìm câu và dấu hiệu nhận biết trong nhóm nhỏ (Đáp án: *Đoạn văn có năm câu. Nhận biết được số câu dựa vào dấu hiệu chữ đầu câu được viết hoa, cuối câu có dấu chấm.*).

– HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ, dán kết quả vào bảng nhóm.

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều cần ghi nhớ về câu.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Thêm từ ngữ để tạo thành câu

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS quan sát các câu, hoàn thành câu trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (Gợi ý:

a. *Hoa hồng/ Hoa cúc/ Hoa mai/...* là loài hoa em thích nhất.

b. *Ngôi sao/ Những ngôi sao/...* sáng lấp lánh trên bầu trời đêm.

c. *Chúng em/ Lớp em/…* tham gia Tết trồng cây.

d. Người gần gũi với em nhất *là mẹ/ là bạn Huy/…*

e. Chùm hoa phượng *đỏ rực/ vừa nở sáng nay/ thắp lửa giữa vòm lá xanh/...*

g. Những chú voi *đã được thả về rừng/ đang vượt sông/...*).

– HS viết câu vào VBT.

– HS chơi trò chơi *Chuyền hoa* để chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Thực hành đặt câu

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS lần lượt đặt câu cho từng yêu cầu a, b, c trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

– HS viết câu vào VBT.

– 2 – 3 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Bài văn miêu tả cây cối

3.1. Nhận diện bài văn miêu tả cây cối

– HS xác định yêu cầu của BT 1a.

Kết nối tri thức với cuộc sống

– HS đọc bài văn "Hoa xanh", trao đổi trong nhóm nhỏ.

– HS hoàn thành sơ đồ tư duy vào VBT (có thể sử dụng *Phiếu học tập* để hỗ trợ HS học nhóm).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp (Gợi ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "xanh non": Giới thiệu vườn na.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "mơ hồ": Tả thân cây, cành, lá na.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến "ấm cúng": Tả hoa na.

+ Đoạn 4: Còn lại: Tả quả na.).

– HS nghe các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS xác định yêu cầu của BT 1b.

– HS đọc lại bài văn "Hoa xanh", trao đổi, thống nhất kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (Gợi ý: *Thân cây → Cành, lá → Hoa → Quả*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS xác định yêu cầu của BT 1c.

– HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng (Gợi ý: *Tình cảm, cảm xúc cá nhân/ Ấn tượng đặc biệt/ Tưởng tượng, liên tưởng/ Kỉ niệm/…*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Rút ra ghi nhớ về cấu tạo bài văn miêu tả cây cối

– HS xác định yêu cầu của BT 2a.

– HS thảo luận trong nhóm đôi, thống nhất kết quả (Đáp án: *Mở bài, Thân bài, Kết bài*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ, thống nhất kết quả (Gợi ý: *Tả cây theo từng khoảng thời gian cây phát triển/ lớn lên; tả bộ phận gây chú ý/ ấn tượng rồi mới miêu tả các bộ phận khác của cây*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS xác định yêu cầu của BT 2c.

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ, thống nhất kết quả (Gợi ý: *Nêu lợi ích của cây, ấn tượng đặc biệt hoặc tình cảm, cảm xúc,… hoặc liên hệ với người, vật,… có liên quan.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi của GV: Theo em, bài văn kể chuyện thường gồm mấy phần? Mỗi phần có nhiệm vụ gì?

→ HS nghe GV rút ra cấu tạo của bài văn miêu tả cây cối: Bài văn miêu tả cây cối thường gồm ba phần:

+ *Mở bài:* Giới thiệu chung về cây.

+ *Thân bài:* Tả từng bộ phận của cây hoặc tả từng thời kì phát triển của cây.

+ *Kết bài:* Bày tỏ tình cảm, cảm xúc,... hoặc liên hệ với người, vật,... có liên quan.

– HS rút ra ghi nhớ.

– 1 – 2 HS đọc lại ghi nhớ.

3.3. Luyện tập xác định trình tự miêu tả trong bài văn miêu tả cây cối

– HS xác định yêu cầu của BT 3, đọc bài văn "Lá bàng".

– HS trao đổi, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ (Gợi ý:

a. *Tả lá bàng theo trình tự thời gian – theo từng thời kì phát triển của cây (Mùa xuân: lá bàng mới nảy, xanh non. Mùa hè: lá lên dày, xanh ngọc bích. Mùa thu: lá màu lục (xanh đậm). Mùa đông: lá màu đỏ).*

b. *Trình tự hoàn toàn phù hợp để tả lá bàng vì tả theo từng thời kì sẽ nêu được điểm độc đáo của lá cây bàng so với những cây khác.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai bồ công anh, những chú dế, hoa lá và giọt sương để chào hỏi, làm quen.*

– HS thực hiện trong nhóm 4 để đóng vai nói và đáp lời chào hỏi, làm quen dựa vào một số gợi ý của GV:

+ Bồ công anh sẽ nói gì để chào hỏi, làm quen và để cảm ơn những chú dế đã đón chào mình bằng khúc ca hiếu khách? Những chú dế sẽ nói gì?

+ Bồ công anh sẽ nói gì để chào hỏi, làm quen với hoa cỏ mật?

+ Bồ công anh sẽ cảm ơn những bông hoa đã chắt sương dành tặng mình thế nào? Những bông hoa sẽ nói gì để đáp lời?

+ Bồ công anh sẽ nói gì với những giọt sương?

– 1 – 2 nhóm HS đóng vai trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 2: BÁC SĨ CỦA NHÂN DÂN
(tiết 5 – 7, SHS, tr. 13 – 16)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được với bạn những điều em biết về hình ảnh y, bác sĩ với HS; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; Hiểu được nội dung của bài đọc: *Kể về tấm gương tận tuy, hết lòng vì người bệnh, vì nền y học nước nhà của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và sự tri ân của mọi người dành cho ông*.

3. Nghe – kể và ghi chép được các sự việc chính của câu chuyện "Sự tích hồ Ba Bể"; kể lại được câu chuyện dựa vào nội dung đã ghi chép.

4. Biết quan sát, tìm được ý cho bài văn miêu tả cây cối (cây bóng mát).

5. Tìm được từ ngữ tả màu sắc, hình dáng của lá cây; nói được 1 – 2 câu tả một loại lá cây em biết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về cảnh bác sĩ Phạm Ngọc Thạch làm việc, chăm sóc bệnh nhân,… (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Sinh thời" đến "tâm trí đồng nghiệp".

– Tranh, ảnh, video clip về câu chuyện "Sự tích hồ Ba Bể" (nếu có).

– Hình ảnh, video clip về cây, quả sầu riêng hoặc vật thật; hình ảnh về sự phát triển của cây theo từng thời kì/ từng mùa (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi những điều em biết về hình ảnh y, bác sĩ với các bạn nhỏ.

– HS liên hệ với nội dung khởi động → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Bác sĩ của nhân dân".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Bác sĩ của nhân dân

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ việc làm, cống hiến của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, lòng biết ơn và những việc làm bày tỏ sự tri ân dành cho ông,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó, VD: *chữa trị, quen thuộc, vinh dự,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Hình ảnh quen thuộc,/ thân thương của ông/ trong chiếc áo choàng trắng/ với ống nghe,/ ân cần thăm hỏi từng bệnh nhân,/ túc trực bên giường những người bệnh nặng.../ còn mãi trong tâm trí đồng nghiệp.//;

Từ năm 2009,/ tên của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch được đặt cho giải thưởng nhằm vinh danh những y,/ bác sĩ trẻ/ tích cực học tập,/ không ngừng rèn luyện và cống hiến/ cho ngành Y tế nước nhà.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *phòng* (nghĩa trong bài: chuẩn bị trước để có biện pháp tránh, ngăn ngừa bệnh tật), *chữa trị* (chữa bệnh, điều trị bệnh nói chung), *lao phổi* (một trong những bệnh truyền nhiễm gây tử vong hàng đầu trên thế giới),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Đoạn đầu tiên của bài đọc cho biết bác sĩ Phạm Ngọc Thạch là tấm gương tiêu biểu cho các thế hệ thầy thuốc Việt Nam.*

+ Câu 2: *Những chi tiết cho thấy bác sĩ Phạm Ngọc Thạch hết lòng với công việc là khi người bệnh cần, ông có mặt để khám và chữa trị, tự tiếp máu của mình cho bệnh nhân,...*

+ Câu 3: *Những hình ảnh của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch còn mãi trong tâm trí đồng nghiệp: hình ảnh bác sĩ trong chiếc áo choàng trắng, ống nghe, thăm hỏi, túc trực bên người bị bệnh nặng.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

+ Câu 5: *Việc lấy tên của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đặt cho giải thưởng nhằm vinh danh những y, bác sĩ trẻ nói lên sự tri ân đối với người đã có nhiều cống hiến cho ngành Y tế và là lời khuyên cho các y, bác sĩ trẻ học tập tấm gương hết lòng vì người bệnh, vì sự nghiệp bảo vệ và nâng cao sức khoẻ của mọi người.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Sinh thời" đến "tâm trí đồng nghiệp" và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ việc làm của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và sự đánh giá của mọi người về ông*):

Sinh thời,/ ông có công rất lớn/ trong việc tìm ra cách phòng/ và chữa bệnh lao phổi. Dù ở đâu,/ bất cứ lúc nào người bệnh cần,/ ông đều có mặt/ để thăm khám và chữa trị kịp thời.// Không ít lần,/ ông đã tự tiếp máu của mình/ cho người bệnh.// Hình ảnh quen thuộc,/ thân thương của ông trong chiếc áo choàng trắng/ với ống nghe,/ ân cần thăm hỏi từng bệnh nhân,/ túc trực bên giường những người bệnh nặng.../ còn mãi trong tâm trí đồng nghiệp.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ "Sinh thời" đến "tâm trí đồng nghiệp".

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Nghe – kể câu chuyện về lòng nhân ái

Sự tích hồ Ba Bể

Ngày xưa, có lần xã Nam Mẫu thuộc tỉnh Bắc Kạn mở ngày hội cúng Phật. Mọi người nô nức đi xem hội. Ai cũng lo làm việc tốt lành để cầu phúc.

Hôm ấy, bỗng có một bà cụ ăn xin không biết từ đâu đến. Trông bà thật gớm ghiếc, thân thể gầy còm, lở loét, mùi hôi thối xông ra rất khó chịu. Đến đâu bà cũng phều phào mấy tiếng: "Đói lắm các ông, các bà ơi!", rồi giơ rá ra bốn phía, cầu xin.

Nhưng đến đâu bà cụ cũng bị xua đuổi. Lê mình ra khỏi đám hội, vào nhà nào, bà cũng bị đuổi ra. May sao đến ngã ba, bà gặp mẹ con bà nông dân vừa đi chợ về. Người mẹ vốn là một bà goá, thấy bà lão ăn xin tội nghiệp, người mẹ thương tình, đưa bà cụ về nhà, lấy cơm cho ăn, rồi mời nghỉ lại.

Khuya hôm đó, hai mẹ con bỗng thấy chỗ bà cụ nằm sáng rực lên. Nhưng lạ thay, ở đấy không còn bà cụ ăn xin già yếu, lở loét nữa mà có một con giao long to lớn đang cuộn mình, đầu gác lên xà nhà, đuôi thò xuống đất. Mẹ con bà nông dân rụng rời kinh hãi, đành nhắm mắt nằm im phó mặc cho số phận.

Nhưng sáng hôm sau, tỉnh dậy họ chẳng thấy giao long đâu. Trên chõng vẫn là bà cụ ốm yếu. Bà đang sửa soạn ra đi. Bà nói: "Vùng này sắp có lụt lớn. Ta cho hai mẹ con chị gói tro này, nhớ rắc ngay xung quanh nhà mới tránh được nạn.".

Người mẹ nghe vậy lấy làm lạ, bèn hỏi: "Thưa cụ, vậy làm sao để cứu mọi người khỏi chết chìm?". Bà cụ suy nghĩ giây lát rồi nhặt một hạt thóc, cắn vỡ ra, đưa vỏ trấu cho hai mẹ con và bảo: "Hai mảnh vỏ trấu này sẽ giúp mẹ con nhà chị làm việc thiện.".

Nói rồi, vụt một cái, đã không thấy bà cụ đâu nữa. Hai mẹ con vội làm theo lời dặn rồi đi kể chuyện cho mấy người gần đó biết. Họ đều cười, cho đó là chuyện bâng quơ.

Tối hôm đó, đám hội đang náo nhiệt, mọi người đang lễ bái, bỗng có một cột nước từ dưới đất phun lên. Nước càng phun càng mạnh, đất xung quanh lở dần. Lúc ấy, ai nấy mới kinh hoảng, chen nhau chạy tháo thân. Nhưng không kịp nữa rồi. Đất dưới chân họ rung chuyển. Một tiếng ầm dữ dội nổi lên, nhà cửa, người, vật đều chìm nghỉm dưới nước.

Trong khi tất cả đều ngập chìm trong biển nước, thì ngôi nhà nhỏ của hai mẹ con nhà kia vẫn khô ráo vì nền nhà của họ mỗi lúc một cao lên. Đau xót trước cảnh nước lụt bất ngờ tàn phá, hai mẹ con đem hai mảnh vỏ trấu ra. Vừa đặt xuống nước, vỏ trấu hoá thành hai chiếc thuyền. Thế là mặc gió mưa, họ chèo thuyền đi khắp nơi, cố sức vớt những người bị nạn.

Chỗ đất sụt ấy, nay là hồ Ba Bể. Còn cái nền nhà của hai mẹ con kia thành một hòn đảo nhỏ trong hồ. Người địa phương gọi hòn đảo nhỏ ấy là gò Bà Goá.

Truyện dân gian Việt Nam

2.1. Nghe giáo viên kể chuyện "Sự tích hồ Ba Bể"

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.

– HS nghe GV kể câu chuyện lần thứ nhất để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung và chú ý của HS.

– HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.

– HS nghe GV kể câu chuyện lần thứ hai để ghi nhớ nội dung của câu chuyện.

2.2. Ghi chép tóm tắt nội dung câu chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và các gợi ý trong sơ đồ.

– HS thực hành trao đổi trong nhóm nhỏ về nội dung câu chuyện để ghi chép tóm tắt theo sơ đồ (khuyến khích HS sử dụng sơ đồ tư duy để ghi tóm tắt).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Kể lại câu chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thực hành theo nhóm đôi, kể lại từng đoạn câu chuyện, rồi kể lại toàn bộ câu chuyện dựa vào nội dung tóm tắt đã ghi chép.

Lưu ý: HS khá, giỏi có thể bớt bước kể từng đoạn câu chuyện.

– 1 – 2 nhóm HS kể lại câu chuyện trước lớp (HS có thể vừa quan sát bản tóm tắt vừa kể lại).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.4. Trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT 4 và đọc các câu hỏi gợi ý.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

Lưu ý: Nếu HS đáp ứng tốt, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện cả bốn BT trước khi chia sẻ chung để hoạt động nhóm diễn ra liên tục.

TIẾT 3

3. Viết

Quan sát, tìm ý cho bài văn miêu tả cây cối

3.1. Nhận xét về cách quan sát trong bài văn miêu tả cây cối

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn "Sầu riêng".

– HS trao đổi, trả lời câu hỏi a và chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ (Gợi ý: *Tác giả đã sử dụng các giác quan: khứu giác, vị giác, thị giác*).

– HS đọc lại bài văn, quan sát sơ đồ gợi ý ở câu hỏi b, trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, hoàn thành sơ đồ (Gợi ý:

a. *Dùng khứu giác để nêu cảm nhận về mùi hương: quả (thơm đậm, ngào ngạt); hoa (thơm ngát)*.

b. *Dùng vị giác để nêu cảm nhận về vị: béo, ngọt.*

c. *Dùng thị giác để nêu nhận xét về màu sắc, hình dáng: hoa (trắng ngà, chùm, nhỏ như vảy cá, nhuỵ li ti); cây (thân khẳng khiu, cao vút; cành ngang, thẳng đuột); lá (xanh vàng, hơi khép);…*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Thực hành quan sát cây bóng mát và ghi chép điều đã quan sát được

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ hoặc nhóm đôi, hoàn thành BT a vào VBT.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS quan sát, chọn trình tự quan sát cây bóng mát dựa vào gợi ý trong SHS, hoàn thành BT b vào VBT (có thể sử dụng hình ảnh, video clip đã chuẩn bị để quan sát. GV khuyến khích HS mở rộng ý, không gò ép HS).

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào thực tế lớp học, GV có thể tách hoặc gộp các BT a, b khi cho các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Tìm từ ngữ tả màu sắc, hình dáng của lá cây.*

– HS chơi trò chơi *Truyền điện* để tìm từ.

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Nói 1 – 2 câu tả một loại lá cây em biết.*

– HS thảo luận nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu hoạt động (có thể kết hợp với hình ảnh, video clip, sách báo,… có hình các loại lá để chia sẻ).

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: XÔN XAO MÙA HÈ (tiết 8 – 11, SHS, tr. 17 – 20)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Hỏi – đáp được về hoạt động em thích tham gia vào mùa hè; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Khung cảnh mùa hè với những hình ảnh đẹp đầy sức sống, tươi vui*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi mùa hè thật vui tươi, thú vị*. Học thuộc lòng được 2 – 3 khổ thơ em thích.

– Tìm đọc được một truyện cười viết về niềm vui, tiếng cười trong sinh hoạt, lao động, phê phán cái xấu,…; viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về lí do em thích câu chuyện.

3. Nhận diện và biết sử dụng thành phần chính của câu.

4. Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả cây cối (cây bóng mát).

5. Sưu tầm được tranh, ảnh về hoạt động hè của trẻ em; chia sẻ được cảm xúc của em về một trải nghiệm thú vị trong mùa hè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip ngắn về thiên nhiên, hoạt động, trò chơi vào mùa hè (nếu có).

– Bảng phụ ghi hai khổ thơ cuối.

– Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

– HS mang tới lớp truyện cười phù hợp với chủ điểm "Cuộc sống mến yêu" đã đọc và *Nhật kí đọc sách*; 1 – 2 tranh, ảnh về hoạt động của trẻ em vào mùa hè, 1 – 2 hình ảnh về một trải nghiệm thú vị của em trong mùa hè (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để hỏi – đáp về hoạt động em thích tham gia vào mùa hè (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip về các hoạt động mùa hè – nếu có) → Xem tranh, liên hệ với nội dung khởi động → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Xôn xao mùa hè".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Xôn xao mùa hè

1.1. Đọc bài thơ

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Toàn bài đọc với giọng trong trẻo, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hoạt động, trạng thái, đặc điểm,... của các sự vật*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *trèo, sớm,*…; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số dòng thơ theo nhịp 2/4 (trừ một vài dòng thơ đọc với nhịp 4/2 như: *Chăn đàn đưa hấu/ bên sông; Giăng đèn hoa đỏ/ cho em*;… hoặc nhịp 3/3 như: *Từng bông lúa/ dậy hương chiêm*;…):

Mùa hè/ chui vào quả mít/
Hoá thành/ múi mật vàng ong/
Mùa hè/ mặt trời đỏ chót/
Chăn đàn đưa hấu/ bên sông.//

Chân trời sáng tạo

Mùa hè/ trèo lên cây phượng/
Giăng đèn hoa đỏ/ cho em/
Mùa hè/ bay qua mặt ruộng/
Từng bông lúa/ dậy hương chiêm.//; ...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *xôn xao* (nghĩa trong bài: vừa gợi tả những âm thanh, tiếng động rộn vui từ nhiều phía xen lẫn nhau, vừa gợi tả những cảm xúc vui tươi, náo nức), *chiêm* ((lúa hay hoa màu) gieo cấy vào giữa tháng 10, tháng 11 và thu hoạch vào tháng 5, tháng 6), *dậy* (nghĩa trong bài: mùi thơm toả mạnh ra xung quanh),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Những sự vật được nhắc đến trong bài thơ là: quả mít – múi mật vàng ong, mặt trời – đỏ chót, dưa hấu – đàn, cây phượng – giăng đèn hoa đỏ, bông lúa – dậy hương chiêm, bầy chim – luyện thanh, tiếng ve – ẩn hiện, diều – bay cao, tiếng sáo – xôn xao.*

+ Câu 2: *Mùa hè gắn bó với lũ trẻ như một người bạn. Vào mùa hè, lũ trẻ cùng nhau chơi trò trốn tìm, thả diều, thổi sáo, được thưởng thức những loại trái cây ngọt lành,...*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Bài thơ có tên "Xôn xao mùa hè" vì tất cả các khổ thơ, các từ ngữ, hình ảnh đều gợi cảnh vật của mùa hè, tâm trạng vui tươi, náo nức của trẻ thơ khi mùa hè đến,...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nêu cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại hai khổ thơ cuối và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong trẻo, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hoạt động, trạng thái, đặc điểm của mùa hè và các sự vật,...*):

Mùa hè/ vẫn thường <u>dậy sớm</u>/
<u>Luyện thanh</u>/ cùng với bầy chim/
Mùa hè/ <u>chơi</u> trò <u>tìm trốn</u>/
Tiếng ve/ <u>ẩn hiện gọi mình</u>.//

Mùa hè/ <u>ngồi</u> bên lũ trẻ/
<u>Nối dây</u>/ cho diều lên cao/

Mùa hè/ bay lên thật dễ/

Với cùng tiếng sáo xôn xao...//

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp 2 – 3 khổ thơ em thích (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ điểm "Cuộc sống mến yêu"

1.2.1. Tìm đọc truyện cười

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện cười phù hợp với chủ điểm "Cuộc sống mến yêu" theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện cười viết về:

+ Niềm vui, tiếng cười trong sinh hoạt

+ Niềm vui, tiếng cười trong lao động

+ Phê phán cái xấu

+ ?

– HS chuẩn bị truyện mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc truyện cười: tên truyện, tên nhân vật, tình huống, cách giải quyết, chi tiết tạo tiếng cười,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung truyện.

1.2.3. Chia sẻ về truyện cười đã đọc

– HS đọc truyện hoặc trao đổi truyện cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

1.2.4. Thi Cây hài nhí

– HS kể lại câu chuyện cho bạn nghe trong nhóm nhỏ và chia sẻ lí do em thích câu chuyện.

– 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS bình chọn cho bạn có giọng kể chuyện hay.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Thành phần chính của câu

2.1. Hình thành khái niệm thành phần chính của câu

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS chọn câu hỏi phù hợp với từ ngữ được in đậm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (Đáp án: a. ***Ai*** *đang xây dựng trạm phát sóng mới?*; b. ***Cái gì*** *lẫn vào trong mây?*; c. ***Con gì*** *là bạn của chúng em?*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận, đặt câu hỏi cho từ ngữ in đậm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (Đáp án: a. *Đám trẻ con* ***làm gì?***; b. *Món ăn mà em thích nhất* ***là gì?***; c. *Những đám cải bắp, su hào* ***thế nào?***).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (Đáp án:

a. *Từ ngữ nêu người, vật được nói đến trong câu: người thợ, cột ăng-ten, con sáo nâu.*

b. *Từ ngữ nêu hoạt động, trạng thái của người, vật,... được nói đến trong câu: chạy ùa ra sân, là phở bò, xanh non mơn mởn*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về thành phần chính của câu.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Nhận diện chủ ngữ, vị ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS làm bài vào VBT (GV có thể hướng dẫn HS sử dụng câu hỏi *Ai?, Con gì?, Cái gì?* để xác định chủ ngữ (CN); sử dụng câu hỏi *Làm gì?, Là gì?, Thế nào?* để xác định vị ngữ (VN)). Đáp án:

+ Mây đen/ ùn ùn kéo đến.

CN VN

+ *Bầu trời/ tối sầm lại.*

CN *VN*

+ *Mưa/ bắt đầu trút xuống rào rào.*

CN *VN*

+ *Đàn gà/ nhanh chóng tụ tập dưới mái hiên.*

CN *VN*

+ *Lũ gà con/ nép sát vào mẹ.*

CN *VN*

+ *Cây cối trong vườn/ hả hê tắm mưa.*

CN *VN*

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

– 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm chủ ngữ, vị ngữ phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 5.

– HS quan sát các câu, hoàn thành câu trong cặp hoặc nhóm nhỏ (Gợi ý:

a. *đã về/ đang về/ đến/...*

b. *Những tia nắng/ Những tia nắng ấm áp/...*

c. *Những chú chim/ Bầy chim/ Đàn chim/...*

d. *đua nhau nở rộ/ chúm chím nụ xinh/ đua nhau khoe sắc và toả hương ngan ngát/...*).

– HS làm bài vào VBT.

– HS chơi trò chơi *Chuyền hoa* để chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Lập dàn ý cho bài văn miêu tả cây cối

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

– Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *miêu tả cây cối.*)

– Em cần tả loại cây nào? (Đáp án: *cây bóng mát.*)

– Loại cây ấy được trồng ở đâu? (Đáp án: *ở trường hoặc nơi em ở.*)

3.2. Lập dàn ý cho bài văn

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc lại BT 2 tr. 16 (*Tiếng Việt 4, tập hai*) kết hợp quan sát, đọc sơ đồ gợi ý.

– HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp, lưu ý HS có thể ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ (Gợi ý:

+ Mở bài: Giới thiệu cây bóng mát:

- *Tên (VD: bàng, phượng, me, bằng lăng,...)*
- *Nơi trồng (VD: trường, đường làng, đường phố,...)*
- *?*

+ Thân bài: Tả cây bóng mát: HS có thể chọn tả cây theo trình tự tả thân cây → cành, lá → ích lợi của cây,... hoặc chọn tả theo đặc điểm nổi bật → tả từng bộ phận của cây/ tả theo sự thay đổi theo mùa/ tả theo từng thời kì phát triển.

Lưu ý: GV nhắc HS:

(1) Xác định trình tự miêu tả phù hợp với cây chọn tả.

(2) Dùng từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh để làm nổi bật bộ phận chọn tả.

(3) Dùng từ, cụm từ khi nêu các ý. GV khuyến khích HS mở rộng ý dựa vào những điều quan sát được, không gò ép.

+ Kết bài: Tình cảm, cảm xúc của em với cây được tả.).

– HS đọc lại, chỉnh sửa, bổ sung cho dàn ý (nếu cần).

– 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Lựa chọn từ ngữ gợi tả, sử dụng hình ảnh so sánh, nhân hoá

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Sưu tầm 1 – 2 tranh, ảnh về hoạt động của trẻ em vào mùa hè.*

– HS hoạt động nhóm, quan sát tranh, có thể nêu một vài câu giới thiệu về bức tranh của mình theo kĩ thuật *Phòng tranh nhỏ.*

Chân trời sáng tạo

– Một vài nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Chia sẻ cảm xúc của em về một trải nghiệm thú vị trong mùa hè*.

– HS chia sẻ trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ về một trải nghiệm thú vị trong mùa hè của mình (có thể kết hợp với trình chiếu tranh, ảnh của bản thân hoặc sưu tầm), chia sẻ cảm xúc của mình về trải nghiệm thú vị đó.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: TRONG ÁNH BÌNH MINH
(tiết 12 – 14, SHS, tr. 21 – 24)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được 1 – 2 câu về vẻ đẹp của bầu trời vào một buổi trong ngày; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảnh vật buổi sớm mai ở đồng cỏ thật đẹp, sinh động*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi cảnh đẹp ở đồng cỏ lúc bình minh và cảnh thanh bình, chung sống chan hoà giữa các loài vật trên đồng cỏ*.

3. Nhận diện được chủ ngữ; chọn được chủ ngữ phù hợp cho câu; đặt được câu có chủ ngữ trả lời câu hỏi *Ai?, Cái gì?, Con gì?*.

4. Nhận diện được các cách mở bài và viết được đoạn văn mở bài cho bài văn miêu tả cây cối (cây bóng mát).

5. Nói được câu về cảnh bình minh, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về bầu trời vào một số buổi trong ngày, về cảnh đồng cỏ, cảnh rừng lúc bình minh; tranh, ảnh về cây bóng mát (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Những bầy voi thong thả" đến hết.

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn 1 – 2 câu tả vẻ đẹp của bầu trời vào một buổi trong ngày (có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh, video clip) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Trong ánh bình minh".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Trong ánh bình minh

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc toàn bài thong thả, trong trẻo, vui tươi; nhấn giọng ở các từ ngữ tả cảnh đẹp của vạn vật lúc bình minh ở đồng cỏ,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *sương vương, khoảnh khắc, rậm rịch,…*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu tả vẻ đẹp của cảnh: *Ở đồng cỏ mênh mông/ cũng giống ngoài biển cả,/ mặt trời lên nhanh vùn vụt.// Thoạt đầu/ nó chậm rãi nhô lên,/ đỏ hồng như một trái dưa hấu mới bổ,/ rồi sau khi vượt khỏi đường chân trời chắn ngang,/ nó leo mau lên cao/ và nắng chợt chói chang lúc nào không hay.//;...*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "khoảnh khắc".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "không hay".

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *đường chân trời* (đường giới hạn của tầm mắt, trông giống như bầu trời tiếp xúc với mặt đất hay mặt biển), *rậm rịch* (gợi tả những tiếng động trầm, nặng, liên tục, nhưng không đều do sự chuyển động hay hoạt động khẩn trương nhưng không ồn ào của nhiều người → nghĩa trong bài: chỉ sự di chuyển của đàn voi),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Khi ánh nắng mới lên, cảnh vật đáng chú ý là: làn sương như được nhuộm hồng; chim bừng tỉnh, hót vang lừng; nai rời bến nước về nơi ở.*

+ Câu 2: *Tác giả cảm nhận về sự thay đổi của mặt trời vào buổi bình minh là: thoạt đầu mặt trời chậm rãi nhô lên, đỏ hồng như một trái dưa hấu, khi vượt khỏi đường chân trời thì leo mau lên cao, nắng chói chang hơn.*

+ Câu 3: *Những con vật xuất hiện lúc bình minh là: chim – hót vang lừng; nai – rời bến nước, lững thững về nơi ở; voi – thong thả xuống tắm, tắm xong lững thững rời bến nước; chim dẽ, chim cun cút – bay vụt lên; cá sấu nhỏ – phơi nắng → toài nhanh xuống sông → lại trườn lên phơi nắng; trâu rừng – đủng đỉnh bỏ đi nhường chỗ cho đàn voi → thong thả về chỗ cũ khi voi đi,...* Cách miêu tả hoạt động của các con vật vừa đúng với đặc điểm, tập tính hoạt động của từng loài, vừa tả được cảnh vật, không khí chung của bến nước trong rừng lúc bình minh lên.

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Bài đọc giúp em hiểu thêm về cuộc sống của các loài vật trong rừng: các loài vật nhường nhịn, không tranh giành, chung sống yên bình với nhau,...*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Sự thay đổi của cảnh vật trong khoảnh khắc bình minh.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Sự thay đổi của mặt trời lúc bình minh.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 3: *Cảnh chung sống yên bình giữa các loài vật* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng thong thả, vui, trong sáng; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hoạt động, trạng thái của các con vật*):

Những bầy voi thong thả đi về phía bến nước.// Nghe động bước chân,/ từng đàn chim dẽ và cun cút bay vụt lên từ những hàng sậy.// Những con cá sấu nhỏ bò từ dòng nước lạnh lên/ phơi mình trên bãi cát,/ thấy bầy voi rầm rịch đi tới/ liền theo nhau toài nhanh

xuống sông,/ để lại trên đường những vết trườn.// Đàn trâu rừng/ với con trâu mộng đầu đàn mang đôi sừng nhọn hoắt/ đang ăn gần bến nước/ đủng đỉnh bỏ đi xa,/ nhường chỗ cho những bầy voi.// Tắm xong,/ những bầy voi lững thững rời bến nước.// Cun cút và chim dẽ bay về những lùm sậy/ nơi chúng làm tổ.// Bọn cá sấu nhỏ/ lại trườn lên bãi cát phơi mình/ và đàn trâu/ thong thả trở về chỗ cũ.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về chủ ngữ

2.1. Nhận diện chủ ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thực hiện BT trong nhóm 4 (Đáp án:

Câu 1: *Cây mai tứ quý – Cái gì?*

Câu 2: *Ông – Ai?*

Câu 3: *Thân cây – Cái gì?*

Câu 4: *Cành – Cái gì?*

Câu 5: *Tán cây – Cái gì?*

Câu 6: *Mai tứ quý – Cái gì?*

Câu 7: *Cánh hoa – Cái gì?*

Câu 8: *Ong, bướm – Con gì?*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Chọn vị ngữ phù hợp với chủ ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm đôi, làm bài vào VBT (Đáp án: *A1 – B3; A2 – B1; A3 – B4; A5 – B2*).

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Thay ❁ bằng chủ ngữ phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, làm bài vào VBT (Đáp án:

a. *Một làn gió → Những chiếc lá → Tôi*

b. *Cây đoàn kết nhất → Những cây thông*).

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Đặt câu có chủ ngữ trả lời câu hỏi Ai?, Cái gì?, Con gì?

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS làm bài vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (**Lưu ý:** Với HS trung bình có thể đặt một câu cho mỗi kiểu câu, HS khá, giỏi có thể đặt 2 – 3 câu).

– 2 – 3 HS trình bày bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn mở bài cho bài văn miêu tả cây cối

3.1. Nhận diện đoạn mở bài trực tiếp và đoạn mở bài gián tiếp

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bốn đoạn văn.

– HS thảo luận nhóm để thực hiện BT (Đáp án:

+ *Nhóm 1: Đoạn văn thứ nhất và thứ ba.*

+ *Nhóm 2: Đoạn văn thứ hai và thứ tư.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS trả lời một số câu hỏi của GV:

+ Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: *Dựa vào nội dung thì nhóm 1 giới thiệu chung về cây; nhóm 2 nêu các sự vật, hiện tượng có liên quan để dẫn đến cây chọn tả.*)

+ Theo em, có những cách nào để viết đoạn mở bài trong bài văn miêu tả cây cối?

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách mở bài.

Lưu ý: GV chỉ cần nhắc lại, không đóng khung ghi nhớ và cũng không yêu cầu HS học thuộc ghi nhớ.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Thực hành viết đoạn mở bài

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS viết đoạn mở bài trực tiếp và đoạn mở bài gián tiếp cho bài văn tả cây bóng mát được trồng ở trường hoặc nơi em ở theo gợi ý vào VBT.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi → chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói 2 – 3 câu về cảnh bình minh, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá.*

– HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ (có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về mặt trời vào lúc bình minh).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: ĐIỀU ƯỚC CỦA VUA MI-ĐÁT
(tiết 15 – 18, SHS, tr. 25 – 28)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được những điều em tưởng tượng ra khi mọi vật xung quanh ta đều biến thành vàng; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Vua Mi-đát đã bị thần Đi-ô-ni-đốt trừng phạt vì tính tham lam.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Những ước muốn tham lam không mang lại hạnh phúc cho con người.*

3. Nhận diện được chủ ngữ trong câu; tìm được chủ ngữ phù hợp với câu; đặt được câu có chủ ngữ chỉ người, đồ vật, cây cối, loài vật.

4. Viết được đoạn văn cho bài văn miêu tả cây cối (cây bóng mát).

5. Tìm được từ gợi tả hình dáng, âm thanh, màu sắc; nói được 1 – 2 câu có từ tìm được.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Hình ảnh hoặc video clip về cây bóng mát được trồng ở trường hoặc nơi em ở (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Mi-đát bụng đói cồn cào" đến hết.

– Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn tưởng tượng của em về những điều sẽ xảy ra khi mọi vật xung quanh ta đều biến thành vàng → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Điều ước của vua Mi-đát".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Điều ước của vua Mi-đát

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện chậm rãi; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hành động, trạng thái, cảm xúc của các nhân vật; giọng vua Mi-đát sung sướng (đoạn 1), hối lỗi, sợ hãi, lo lắng (đoạn 3), giọng thần Đi-ô-ni-đốt thong thả, vẻ bao dung, thấu hiểu (đoạn 1), chậm rãi, dứt khoát, thể hiện sự nghiêm khắc (đoạn 3)*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *Mi-đát, Đi-ô-ni-đốt, Pác-tôn,…*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Vua Mi-đát thử bẻ một cành sồi,/ cành đó liền biến thành vàng.// Vua ngắt một quả táo,/ quả táo cũng thành vàng nốt.// Tưởng không có ai trên đời/ sung sướng hơn thế nữa!//;

Mi-đát làm theo lời dạy của thần,/ quả nhiên/ thoát khỏi thứ quà tặng mà trước đây ông hằng mong ước.// Lúc ấy,/ nhà vua mới hiểu rằng/ hạnh phúc không thể xây đựng bằng ước muốn tham lam.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "mỉm cười ưng thuận".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "hơn thế nữa".

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến "rửa sạch được lòng tham".

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *tham lam* (có lòng tham đến mức muốn lấy hết về cho mình), *ưng thuận* (đồng ý với yêu cầu nào đó của người khác), *nốt* ((cũng) như vậy, giống hệt như sự việc, hành động vừa nêu trước đó), *khủng khiếp* (hoảng sợ ở mức rất cao), *cầu khẩn* (cầu xin một cách tha thiết),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Vua Mi-đát xin thần Đi-ô-ni-đốt cho mọi vật ông chạm đến đều hoá thành vàng. Vì vua Mi-đát là vị vua nổi tiếng tham lam.*

+ Câu 2: *Vua Mi-đát hài lòng với phép màu Thần ban cho: vua bẻ một cành sồi, cành đó liền biến thành vàng; ngắt một quả táo, quả táo cũng thành vàng; tưởng không có ai trên đời sung sướng hơn thế nữa; nhà vua sung sướng ngồi vào bàn.*

+ Câu 3: *Vua Mi-đát phải cầu khẩn Thần lấy lại điều ước mà ông đã xin vì điều ước đã khiến ông không thể ăn uống được gì.*

+ Câu 4: *Thần Đi-ô-ni-đốt đồng ý tặng cho vua Mi-đát điều ước khủng khiếp vì Thần muốn nhà vua tự rút ra bài học về lòng tham, nhận ra được hạnh phúc không thể xây dựng từ ước muốn tham lam.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Vua Mi-đát được thần Đi-ô-ni-đốt ban cho điều ước: chạm vào vật gì, vật đó sẽ hoá thành vàng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Vua Mi-đát cảm thấy vô cùng sung sướng và hài lòng với điều ước của mình.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Vua Mi-đát cầu khẩn thần Đi-ô-ni-đốt rút lại điều ước khủng khiếp đã ban cho mình.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 4: *Vua Mi-đát hiểu ra hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Mi-đát bụng đói cồn cào" đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc nhanh, gấp gáp và thể hiện sự hối lỗi, sợ hãi, lo lắng; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của vua Mi-đát,...*):

Mi-đát bụng đói cồn cào,/ chịu không nổi,/ liền chắp tay cầu khẩn://

– Xin Thần tha tội cho tôi!// Xin Người lấy lại điều ước/ để cho tôi được sống!//

Thần Đi-ô-ni-đốt liền hiện ra/ và phán://

– Nhà ngươi hãy đến sông Pác-tôn,/ nhúng mình vào dòng nước,/ phép màu sẽ biến mất/ và nhà ngươi sẽ rửa sạch được lòng tham.//

Mi-đát làm theo lời dạy của thần,/ quả nhiên/ thoát khỏi thứ quà tặng mà trước đây ông hằng mong ước.// Lúc ấy,/ nhà vua mới hiểu rằng/ hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam.//

– HS luyện đọc câu nói của vua Mi-đát: giọng khẩn khoản, van nài, có vẻ hoảng sợ.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ "Mi-đát bụng đói cồn cào" đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài. Nếu còn thời gian, có thể đọc phân vai toàn bài.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về chủ ngữ

2.1. Nhận diện chủ ngữ trong câu

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thực hiện trong nhóm đôi, thống nhất kết quả (Đáp án:

a. *Vòm trời; Gió từ trên đỉnh núi; Khoảng trời sau dãy núi phía đông; Những tia nắng đầu tiên*

b. *Cánh diều; Chúng tôi; Tiếng sáo diều; Sáo đơn, sáo kép, sáo bè*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Thay ❀ bằng chủ ngữ phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài vào VBT (Đáp án:

a. *Mặt trời cuối thu → Bầu trời → Hương vị thôn quê*

b. *Hoa dẻ → Từng chùm hoa → Cánh hoa → Hương hoa dẻ*).

– 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu có chủ ngữ chỉ người, đồ vật, cây cối, loài vật

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS trao đổi, đặt câu trong nhóm nhỏ, viết câu vào VBT (**Lưu ý:** Với HS trung bình có thể đặt một câu cho mỗi nội dung, HS khá, giỏi có thể đặt 2 – 3 câu).

– 2 – 3 HS trình bày bài làm của mình trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết đoạn văn cho bài văn miêu tả cây cối

3.1. Tìm hiểu đoạn văn miêu tả đặc điểm của cây bóng mát

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các đoạn văn.

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ, mỗi nhóm tìm hiểu một đoạn văn (kĩ thuật *Mảnh ghép*).

(Gợi ý:

a. + *Đoạn văn có nội dung tả cây bàng.*

+ Lá bàng được tả bằng các từ ngữ: lá non xanh nõn, mỡ màng, lá già xanh sẫm, dày dặn, mọc thành chùm. Lá bàng được tả bằng các hình ảnh: lá non chỉ bằng bàn tay em bé, lá già to bằng bàn tay người lớn, giống hệt bông hoa xanh nhiều cánh.

+ Cây bàng mang lại bóng mát, góp phần làm cho trường của bạn nhỏ xanh – sạch – đẹp hơn.

b. + *Đoạn văn tả lá cây si.*

+ Lá cây si được tả bằng các từ ngữ: nhỏ, nhiều, xanh quanh năm. Lá cây si được tả bằng các hình ảnh: bóng cây si mát rượi, không bao giờ rụng lá hàng loạt.

+ Tác giả nhân hoá cây si bằng cách dùng từ ngữ chỉ đặc điểm của người để chỉ đặc điểm của cây si; cách nhân hoá khiến cho hình ảnh cây si thêm thân thuộc, gần gũi, dí dỏm, đoạn văn thêm sinh động và góp phần thể hiện tình cảm yêu mến của tác giả với cây si.)

– 2 – 3 nhóm HS trình bày bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của một cây bóng mát

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trả lời một số câu hỏi của GV:

+ Em muốn tả cây nào?

+ Đặc điểm nổi bật của cây đó là gì?

+ ?

– HS làm bài vào VBT, rà soát lại bài làm của mình.

3.3. Chia sẻ với bạn những điều em thích trong đoạn văn

– HS trao đổi VBT trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn những điều em thích trong đoạn văn của mình:

+ Từ ngữ gợi tả

+ Hình ảnh so sánh

+ Hình ảnh nhân hoá

+ ?

– 2 – 3 HS trình bày bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Tìm vần và thêm dấu thanh (nếu cần) phù hợp với mỗi ❀ để tạo thành từ gợi tả hình dáng, âm thanh, màu sắc,... dựa vào hình gợi ý.*

– HS chia thành các đội, quan sát các hình ảnh, chơi trò chơi *Tiếp sức* để tìm từ (Gợi ý: *véo von, lấp lánh/ lung linh/ long lanh/..., rực rỡ/ róc rách/..., xinh xắn/ xinh xinh/..., mênh mông*).

– HS nghe các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Nói 1 – 2 câu có từ tìm được trên đường đi ở bài tập 1.*

– HS nói câu có từ tìm được trong nhóm nhỏ (Gợi ý: có thể nói về cảnh sắc thiên nhiên).

– 1 – 2 HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: MÓN NGON MÙA NƯỚC NỔI
(tiết 19 – 21, SHS, tr. 29 – 31)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được về một món ăn em thích; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; Hiểu được nội dung của bài đọc: *Giới thiệu về món canh chua cá linh – một món đặc sản nổi tiếng chỉ có vào mùa nước nổi của người dân vùng Tây Nam Bộ, gửi gắm niềm tự hào, yêu mến quê hương của tác giả.*

3. Nói được về một tấm gương lạc quan, yêu cuộc sống mà em biết.

4. Viết được đoạn kết bài cho bài văn miêu tả cây cối (cây bóng mát).

5. Biết đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu với du khách một món ăn ở địa phương em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về đánh bắt cá linh mùa nước nổi, các món ăn làm từ cá linh, canh chua cá linh (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Cá linh chế biến được" đến "miền Tây".

– Tranh, ảnh hoặc báo, truyện,... về một tấm gương lạc quan, yêu cuộc sống (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn một món ăn em thích (tên, nguyên liệu, cách chế biến, hương vị,…).

– HS xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Món ngon mùa nước nổi".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Món ngon mùa nước nổi

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng, rành mạch, tự hào; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, trạng thái,…*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *dân dã, ruột, nở rộ, ngập tràn,…*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Cá linh/ là món quà thiên nhiên ưu ái/ dành tặng người dân miền Tây vào mùa nước nổi.// Vào mùa này,/ cá linh từ miệt thượng nguồn sông Mê Kông/ "trôi" về đồng bằng sông Cửu Long nhiều vô số kể.//;

Cá linh non khi nấu canh để nguyên con,/ chỉ cần bỏ ruột.// Bông điên điển nở rộ/ đầu mùa nước nổi,/ hái một chút là đủ ăn.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *miền Tây* (nghĩa trong bài: vùng đồng bằng sông Cửu Long/ miền Tây Nam Bộ), *ngập tràn* (nghĩa trong bài: chỉ tình cảm, nỗi nhớ nhung chan chứa, tràn trề),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Những chi tiết cho thấy vào mùa nước nổi, cá linh ở đồng bằng sông Cửu Long có rất nhiều là: cá linh từ miệt thượng nguồn sông Mê Kông "trôi" về nhiều vô số kể, mỗi ngày người dân thu hoạch tới mấy giạ.*

+ Câu 2: *Người dân miền Tây nấu canh chua cá linh bằng cách để nguyên con cá linh non, chỉ bỏ ruột, nấu chua với bông súng, bông điên điển, rau muống.*

+ Câu 3: *Những chi tiết chứng tỏ canh chua cá linh có sức hấp dẫn với người dân miền Tây cũng như khách phương xa là: hễ nhắc tới canh chua cá linh thì "nỗi nhớ quê hương lại ngập tràn kí ức" của người dân nơi đây. Khách phương xa ăn canh chua cá linh một lần rồi "lưu luyến mãi miền Tây",...*

+ Câu 4: *Nói: "Cá linh là món quà thiên nhiên ưu ái dành tặng người dân miền Tây vào mùa nước nổi." vì chỉ ở vùng Tây Nam Bộ mới có cá linh và có rất nhiều vào mùa nước nổi. Từ cá linh, người dân có thể chế biến thành nhiều món ăn ngon, nhất là món canh chua cá linh – món ăn đặc sản mùa nước nổi thu hút khách du lịch,...*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Cá linh chế biến được" đến "miền Tây" và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, trầm ấm; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ cảm xúc của tác giả, chỉ đặc điểm, sản vật của miền Tây,...*):

Cá linh chế biến được nhiều món.// Nhưng món ăn dân dã/ được bà con nơi đây chuộng nhất/ là cá linh nấu canh chua.// Cá linh non/ khi nấu canh để nguyên con,/ chỉ cần bỏ ruột.// Bông điên điển nở rộ đầu mùa nước nổi,/ hái một chút là đủ ăn.// Rau muống và bông súng mọc đầy đồng,/ tha hồ hái.// Chỉ vài món đơn sơ như thế/ đã có thể nấu được một nồi canh chua ngon tuyệt.// Khách phương xa đến/ ăn một lần rồi lưu luyến mãi miền Tây.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ "Cá linh chế biến được" đến "miền Tây".

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Nói về một tấm gương lạc quan, yêu cuộc sống

– HS xác định yêu cầu của đề bài.

– HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ dựa vào các gợi ý:

+ Nhân vật em sẽ nói tới là nhân vật nào?

+ Nhân vật đó gặp những khó khăn gì?

+ Những việc làm nào thể hiện tinh thần lạc quan hoặc tình yêu cuộc sống của nhân vật đó?

+ (Những) kết quả mà nhân vật đã đạt được là gì?

+ Em có suy nghĩ, tình cảm gì với nhân vật?

+ Em sẽ sử dụng phương tiện nào để hỗ trợ bài nói?

– HS nói trong nhóm theo các nội dung gợi ý, kết hợp sử dụng phương tiện mình chọn khi nói về nhân vật.

Lưu ý: Tuỳ vào thực tế lớp học, GV có thể gợi ý cho HS sử dụng bài đọc "*Điều kì diệu*" – *Tiếng Việt 3, tập một,* để nói về nhân vật Tiến Anh, hoặc bài đọc "Từ bản nhạc bị đánh rơi" – *Tiếng Việt 3, tập hai,* để nói về nhân vật Mô-da.

– 1 – 2 HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn kết bài cho bài văn miêu tả cây cối

3.1. Nhận diện đoạn kết bài không mở rộng và đoạn kết bài mở rộng

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bốn đoạn văn.

– HS thảo luận nhóm để thực hiện BT (Đáp án:

+ *Nhóm 1: Đoạn văn thứ nhất và thứ tư.*

+ *Nhóm 2: Đoạn văn thứ hai và thứ ba.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS trả lời một số câu hỏi của GV:

+ Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: *Dựa vào nội dung thì nhóm 1 nêu tình cảm, cảm xúc của người tả đối với cây; nhóm 2 liên hệ với người, vật,... có liên quan đến cây.*)

+ Theo em, có những cách nào để viết đoạn kết bài trong bài văn miêu tả cây cối?

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách kết bài.

Lưu ý: GV chỉ cần nhắc lại, không đóng khung ghi nhớ và cũng không yêu cầu HS học thuộc ghi nhớ.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Thực hành viết đoạn kết bài không mở rộng

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS viết đoạn kết bài không mở rộng cho bài văn tả cây bóng mát được trồng ở trường hoặc nơi em ở theo gợi ý vào VBT.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.

– 1 – 2 HS trình bày bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu với du khách một món ăn ở địa phương em.*

– HS hoạt động nhóm nhỏ, đóng vai hướng dẫn viên và khách du lịch, cùng hỏi – đáp về nguyên liệu, cách chế biến, hương vị,… của món ăn (có thể chia sẻ tranh, ảnh về món ăn ở địa phương em) và tình cảm, cảm xúc của em cũng như người dân địa phương với món ăn đó.

– 1 – 2 nhóm HS đóng vai trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 7: BÈ XUÔI SÔNG LA (tiết 22 – 25, SHS, tr. 32 – 35)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được những điều em quan sát được trong bức tranh của bài đọc; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Miêu tả cảnh bè xuôi sông La êm ả và cuộc sống thanh bình.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi quê hương, đất nước, cuộc sống, bày tỏ niềm lạc quan, ước mong quê hương thanh bình, đẹp giàu.* Học thuộc lòng được hai khổ thơ em thích.

– Tìm đọc được một bản tin viết về một người yêu cuộc sống, một người lạc quan, biết vượt lên hoàn cảnh,…; viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về những điều em học được từ nhân vật trong bản tin.

3. Nhận diện được vị ngữ trong câu; tìm được vị ngữ phù hợp với chủ ngữ; đặt được câu có vị ngữ trả lời câu hỏi *Là gì?, Làm gì?, Thế nào?*.

4. Viết được bài văn miêu tả cây cối (cây bóng mát).

5. Biết tìm và sử dụng được từ ngữ tả vẻ đẹp của một cảnh sông nước mà em biết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về bè di chuyển trên sông, tàu thuyền vận chuyển hàng hoá, đánh bắt cá, xây dựng nhà cửa, nhà máy,…; cảnh sông nước, biển hồ (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn thơ từ "Bè đi chiều thẳm thì" đến hết.

– HS mang tới lớp bài đọc hoặc bản tin về chủ điểm "Cuộc sống mến yêu" và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

Chân trời sáng tạo

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ những điều em quan sát được trong bức tranh của bài đọc (Gợi ý: *Bè đang trôi trên dòng sông trong xanh, ở hai bên bờ tre và cây cỏ xanh tươi*) → Liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Bè xuôi sông La".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Bè xuôi sông La

1.1. Đọc bài thơ

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc toàn bài thong thả, trong sáng, vui tươi, thiết tha; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của sông La,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *táu mật, muồng đen, trai đất, trong veo, mươn mướt,*...; hướng dẫn cách ngắt nghỉ, luyện đọc một số dòng thơ miêu tả cảnh vật, thể hiện cảm xúc:

Sông La/ ơi sông La/
Trong veo/ như ánh mắt/
Bờ tre xanh/ im mát/
Mươn mướt/ đôi hàng mi.//
Bè đi/ chiều thầm thì/
Gỗ lượn đàn/ thong thả/
Như/ bầy trâu lim dim/
Đằm mình/ trong êm ả/
Sóng/ long lanh vẩy cá/
Chim/ hót trên bờ đê.//; ...

– HS đọc thành tiếng theo khổ hoặc toàn bài thơ trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *bè* (khối hình tấm gồm nhiều thân cây (tre, nứa, gỗ,...) được kết lại với nhau, tạo thành vật

nổi để chuyển đi hoặc dùng làm phương tiện vận chuyển trên sông nước), *vôi xây* (vôi – chất nung từ đá vôi, màu trắng, dùng làm vật liệu xây dựng để xây cất nhà cửa), *lán* (nhà dựng tạm, sơ sài, thường bằng tre nứa), *trong đạn bom đổ nát* (GV có thể nêu vắn tắt về hoàn cảnh ra đời của bài thơ để giúp HS hiểu hình ảnh này cũng như khổ thơ cuối: bài thơ được viết năm 1969, những năm kháng chiến chống Mỹ,...), *khói nở xoà như bông* (nghĩa trong bài: cảnh nhà cửa, nhà máy sau chiến tranh[1]),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Vẻ đẹp của sông La được miêu tả bằng các từ ngữ, hình ảnh: trong veo, bờ tre xanh im mát, mặt nước êm ả, sóng nước long lanh, chim hót trên bờ đê,...*

+ Câu 2: *Các hình ảnh so sánh ở khổ thơ thứ hai và tác dụng: sông trong veo như ánh mắt → giúp hình dung rõ hơn về vẻ đẹp của dòng sông; gỗ như bầy trâu lim dim → giúp hình dung một cách cụ thể, sống động về những chiếc bè đang trôi trên sông. Các hình ảnh nhân hoá ở khổ thơ thứ hai và tác dụng: "Sông La ơi sông La": Xem sông La như một người bạn, tâm tình, trò chuyện với sông; "Bờ tre xanh im mát/ Mươn mướt đôi hàng mi": dùng từ ngữ tả người để tả bờ tre (hàng mi); "Bè đi chiều thẩm thì": dùng từ ngữ tả hoạt động của người để tả buổi chiều; "Gỗ lượn đàn thong thả": dùng từ ngữ tả hoạt động, trạng thái của người để tả gỗ. → giúp các sự vật hiện lên sinh động, gần gũi hơn.*

+ Câu 3: *Tác giả quan sát cảnh vật hai bên bờ sông La bằng các giác quan: thị giác – mắt nhìn màu sắc, đường nét,... của cây, nước sông, khói, mái nhà,...; thính giác – nghe thấy tiếng chim hót, chiều thẩm thì,...; khứu giác – ngửi thấy mùi vôi xây, mùi lán cưa,...; vị giác – ngọt,...; xúc giác – mát, êm ả,...*

+ Câu 4: *Dòng sông tươi đẹp, hiền hoà, gần gũi, gắn bó với con người; cuộc sống của con người hai bên bờ sông rất thanh bình, lạc quan, vượt qua gian khó, đạn bom để xây dựng quê hương, đất nước tươi đẹp, giàu mạnh.*

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Bè đi chiều thẩm thì" đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong sáng, vui tươi, thiết tha; khổ cuối: chậm hơn so với khổ trước; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh của sông La, cảm xúc,...*):

[1] Bài thơ đưa vào SHS chỉ là đoạn trích. Nguyên văn bài thơ còn có những khổ thơ như "Gỗ tía như mật đông/ Gỗ vàng như sắc lụa/ Gỗ phau phau men sữa/ Gỗ lên vân mượt mà/ Xẻ ra thành bền chắc/ Dựng lên thành nguy nga."; "Sông La ơi sông La/ Trôi mềm như lá lúa/ Có nghe gỗ vặn mình/ Đổ ầm lưng vách đá.../ Nghe sức ta, lòng ta/ Chở Trường Sơn cao ngất/ Gỗ khép lòng sông chật/ Sào vít ngang trăng ngà...".

Bè đi/ chiều thầm thì/
Gỗ lượn đàn/ thong thả/
Như/ bầy trâu lim dim/
Đằm mình/ trong êm ả/
Sóng/ long lanh vẩy cá/
Chim/ hót trên bờ đê.//

Ta nằm nghe,/ nằm nghe/
Giữa bốn bề/ ngây ngất/
Mùi vôi xây/ rất say/
Mùi lán cưa/ ngọt mát/
Trong/ đạn bom đổ nát/
Bừng tươi/ nụ ngói hồng/
Đồng/ vàng hoe lúa trổ/
Khói/ nở xoà như bông.//

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp hai khổ thơ em thích (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ điểm "Cuộc sống mến yêu"

1.2.1. Tìm đọc bản tin

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bản tin phù hợp với chủ điểm "Cuộc sống mến yêu" theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bản tin viết về:

+ Một người yêu cuộc sống

+ Một người lạc quan, biết vượt lên hoàn cảnh

+ ?

– HS chuẩn bị bản tin để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bản tin: tên nhân vật, tình huống, cách giải quyết, thông tin đáng chú ý,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bản tin.

1.2.3. Chia sẻ về bản tin đã đọc

– HS đọc bản tin hoặc trao đổi bản tin cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

1.2.4. Thi Phát thanh viên nhí

– HS đọc hoặc trao đổi bản tin cho bạn trong nhóm nhỏ cùng đọc và chia sẻ những điều em học được từ nhân vật trong bản tin.

– HS bình chọn cho bạn có giọng đọc hay nhất.

– 1 – 2 HS đọc bản tin trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về vị ngữ

2.1. Nhận diện vị ngữ trong câu

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS hoạt động nhóm 3, thực hiện BT 1a, b, mỗi HS xác định VN của hai câu và nêu mỗi VN tìm được trả lời cho câu hỏi nào (kĩ thuật *Mảnh ghép*) (Gợi ý:

+ VN trong các câu của đoạn 1: là mùa của lễ hội (Là gì?); cao và trong xanh (Thế nào?); bay rập rờn (Làm gì?); khoác áo mới đi dự hội mùa xuân (Làm gì?).

+ VN trong các câu của đoạn 2: tìm đến cái ổ chim chìa vôi (Làm gì?); kêu líu ríu (Làm gì?); ý tứ quỳ xuống bên cạnh (Thế nào?)).

– HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm.

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS hoạt động nhóm đôi, trả lời câu hỏi c (Gợi ý: *VN giới thiệu, miêu tả hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất của sự vật được nêu ở CN.*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả (Đáp án: *A1 – B4; A2 – B1; A3 – B2; A4 – B3*).

– HS chơi trò chơi *Chuyền hoa* để trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm vị ngữ phù hợp với chủ ngữ đã cho

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (Gợi ý:

a. Vườn cây vú sữa *xanh tốt quanh năm/ luôn được ông chăm sóc cẩn thận/...*

b. Các cô cậu học trò *đang nô đùa trên sân trường/ nô nức tới trường/...*

c. Sáng sớm mai, đường làng *còn đẫm sương đêm/ thưa thớt người qua lại/...*).

– 2 – 3 HS trình bày bài làm của mình trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu có vị ngữ trả lời câu hỏi Là gì?, Làm gì?, Thế nào?

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS làm bài vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (**Lưu ý:** Với HS trung bình có thể đặt một câu cho mỗi nội dung, HS khá, giỏi có thể đặt 2 – 3 câu).

– 2 – 3 HS trình bày bài làm của mình trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết bài văn miêu tả cây cối

– HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các gợi ý.

– HS có thể nghe GV lưu ý thêm:

+ Dựa vào dàn ý, đoạn mở bài, đoạn kết bài đã thực hiện ở các tiết trước để viết bài hoàn chỉnh.

+ Khi tả, có thể chọn tả cây theo cách 1 hoặc cách 2.

+ Có thể khuyến khích viết đoạn kết bài theo kiểu mở rộng.

+ Sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá.

– HS thực hành viết bài văn vào VBT.

– 3 – 4 HS đọc bài viết trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

Chân trời sáng tạo

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Thi tìm từ ngữ tả vẻ đẹp của nước biển, sông, hồ,...*

– HS thảo luận và thực hiện trong nhóm nhỏ (Gợi ý: *trong xanh, trong vắt, trong leo lẻo, trong như màu mảnh chai, phơn phớt hồng, lung linh mây trời, như một chiếc gương khổng lồ,...*).

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Nói 1 – 2 câu tả vẻ đẹp của một cảnh sông nước mà em biết.*

– HS đọc lại các từ ngữ tìm được, nói câu tả vẻ đẹp của cảnh sông nước trong nhóm nhỏ.

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp (Có thể chơi trò chơi *Tiếp sức*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 8: MÙA HOA PHỐ HỘI (tiết 26 – 28, SHS, tr. 36 – 40)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Xếp được cụm từ "Phố cổ Hội An"; nói được câu về phố cổ Hội An; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bức tranh buổi sáng ở phố cổ Hội An tuyệt đẹp với sắc màu của muôn loài hoa.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi vẻ đẹp thanh bình, bày tỏ tình cảm yêu mến với con người và cảnh vật ở phố cổ Hội An – một địa điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.*

3. Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Cái đẹp*.

4. Biết quan sát và tìm được ý cho bài văn miêu tả cây cối (cây hoa).

5. Tìm hiểu và chia sẻ được thông tin, hình ảnh về phố cổ Hội An theo gợi ý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về cảnh phố cổ Hội An: cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt, hoạt động nổi bật, ẩm thực,...; tranh, ảnh về cây hoa gạo lúc đầu mùa hoa, cuối mùa hoa, hết mùa hoa; tranh, ảnh về một, hai loài hoa hoặc quá trình phát triển của loài hoa đó,... (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ đầu đến "diệu vợi".

– Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, sắp xếp các bông hoa vào ô để được cụm từ "Phố cổ Hội An"; nói được 1 – 2 câu về phố cổ Hội An → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Mùa hoa phố Hội".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Mùa hoa phố Hội

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, chậm rãi, nhẹ nhàng; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ màu sắc, vẻ đẹp của cảnh vật,…*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *chăm trồng, diệu vợi, sử quân tử, duyên thầm, nôn nao,…*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Tôi thường dạo bước trên phố/ và thử nhớ xem/ có bao nhiêu mảng màu được tạo nên từ lá và hoa/ trên các khung cửa.// Có ô cửa chủ nhân treo mấy chậu hoa ngũ sắc/ hay các giỏ hoa dạ yến thảo.// Có nhà làm giàn hoa sử quân tử.// Có cả nhà phủ kín những chùm hoa giấy bung nở đủ màu...//;

Tất cả đã hun đúc nên cho phố Hội một nét duyên thầm,/ khiến bước chân du khách/ dù còn đang ở Hội An/ đã nôn nao nhớ.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "yêu quý nhất".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "bung nở đủ màu…".

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến "các góc phố hiền từ".

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *thâm* (có màu đen hoặc ngả về màu đen), *hanh hao* (khô và hơi lạnh), *sử quân tử* (cây

thân leo, thuộc họ bàng, quả dùng làm thuốc), *điệu vợi* (xa xôi, cách trở; nghĩa trong bài: xa xôi và đầy nhung nhớ),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Điểm đặc biệt của mỗi ô cửa, mỗi hiên nhà, mỗi góc phố ở phố Hội là người dân phố Hội đã chắt chiu và chăm trồng lên đấy những loại cây hoa mà họ yêu quý nhất.*

+ Câu 2: *Tác giả cho rằng "hoa lá đem lại nét sinh động cho không gian phố cổ" vì hoa lá ở phố cổ Hội An đa dạng, nhiều màu sắc, tô điểm thêm cho nhà cửa đã được xây cất từ lâu đời,...*

+ Câu 3: *Hoa lá ở phố Hội đẹp: Vào ngày nắng, bóng các giàn hoa đổ nghiêng trên nền tường màu vàng nghệ. Vào ngày mưa, lá ngời xanh trên các góc phố hiền từ.*

+ Câu 4: *Du khách "còn đang ở Hội An đã nôn nao nhớ" vì yêu quý Hội An, vì họ đã bị thu hút bởi nét duyên thầm, bởi vẻ đẹp của hoa lá phố Hội, khiến họ lưu luyến không muốn rời xa.*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Giới thiệu vẻ đẹp của phố cổ Hội An vào buổi sớm mai.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Vẻ đẹp nhẹ nhàng, đủ màu sắc của hoa lá phố Hội.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Vẻ độc đáo của hoa lá phố Hội vào ngày nắng và ngày mưa.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 4: *Tình cảm yêu quý cảnh vật, con người phố cổ* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ đầu đến "diệu vợi" và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc ấm áp, trìu mến; nhấn giọng ở từ ngữ miêu tả vẻ đẹp của cảnh,...*):

Nhè nhẹ rót vào tôi/ bản nhạc buổi ban mai hồng/ trên từng tia nắng.// Xoè bàn tay/ và đếm từng ngum nắng trên tay,/ tôi nhận ra/ nắng xuyên qua những mùa hoa dọc dài trên phố.// Mỗi ô cửa,/ mỗi hiên nhà,/ mỗi góc phố,/ người phố Hội đã chắt chiu/ và chăm trồng những loại cây hoa/ mà họ yêu quý nhất.//

Trên nền tường vàng hay mái ngói thâm nâu,/ hoa lá đem lại nét sinh động/ cho không gian phố cổ.// Giữa hương hoa,/ mùi nắng ngọt và vị hanh hao của gió biển,/ một Hội An cứ thế thấm vào tôi,/ thẳm sâu và diệu vợi.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ đầu đến "diệu vợi".

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ *Cái đẹp*

2.1. Tìm từ ngữ thuộc chủ đề Cái đẹp

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận, tìm từ trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn* (Gợi ý:

a. *Từ có nghĩa giống với từ* ***đẹp****: xinh, xinh đẹp, tươi đẹp, xinh xắn, xinh tươi,...*

b. *Từ có nghĩa trái ngược với từ* ***đẹp****: xấu, xấu xí, xấu xa, xấu hoắc,…).*

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– 1 – 2 HS đặt câu với các từ tìm được.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Xếp các từ vào hai nhóm

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ (Đáp án:

a. *dịu dàng, lịch sự, nết na, hiền hậu, mũm mĩm*

b. *hoành tráng, hùng vĩ, bao la, trùng điệp, rực rỡ*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn thay cho mỗi ❁

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thảo luận trong nhóm đôi, làm bài vào VBT (Đáp án: *xanh thẳm, rải, mơ màng, âm u, xám xịt, ầm ầm*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.4. Đặt câu nói về một cảnh đẹp của thiên nhiên

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS nói trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ về một cảnh đẹp của thiên nhiên.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn miêu tả cây cối

3.1. Nhận xét về cách quan sát trong bài văn miêu tả cây hoa

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn "Cây gạo".

– HS trao đổi và chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ, mỗi nhóm trả lời một câu (kĩ thuật *Mảnh ghép*), ghi vào sơ đồ trong VBT (Gợi ý:

a. *Tác giả tả cây gạo vào mùa hoa, hết mùa hoa và vào mùa quả.*

b. *+ Vào mùa hoa: hoa – đỏ mọng, đầy cành (nặng trĩu); cánh hoa – đỏ rực, xoay tít; đài hoa – nặng, chúi xuống; đầy tiếng chim.*

+ Hết mùa hoa: chim – vãn; cây gạo – xanh mát, trầm tư, đứng im, cao lớn, hiền lành, làm tiêu cho những con đò.

+ Vào mùa quả: quả gạo – múp míp, hai đầu thon vút như con thoi; sợi bông – đầy dần; vỏ – tách; múi bông – nở đều; cây gạo – như treo hàng ngàn nồi cơm gạo mới.

c. *Hình ảnh so sánh có trong đoạn văn thứ ba là: Hai đầu thon vút như con thoi; Các múi bông như nồi cơm chín; Cây gạo như treo rưng rinh hàng ngàn nồi cơm gạo mới → giúp các sự vật hiện ra rõ ràng, gần gũi, sinh động hơn, giúp người đọc hình dung ra được cây gạo.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Thực hành quan sát một cây hoa và ghi chép điều quan sát được dựa vào gợi ý

– HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc các gợi ý trong sơ đồ.

– HS có thể chọn một trong hai cách để quan sát, ghi lại các từ ngữ, hình ảnh theo từng thời kì phát triển phù hợp với cây vào VBT hoặc vở nháp.

Lưu ý: Khuyến khích HS ghi chép vắn tắt nội dung dưới dạng sơ đồ đơn giản. Có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về một số cây hoa hoặc thực hiện trước ở nhà và điều chỉnh thêm trên lớp.

– HS chia sẻ kết quả ghi chép trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh các ý.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm hiểu và chia sẻ thông tin, hình ảnh về phố cổ Hội An theo gợi ý.*

– HS quan sát hình ảnh, video clip về phố cổ Hội An đã chuẩn bị theo kĩ thuật *Phòng tranh*, thảo luận, trao đổi trong nhóm nhỏ dựa vào gợi ý:

+ Cảnh thiên nhiên

+ Con người

+ Hoạt động nổi bật

+ Ẩm thực

+ ?

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp (Gợi ý: *Hội An có rất nhiều cây xanh, gần biển, kiến trúc cổ, đa dạng, đường phố dọc ngang kiểu bàn cờ, có các địa điểm tham quan như Chùa Cầu, nhà cổ Quân Thắng, Cửa Đại,...; món ăn nổi bật ở Hội An là chè bắp, hến xào, bánh đập, cao lầu, mì Quảng,...*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.

Chân trời sáng tạo

Chủ điểm 6. VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG EM
(Tuần 23 – 24 – 25 – 26)

Chủ điểm "Việt Nam quê hương em" hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, trách nhiệm*: biết trân trọng những giá trị truyền thống, cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương, đất nước từ những điều bình dị trong cuộc sống thường ngày, những cảnh vật xung quanh đến những công trình kiến trúc hay những phong tục, tập quán. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết bảo vệ và góp phần gìn giữ cảnh vật, phong tục, truyền thống tốt đẹp, tự hào và yêu quý quê hương, đất nước, con người Việt Nam.*

BÀI 1: SỰ TÍCH BÁNH CHƯNG, BÁNH GIẦY
(tiết 1 – 4, SHS, tr. 41 – 43)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Hỏi – đáp được về một món bánh thường có vào dịp Tết ở quê em hoặc nơi em ở; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Truyện nhằm giải thích nguồn gốc của bánh chưng, bánh giầy.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Truyện đề cao tinh thần lao động, đề cao vai trò của nghề nông và thể hiện sự tôn kính Trời, Đất, tổ tiên của nhân dân ta.*

3. Xác định được vị ngữ trong câu; tìm được vị ngữ phù hợp với chủ ngữ cho trước; đặt được câu có vị ngữ theo yêu cầu.

4. Lập được dàn ý cho bài văn miêu tả cây cối (cây hoa).

5. Kể được tên một số loại bánh theo yêu cầu; nói được 1 – 2 câu về loại bánh em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh một số loại bánh thường có vào dịp Tết (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn 4.

– Hình ảnh, video clip về một số loài hoa để tổ chức hoạt động viết (nếu có).

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm "Việt Nam quê hương em" (Gợi ý: *Ca ngợi vẻ đẹp cũng như thể hiện tình cảm với quê hương, đất nước, con người Việt Nam*).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, hỏi đáp về 1 – 2 món bánh thường có vào dịp Tết ở quê em hoặc nơi em ở (có thể kết hợp sử dụng vật thật hoặc tranh, ảnh đã chuẩn bị từ trước) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Sự tích bánh chưng, bánh giầy".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Sự tích bánh chưng, bánh giầy

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thong thả, vui tươi; giọng thần ôn tồn, hiền từ; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của hai loại bánh, hoạt động, trạng thái và cảm xúc của các nhân vật,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *bánh giầy, nô nức,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Con hãy lấy gạo nếp/ làm bánh hình tròn và hình vuông,/ để tượng hình Trời và Đất.//;

Chàng chọn gạo nếp thật ngon/ làm bánh vuông để tượng hình Đất,/ lấy lá xanh bọc ở ngoài/ và đặt nhân ở trong ruột bánh.//;

Kể từ đó,/ mỗi khi đến tết Nguyên đán,/ người dân đều làm bánh chưng và bánh giầy/ để dâng cúng Trời/ Đất,/ tổ tiên.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "sẽ truyền ngôi cho".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "cha mẹ sinh thành".

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến "gọi là bánh giầy".

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *của ngon vật lạ* (những thứ ngon và quý hiếm), *sinh thành* (sinh ra và nuôi nấng, dạy dỗ thành người),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Hùng Vương thứ sáu chọn người nối ngôi bằng cách ra điều kiện ai tìm được món ăn ngon nhất, có ý nghĩa nhất để cúng Trời Đất, tổ tiên sẽ được truyền ngôi.*

+ Câu 2: *Các hoàng tử đua nhau tìm kiếm của ngon vật lạ dâng lên vua cha để nhà vua hài lòng và truyền ngôi cho mình.*

+ Câu 3:

• *Giấc mơ của Lang Liêu: Lang Liêu mơ thấy vị thần hướng dẫn làm hai loại bánh từ gạo nếp, bánh hình tròn tượng trưng cho Trời, bánh hình vuông tượng trưng cho Đất. Sau đó, lấy lá bọc bên ngoài, đặt nhân trong ruột bánh, để tượng hình cha mẹ sinh thành.*

• *Việc Lang Liêu làm sau khi tỉnh dậy: Chàng chọn gạo nếp thật ngon làm bánh vuông để tượng hình Đất, lấy lá xanh bọc ở ngoài và đặt nhân ở trong ruột bánh, đem nấu chín và đặt tên là bánh chưng. Sau đó chàng lại giã xôi làm bánh tròn, để tượng hình Trời, gọi là bánh giầy.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: *Vua quyết định truyền ngôi cho Lang Liêu vì hai loại bánh của chàng ngon, lại có ý nghĩa (bánh hình tròn và hình vuông tượng hình Trời và Đất → đề cao tinh thần lao động, đề cao vai trò của nghề nông và thể hiện sự tôn kính Trời, Đất, tổ tiên).*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Truyện nhằm giải thích về nguồn gốc bánh chưng, bánh giầy; truyền thống làm bánh để dâng cúng, tưởng nhớ tổ tiên trong dịp Tết,...*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Cách thức vua Hùng truyền ngôi cho con.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Các hoàng tử đua nhau tìm của ngon vật lạ để dâng lên vua cha và giấc mơ đặc biệt của Lang Liêu.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 3, 4: *Cách làm, đặc điểm, ý nghĩa của hai loại bánh và kết quả của câu chuyện.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 4 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng người dẫn chuyện thong thả, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái và cảm xúc của các nhân vật,...*):

Đến ngày hẹn,/ các hoàng tử nô nức đem món ngon đến.// Riêng Lang Liêu/ chỉ có bánh chưng và bánh giầy.// Sau khi đi một vòng,/ vua cha dừng lại rất lâu/ trước mâm bánh của Lang Liêu,/ nghe chàng kể lại chuyện thần báo mộng/ và giải thích ý nghĩa của hai món bánh.// Vua nếm thử,/ thấy bánh ngon,/ lại có ý nghĩa/ nên quyết định truyền ngôi lại cho Lang Liêu.//

Kể từ đó,/ mỗi khi đến tết Nguyên đán,/ người dân đều làm bánh chưng và bánh giầy/ để dâng cúng Trời/ Đất,/ tổ tiên.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 4.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về vị ngữ

2.1. Xác định vị ngữ trong câu

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS làm bài vào VBT.

– HS trao đổi, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ, dán kết quả vào bảng nhóm (Đáp án:

a. *là bạn của bà con nông dân → Giới thiệu về "Chim sâu"*

b. *long lanh trên phiến lá → Nêu trạng thái của "Giọt sương".*

c. *chơi trò chơi* Mèo đuổi chuột *→ Nêu hoạt động của "chúng em".*

d. *đỏ thẫm → Nêu đặc điểm của "Những chùm thảo quả đã chín".*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm vị ngữ phù hợp thay cho ❀

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện BT (Gợi ý:

a. Hồ Gươm *là một địa điểm du lịch nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội/ là một thắng cảnh của Hà Nội/...*

b. Những cây liễu *bung nở những nhành hoa đỏ thắm/ rủ bóng tha thướt ở ven hồ/...*

c. Đàn chim gáy *bay lượn trên các ngọn tre/ sà xuống những thửa ruộng vừa gặt xong/...*

d. Những tia nắng sớm *khẽ len lỏi qua các tán cây xanh mướt/ tinh nghịch nhảy nhót trên cành lá/...*).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu có vị ngữ theo yêu cầu

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập lập dàn ý cho bài văn miêu tả cây cối

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

– Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *miêu tả cây cối.*)

– Đề bài yêu cầu tả loài cây nào? (Đáp án: *cây hoa.*)

3.2. Lập dàn ý cho bài văn tả một cây hoa em thích

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS có thể kết hợp quan sát một số tranh, ảnh của các loài hoa, đọc lại những ghi chép ở BT 2 tr. 40 (*Tiếng Việt 4, tập hai*), lập dàn ý bằng cách ghi các từ ngữ, hình ảnh. Khuyến khích HS ghi chép dưới dạng sơ đồ đơn giản.

– HS chia sẻ dàn ý đã lập trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh dàn ý.

– 1 – 2 HS chia sẻ dàn ý trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Chỉnh sửa dàn ý

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thêm vào dàn ý đã lập từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh, hình ảnh nhân hoá,…

– 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Thi kể tên một số loại bánh.*

– HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để kể tên các loại bánh theo yêu cầu (Gợi ý:

a. *bánh hấp, bánh rán, bánh tráng,...*

b. *bánh phồng, bánh gối, bánh quai chèo, bánh tai heo,...*

c. *bánh tôm, bánh tẻ, bánh khoai, bánh ngô, bánh bột lọc, bánh đậu xanh,...*).

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Nói 1 – 2 câu về một loại bánh em thích.*

– HS lần lượt nói cho nhau nghe về loại bánh yêu thích theo kĩ thuật *Ổ bi* (Gợi ý: *HS nói về hương vị, màu sắc, hình dáng, đặc điểm nổi bật của loại bánh đó,…*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

Chân trời sáng tạo

BÀI 2: ĐỘC ĐÁO THÁP CHĂM (tiết 5 – 7, SHS, tr. 44 – 46)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn về đặc điểm nổi bật của công trình kiến trúc trong các bức ảnh; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cung cấp thông tin về kiến trúc, ca ngợi vẻ đẹp độc đáo của tháp Chăm Pô Klông Ga-rai, từ đó biết quý trọng, giữ gìn các di tích, các công trình kiến trúc lịch sử.*

3. Giới thiệu được một cảnh đẹp ở quê hương hoặc nơi em ở.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết; viết lại được một đoạn văn có hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá.

5. Đố – đáp được về các loại cây trái bằng những từ ngữ chỉ đặc điểm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh hoặc video clip về tháp Chăm Pô Klông Ga-rai và lễ hội Ka-tê; tranh, ảnh về một cảnh đẹp ở quê hương hoặc nơi em ở (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Quần thể gồm" đến "biểu tượng lửa".

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về những điều em quan sát được về đặc điểm nổi bật của công trình kiến trúc trong các bức ảnh (Gợi ý: *Tháp Bút – ngọn tháp cao, trên đỉnh là hình ngòi bút; Nhà rông – mái nhà cao, giống như hình lưỡi rìu vươn lên bầu trời; Toà nhà búp sen – toà nhà cao chót vót, tựa như hình búp sen*). → Xem tranh, liên hệ với nội dung khởi động → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Độc đáo Tháp Chăm".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Độc đáo Tháp Chăm

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp kiến trúc của tháp*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *Pô Klông Ga-rai, đỏ sẫm,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Tháp Lửa nằm ở phía nam,/ có kiến trúc đặc trưng/ của những ngôi nhà truyền thống/ của người Chăm/ với hai mái cong cong hình chiếc thuyền.//;

Trong ba ngày diễn ra lễ hội,/ du khách đến thăm Tháp Chăm được thưởng thức những điệu múa quạt,/ vũ điệu Si-va của các cô gái/ và rất nhiều hoạt động truyền thống khác.//; ...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *điêu khắc* (loại hình nghệ thuật thể hiện hoặc gợi tả sự vật bằng cách sử dụng những chất liệu như đất, đá, gỗ, kim loại,... để tạo thành những hình thù nhất định), *chạm trổ* (chạm để trang trí), *quần thể* (nghĩa trong bài: tổ hợp kiến trúc không gian thống nhất, gồm nhà cửa, công trình, tượng đài,…),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Tháp Chăm Pô Klông Ga-rai nằm ở thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.*

+ Câu 2: *Mỗi ngôi tháp có những điểm đáng chú ý:*

• *Tháp Cổng: hai cửa thông nhau theo trục đông – tây, được chạm trổ những hoa văn hết sức tỉ mỉ.*

• *Tháp Lửa: có kiến trúc đặc trưng của những ngôi nhà truyền thống của người Chăm với hai mái ngói cong cong hình chiếc thuyền.*

• *Tháp Chính: cao hơn 20 mét, thiết kế nhiều tầng, các góc được gắn tượng đá thú và biểu tượng lửa.*

+ Câu 3: *Trong lễ hội Ka-tê, du khách được trải nghiệm những nét văn hoá, nghệ thuật đặc sắc: Thưởng thức những điệu múa quạt, vũ điệu Si-va và rất nhiều hoạt động truyền thống khác.*

+ Câu 4: *Nói Tháp Chăm là một "công trình kiến trúc, nghệ thuật, điêu khắc độc đáo của người Chăm" vì tháp mang vẻ đẹp độc đáo, riêng biệt; là đỉnh cao của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của người Chăm,...*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Quần thể gồm" đến "biểu tượng lửa" và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp kiến trúc của tháp*):

Quần thể gồm ba ngôi tháp,/ nổi bật bởi màu gạch nung đỏ sẫm.// Tháp Cổng là hai cửa thông nhau/ theo trục đông – tây,/ được chạm trổ những hoa văn/ hết sức tỉ mỉ.// Tháp Lửa nằm ở phía nam,/ có kiến trúc đặc trưng/ của những ngôi nhà truyền thống/ của người Chăm/ với hai mái cong cong hình chiếc thuyền.// Tháp Chính nằm sâu bên trong,/ cao hơn 20 mét,/ thiết kế nhiều tầng,/ các góc được gắn tượng đá thú/ và biểu tượng lửa.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ "Quần thể gồm" đến "biểu tượng lửa".

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Giới thiệu một cảnh đẹp

– HS xác định yêu cầu của BT và đọc các gợi ý.

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ, đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu với khách tham quan một cảnh đẹp ở quê hương hoặc nơi em ở.

– Một nhóm HS đóng vai, giới thiệu trước lớp cảnh đẹp đã lựa chọn, các nhóm còn lại quan sát theo kĩ thuật *Bể cá* và nhận xét phần trình bày của nhóm bạn theo các tiêu chí:

+ Nội dung giới thiệu

+ Phương tiện hỗ trợ

+ Yếu tố phi ngôn ngữ

+ ...

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Trả bài văn miêu tả cây cối

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn miêu tả một cây bóng mát được trồng ở trường hoặc nơi em ở:

– Ưu điểm

– Hạn chế

– …

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

– HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết đã nộp.

– HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (cấu tạo, sắp xếp ý, từ ngữ, hình ảnh,...).

3.3. Trao đổi với bạn về bài viết

HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ về bài viết dựa vào các gợi ý:

– Những điều học được ở bài viết của bạn.

– Những nội dung có thể điều chỉnh để bài viết hay hơn.

– …

3.4. Viết lại một đoạn trong bài viết

– HS chọn một đoạn trong bài viết và viết lại vào VBT, thêm vào đoạn một vài hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá.

– 2 – 3 HS trình bày bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đố bạn về các loại cây, quả bằng những từ ngữ chỉ đặc điểm.*

– HS chơi trong nhóm nhỏ, mỗi cá nhân suy nghĩ 3 – 4 từ ngữ chỉ đặc điểm tiêu biểu của một loại cây hoặc một loại quả để đố bạn.

– 1 – 2 nhóm HS trình bày trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: DÒNG SÔNG MẶC ÁO (tiết 8 – 11, SHS, tr. 47 – 50)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về một dòng sông; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Tác giả miêu tả vẻ đẹp, sự thay đổi của dòng sông vào những thời điểm khác nhau trong ngày*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Nói lên tình yêu quê hương của tác giả thông qua việc ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông quê hương*. Học thuộc lòng được 10 dòng thơ em thích.

– Tìm đọc một bài thơ hoặc ca dao viết về chủ điểm "Việt Nam quê hương em", viết được *Nhật kí đọc sách*; nói được 1 – 2 câu bày tỏ tình cảm, cảm xúc về con người hoặc cảnh đẹp được nhắc đến trong bài thơ hoặc bài ca dao.

3. Luyện tập về thành phần chính của câu; tìm được từ ngữ để mở rộng chủ ngữ, vị ngữ; viết được đoạn văn tả một loại quả em thích và xác định được chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu trong đoạn văn.

4. Viết được đoạn văn tả hoa của một cây hoa em thích, trong đoạn văn có hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá.

5. Biết cùng bạn nói nối tiếp để tả một loài hoa em biết, trong đó có hình ảnh so sánh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip ngắn về vẻ đẹp của dòng sông vào các thời điểm khác nhau trong ngày (nếu có).

– HS mang tới lớp bài thơ hoặc bài ca dao phù hợp với chủ điểm "Việt Nam quê hương em" và *Nhật kí đọc sách*.

– Bảng phụ ghi tám dòng thơ đầu.

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

– Tranh, ảnh về một loài hoa (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn những điều em biết về một dòng sông (có thể kết hợp với quan sát tranh, ảnh đã chuẩn bị) → Xem tranh, liên hệ với nội dung khởi động → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Dòng sông mặc áo".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Dòng sông mặc áo

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc toàn bài vui tươi, dịu dàng, trong sáng; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp của dòng sông, sự thay đổi của dòng sông qua các thời điểm trong ngày,…*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *thướt tha, thơ thẩn, ngẩn ngơ,…*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số dòng thơ thể hiện vẻ đẹp theo từng thời điểm của dòng sông:

Khuya rồi,/ sông mặc áo đen/
Nép trong rừng bưởi/ lặng yên đôi bờ.../
Sáng ra/ thơm đến ngẩn ngơ/
Dòng sông/ đã mặc bao giờ áo hoa/
Ngước lên/ bỗng gặp la đà/
Ngàn hoa bưởi trắng/ nở nhoà áo ai...//; ...

– HS đọc thành tiếng bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *thơ thẩn* (lặng lẽ, như đang có điều gì suy nghĩ vẩn vơ, lan man), *ráng* (hiện tượng ánh sáng mặt trời lúc mọc hay lặn phản chiếu vào các đám mây, làm cho một khoảng trời sáng rực, nhuộm màu vàng đỏ hay hồng sẫm),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Tác giả miêu tả dòng sông vào các thời điểm: trưa, chiều, đêm, khuya, sáng.*

+ Câu 2: *"Màu áo" của dòng sông vào mỗi thời điểm trong ngày là: trưa – xanh, chiều – hây hây ráng vàng, đêm – nhung tím lấp lánh, khuya – đen, sáng – áo hoa. Mỗi "màu áo" của dòng sông khác nhau là do sự thay đổi sắc màu của nền trời theo từng thời điểm trong ngày và nước sông phản chiếu màu sắc của cảnh vật hai bên bờ.*

+ Câu 3: *Tác giả nhận xét dòng sông "rất điệu" vì cùng một ngày, ở từng thời điểm khác nhau, dòng sông lại thay một bộ áo mới, dòng sông được nhân hoá trở thành một cô gái xinh đẹp, yêu kiều, duyên dáng,...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại tám dòng thơ đầu và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng vui tươi, dịu dàng, trong sáng; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp của dòng sông, sự thay đổi đến bất ngờ của dòng sông qua các thời điểm trong ngày,...*):

Dòng sông/ mới điệu làm sao/
Nắng lên/ mặc áo lụa đào/ thướt tha/
Trưa về/ trời rộng bao la/
Áo xanh/ sông mặc như là mới may/
Chiều trôi/ thơ thẩn áng mây/
Cài lên/ màu áo hây hây ráng vàng/
Đêm/ thêu trước ngực/ vầng trăng/
Trên nền nhung tím/ trăm ngàn sao lên.//

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp 10 dòng thơ em thích (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ điểm "Việt Nam quê hương em"

1.2.1. Tìm đọc một bài thơ hoặc bài ca dao

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ hoặc bài ca dao phù hợp với chủ điểm "Việt Nam quê hương em" theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài thơ hoặc bài ca dao viết về:

+ Vẻ đẹp của con người.

+ Vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước.

+ ?

Chân trời sáng tạo

– HS chuẩn bị bài thơ hoặc bài ca dao để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những từ ngữ, hình ảnh đẹp trong bài thơ hoặc bài ca dao.

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ hoặc bài ca dao.

1.2.3. Chia sẻ về bài thơ hoặc bài ca dao đã đọc

– HS đọc hoặc trao đổi bài thơ, bài ca dao cho bạn trong nhóm cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.4. Thi Nghệ sĩ nhí

– HS đọc bài thơ hoặc bài ca dao cho bạn nghe trong nhóm nhỏ và chia sẻ với bạn về tình cảm, cảm xúc của em về con người hoặc cảnh đẹp được nhắc đến trong bài thơ hoặc bài ca dao.

– HS bình chọn bạn có giọng đọc tốt nhất/ truyền cảm nhất/…

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về thành phần chính của câu

2.1. Xác định chủ ngữ, vị ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. Đáp án:

+ *Phút yên tĩnh của rừng ban mai/ dần dần biến đi.*

CN *VN*

+ *Chim/ hót líu lo.*

CN *VN*

+ *Nắng/ bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất.*

CN *VN*

+ Gió/ đưa mùi hương ngọt lan xa, phảng phất khắp rừng.

CN *VN*

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Chọn từ ngữ phù hợp với mỗi ❀

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài vào VBT (Gợi ý:

a. Đàn cò trắng *vội vã/ thẳng cánh/...* bay.

b. Những đoá hoa hồng toả hương *thơm ngát/ ngào ngạt/...*

c. Giờ tan tầm, xe cộ đi lại *như mắc cửi/ tấp nập/ chậm như rùa/...*

d. Dưới hồ, đàn cá *tung tăng/ vui vẻ cùng nhau/...* bơi lội.).

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết đoạn văn tả một loại quả em thích

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS viết đoạn văn vào VBT, sau đó xác định chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Chân trời sáng tạo

Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn miêu tả cây cối

3.1. Tìm hiểu đoạn văn miêu tả hoa của một loài cây

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các đoạn văn.

– HS thảo luận nhóm nhỏ và lần lượt thực hiện các yêu cầu theo kĩ thuật *Mảnh ghép* (Đáp án:

a. *+ Đoạn văn miêu tả các bộ phận của cây đào là: cành, búp lá, hoa.*

+ Tác giả quan sát bằng: thị giác, xúc giác.

+ Tác giả đã sử dụng từ ngữ, hình ảnh: Cành hoa – mảnh dẻ; búp lá – xanh non; hoa – chùm, đơm đặc, chúm chím; cánh hoa – mỏng, màu phớt hồng, mềm mại, rung rinh trong gió, như muôn ngàn cánh bướm; nhuỵ – vàng tươi.

b. + *Đoạn văn tả hoa giấy vào thời điểm buổi trưa, trời nắng gắt.*

+ *Tác giả đã sử dụng từ ngữ, hình ảnh: bồng lên rực rỡ; màu đỏ thắm, màu tím nhạt, màu da cam, màu trắng muốt tinh khiết; lá chen hoa bao trùm cả ngôi nhà lẫn mảnh sân nhỏ; đẹp một cách giản dị; giống hệt một chiếc lá, mỏng manh, có màu sắc rực rỡ; lớp lớp hoa rải kín mặt sân.*

+ *Hình ảnh so sánh: Mỗi cánh hoa giống hệt một chiếc lá, chỉ có điều mỏng manh hơn và có màu sắc rực rỡ. → Giúp người đọc dễ dàng liên tưởng đến cánh hoa giấy, làm câu văn thêm sinh động,...).*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết đoạn văn tả hoa của một cây hoa em thích, trong đoạn văn có hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS làm bài vào VBT (có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh của một vài loài hoa).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS đọc lại bài làm và tự điều chỉnh.

3.3. Chia sẻ đoạn văn trong nhóm và bình chọn

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS trao đổi vở, chia sẻ bài làm trong nhóm.

– HS bình chọn trong nhóm nhỏ theo những tiêu chí: *từ ngữ gợi tả hay; có hình ảnh đẹp; có câu văn hay;...*

– HS có thể trưng bày bài làm của mình ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.*

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói nối tiếp để cùng bạn tả một loài hoa em biết, trong đó có hình ảnh so sánh.*

– HS có thể quan sát tranh, ảnh hoặc vật thật của một loài hoa, chơi trò chơi *Hoa tình bạn* để nói nối tiếp trước lớp.

– 1 – 2 nhóm HS trình bày trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: BUỔI SÁNG Ở HÒN GAI
(tiết 12 – 14, SHS, tr. 51 – 54)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn những điều thú vị vào buổi sáng ở quê hương hoặc nơi em ở; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Sự nhộn nhịp vào buổi sáng ở Hòn Gai, vẻ đẹp lao động của người dân nơi đây*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi vẻ đẹp vào buổi sáng, không khí lao động nhộn nhịp, từ đó nói lên tình cảm của tác giả dành cho Hòn Gai.*

3. Nhận diện được câu chủ đề, viết được đoạn văn từ câu chủ đề cho trước.

4. Viết được bài văn miêu tả cây cối (cây hoa), có hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá.

5. Viết được tên và từ chỉ đặc điểm tương ứng của 2 – 3 loài tôm, cá có trong bài "Buổi sáng ở Hòn Gai".

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về cảnh buổi sáng ở Hòn Gai; tranh, ảnh về một vài loài hoa (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn 3.

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về những điều thú vị vào buổi sáng ở quê hương hoặc nơi em ở (cảnh vật, con người, hoạt động, không khí,...) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Buổi sáng ở Hòn Gai".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Buổi sáng ở Hòn Gai

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc toàn bài thong thả, rõ ràng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của các loài cá, hoạt động của người dân, không khí lao động vào buổi sáng ở Hòn Gai,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *vội vã, ướt át, roi rói, la liệt, giãy,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu tả cảnh nhộn nhịp vào buổi sáng ở Hòn Gai: *Khi tiếng còi tầm vừa cất lên,/ những chiếc xe bò tót cao to/ chở thợ mỏ lên tầng,/ vào lò,/ tiếng còi bíp bíp inh ỏi,/ những người thợ điện,/ thợ cơ khí,/ thợ sàng rửa vội vã tới xưởng thay ca,/ các chị mậu dịch viên/ mở cửa các quầy hàng,/ các em nhỏ,/ khăn quàng đỏ bay trên vai/ kéo nhau tới lớp.//;...*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "kéo nhau tới lớp".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "tươi roi rói lên chợ".

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *roi rói* (có vẻ tươi mới, lộ rõ ra ngoài), *trắng lốp* ((khẩu ngữ) trắng nổi hẳn lên, đập vào mắt mọi người), *thợ sàng rửa* (thợ thực hiện công đoạn sàng rửa), *thuyền lưới, thuyền giã, thuyền Khu Bốn, thuyền Vạn Ninh* (tên các loại thuyền ở vịnh Hạ Long),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Chi tiết cho thấy buổi sáng ở Hòn Gai rất nhộn nhịp là: những chiếc xe bò tót cao to chở thợ mỏ lên tầng, vào lò; tiếng còi bíp bíp inh ỏi; những người thợ điện, thợ cơ khí, thợ sàng rửa vội vã tới xưởng thay ca; các chị mậu dịch viên mở cửa các quầy hàng; các em nhỏ kéo nhau tới lớp.*

+ Câu 2: *Cách tả đoàn thuyền đánh cá thú vị ở chỗ: Đoàn thuyền đánh cá đang rẽ màn sương bạc, hào hứng nối đuôi nhau cập bến sau chuyến đánh bắt đêm bội thu. Những cánh buồm trong sương sớm được miêu tả như những cánh chim trong mưa.*

+ Câu 3: *Mỗi loại tôm, cá được bày bán ở chợ Hòn Gai được tả:*

• *Cá song: khoẻ, vớt lên hàng giờ vẫn giãy đành đạch, vảy sáng hoa đen lốm đốm.*

• *Cá chim: mình dẹt như hình con chim lúc sải cánh bay.*

• *Cá nhụ: béo núc, trắng lốp, bóng mượt như được quét một lớp mỡ ngoài vảy,...*

• *Tôm he: tròn, thịt căng lên từng ngấn như cổ tay của trẻ lên ba, da xanh ánh, hàng chân choi choi như muốn bơi.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Cuộc sống người dân ở Hòn Gai rất nhộn nhịp, người dân vui vẻ lao động, hăng say làm việc, cuộc sống đầy sắc màu,...*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Quang cảnh Hòn Gai vào buổi sáng rất nhộn nhịp.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Cảnh tàu thuyền về bến vào sáng sớm.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Hoạt động ở chợ Hòn Gai vào buổi sáng* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc toàn bài thong thả, rõ ràng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của các loài cá*):

Chợ Hòn Gai buổi sáng/ la liệt tôm cá.// Những con cá song khoẻ,/ vớt lên hàng giờ/ vẫn giãy đành đạch,/ vảy sáng hoa đen lốm đốm.// Những con cá chim mình dẹt/ như hình con chim lúc sải cánh bay,/ thịt ngon vào loại nhất nhì.// Những con cá nhụ béo núc,/ trắng lốp,/ bóng mượt như được quét một lớp mỡ ngoài vảy.// Những con tôm he tròn,/ thịt căng lên từng ngấn/ như cổ tay của trẻ lên ba,/ da xanh ánh,/ hàng chân choi choi/ như muốn bơi.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Câu chủ đề

2.1. Hình thành khái niệm câu chủ đề

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các đoạn văn.

– HS tìm nội dung của mỗi đoạn văn, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ (Gợi ý:

+ Đoạn thứ nhất: Giới thiệu cách trang trí, sắp xếp hoa văn của trống đồng.

+ Đoạn thứ hai: Nêu nhận định sản vật ở biển mang lại cho phố chài một vẻ đẹp riêng biệt, độc đáo).

– HS trao đổi trong nhóm đôi, trả lời câu hỏi (Gợi ý:

a. *Mỗi câu in nghiêng có vai trò nêu ý khái quát của cả đoạn văn.*

b. *Các câu còn lại nêu ý cụ thể của đoạn văn.*).

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm đôi (Đáp án: *Đoạn văn không có câu nêu khái quát nội dung toàn đoạn, chỉ có các câu nêu ý cụ thể.*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều cần ghi nhớ về câu chủ đề.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Tìm câu chủ đề của đoạn văn và cho biết vị trí của nó

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT (Gợi ý:

a. *Câu chủ đề: "Trên nương, mỗi người một việc." → Đứng ở đầu đoạn.*

b. *Câu chủ đề: "Đâu đâu cũng thấy dấu hiệu của sự sung túc." → Đứng ở cuối đoạn.*).

Lưu ý: GV có thể yêu cầu HS giải thích vì sao em cho rằng đó là câu chủ đề (Gợi ý: *Vì đó là câu nêu ý khái quát của đoạn văn.*).

– 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết tiếp câu để hoàn thành đoạn văn từ câu chủ đề

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS nói trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý (**Lưu ý:** HS có thể viết về cảnh vật trong buổi sáng sớm ở nơi em ở, không nhất thiết phải ở thành phố như câu chủ đề.).

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS trình bày bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập viết bài văn miêu tả cây cối

– HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

+ Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *miêu tả cây hoa.*)

+ Em cần lưu ý gì trong bài văn? (Đáp án: *sử dụng hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá.*)

– HS nghe GV lưu ý thêm (nếu cần).

– HS quan sát sơ đồ gợi ý và những nội dung đã ghi chép ở BT 1 tr. 43 (*Tiếng Việt 4, tập hai*), làm bài vào VBT (có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh của một vài loài hoa).

– 3 – 4 HS đọc bài viết trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết tên và từ chỉ đặc điểm tương ứng của 2 – 3 loài tôm, cá có trong bài "Buổi sáng ở Hòn Gai" vào sổ tay.*

– HS đọc lại đoạn 3 của bài "Buổi sáng ở Hòn Gai", tr. 52 (*Tiếng Việt 4, tập hai*), viết tên và các từ chỉ đặc điểm tương ứng của 2 – 3 loài tôm, cá vào sổ tay.

– 1 – 2 HS trình bày trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: HOA CÚC ÁO (tiết 15 – 18, SHS, tr. 55 – 59)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn về tên gọi của các loài hoa trong các bức ảnh; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Sự xuất hiện của cô cúc áo khiến khung cảnh, con người ở xóm Bờ Giậu trở nên tươi mới, vui vẻ hơn.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi cuộc sống bình dị, vui vẻ, lạc quan, chan chứa tình cảm ở xóm Bờ Giậu.*

3. Chọn, tìm được câu chủ đề phù hợp với đoạn văn; viết được đoạn văn tả một loài hoa em thích, trong đó có câu chủ đề.

4. Chia sẻ được tình cảm, cảm xúc của em về một nhân vật trong câu chuyện hoặc bài thơ đã nghe, đã đọc.

5. Giải được ô chữ *Xinh tươi*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh về bờ giậu, hoa cúc áo, dế mèn,… (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Cụ giáo cóc thức dậy" đến " hương sắc mới".

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

– Tranh, ảnh hoặc vật thật của các loại trái cây có trong ô chữ của hoạt động vận dụng (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn về tên gọi của mỗi loài hoa trong các bức ảnh (Gợi ý: *Hoa loa kèn – bông hoa có hình dáng tựa như cái kèn; hoa chuông – bông hoa có hình dáng như cái chuông nhỏ; hoa bướm – bông hoa có cánh mỏng manh tựa như cánh bướm → Tên hoa được đặt theo đặc điểm nổi bật, riêng biệt*). → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Hoa cúc áo".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Hoa cúc áo

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng kể thong thả, trong trẻo; giọng cụ giáo cóc trầm tĩnh, sâu lắng; giọng anh dế chậm rãi, vui tươi,…; nhấn giọng ở câu cảm và những từ ngữ chỉ đặc điểm của hoa cúc áo, tâm lí của các nhân vật trong bài,…*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *lộng lẫy, ngát hương, ngó nghiêng, loay hoay,…*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu miêu tả, câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Chao,/ cô cúc áo như đã hoá thân thành người khác,/ phô bày tất cả vẻ lộng lẫy của mình/ qua những bông hoa vàng rực ngát hương.//;

Vài chị cào cào áo xanh váy đỏ/ là người xóm bên/ đi ngang qua cũng dừng lại ngó nghiêng.//;

Loay hoay mãi/ anh chàng mới dám đọc cho cụ nghe bài thơ mới làm/ có nhan đề "Nàng từ đâu tới"://;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "hương sắc mới".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "sướng ngẩn người".

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *tinh tường* (có khả năng nhận biết nhanh nhạy và rõ ràng đến từng chi tiết nhỏ), *ngó nghiêng* (nghiêng đầu bên nọ, bên kia để quan sát),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Cô hoa cúc áo là người mới đến định cư ở xóm Bờ Giậu.*

+ Câu 2: *Mùa xuân đến, cô hoa cúc áo phô bày tất cả vẻ lộng lẫy của mình qua những bông hoa vàng rực, ngát hương.*

+ Câu 3: *Thái độ của mỗi cư dân xóm Bờ Giậu trước sự thay đổi của cô hoa cúc áo:*

- *Cụ giáo cóc: thức dậy trong mùi hương nồng nàn, ngạc nhiên.*
- *Anh dế còm: đứng ngây nhìn (mê mẩn).*
- *Bác giun đất: gật gù thán phục.*
- *Chị cào cào: ngó nghiêng (tò mò).*

+ Câu 4: *Cuộc trò chuyện giữa anh dế còm và cụ giáo cóc đặc biệt ở chỗ: Thái độ ban đầu của anh dế còm còn rụt rè nhưng cuối cùng dám dũng cảm đọc cho cụ giáo cóc nghe bài thơ viết về cô hoa cúc áo. Điểm độc đáo còn thể hiện qua bài thơ mà anh dế đã tự sáng tác (đưa được hộ khẩu vào thơ).*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: *Học được cách dùng từ ngữ chỉ người để gọi các con vật khiến cho bài văn trở nên sinh động, gần gũi, giàu cảm xúc,…*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3 → rút ra ý đoạn 1: *Thái độ của cư dân xóm Bờ Giậu trước sự thay đổi của cô hoa cúc áo.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 2: *Cuộc trò chuyện thú vị giữa anh dế còm và cụ giáo cóc.*

+ HS rút ra ý đoạn 3: *Anh dế còm thay đổi nhờ vào cô hoa cúc áo.* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Cụ giáo cóc thức dậy" đến "hương sắc mới" và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng thong thả, trong trẻo, vui tươi; nhấn giọng ở câu cảm và những từ ngữ miêu tả vẻ đẹp của hoa cúc áo, hành động, cảm xúc của các nhân vật,...*):

Cụ giáo cóc thức dậy/ trong mùi hương nồng nàn.// Nghe tiếng lao xao,/ cụ chống gậy,/ thận trọng đò từng bước ra cửa.// Chao,/ cô cúc áo như đã hoá thân thành người khác,/ phô bày tất cả vẻ lộng lẫy của mình/ qua những bông hoa vàng rực ngát hương.// Bên cạnh,/ anh dế còm đứng ngây nhìn.// Bác giun đất gật gù thán phục.// Vài chị cào cào áo xanh váy đỏ/ là người xóm bên/ đi ngang qua cũng dừng lại ngó nghiêng.//

Xóm Bờ Giậu từ lâu thiu thiu ngủ,/ nay bỗng bừng tỉnh trong hương sắc mới.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ "Cụ giáo cóc thức dậy" đến "hương sắc mới".

– HS khá, giỏi đọc cả bài. GV có thể tổ chức cho HS thi đọc bài thơ do anh dế còm sáng tác.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về câu chủ đề

2.1. Chọn và xác định vị trí của câu chủ đề

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS làm bài vào VBT (Đáp án:

a. *Buổi tối ở làng thật vui.* → *Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn.*

b. *Cánh đồng làng mùa xuân thật đẹp!* → *Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn.*

c. *Thuở xưa, các cô tiên quàng khăn màu sắc khác nhau.* → *Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn.*).

– 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm câu chủ đề phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm 4 theo kĩ thuật *Khăn trải bàn,* thực hiện yêu cầu BT (Gợi ý:

a. *Mỗi loại cây trái trong vườn đều mang một màu sắc, một hương vị riêng.*

b. *Khu vườn nhỏ bỗng rộn vang tiếng chim hót.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết đoạn văn ngắn tả một loài hoa em thích, trong đoạn văn có câu chủ đề

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT (có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh một vài loài hoa).

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm → chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc

3.1. Tìm hiểu đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật em thích

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (Gợi ý:

a. *Đoạn văn nêu cảm xúc về nhân vật dế còm.*

b. *Người viết đã bày tỏ cảm xúc về những đặc điểm của nhân vật là: tính cách, tài năng của dế còm.*

c. *Câu văn đầu khẳng định dế còm là nhân vật người viết yêu thích nhất trong truyện "Hoa cúc áo" của nhà văn Trần Đức Tiến.*

Câu cuối nêu nhận xét của người viết về truyện "Hoa cúc áo" nói chung và cách nhân hoá của nhà văn nói riêng.).

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Chia sẻ về tình cảm, cảm xúc của em với một nhân vật trong câu chuyện hoặc bài thơ đã nghe, đã đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS nhớ lại các câu chuyện hoặc bài thơ đã nghe, đã đọc và chọn một nhân vật để chia sẻ, ghi chép lại một số ý chính bằng sơ đồ tư duy đơn giản.

– HS chia sẻ trong nhóm theo kĩ thuật *Ổ bi* dựa vào sơ đồ gợi ý.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Giải ô chữ.*

– HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để giải ô chữ (Đáp án: 1. *XOÀI*, 2. *BƯỞI*, 3. *NHO*, 4. *HỒNG*, 5. *THANH LONG*, 6. *DƯA HẤU*, 7. *BƠ*, 8. *VẢI*; từ khoá: *XINH TƯƠI*).

– HS giới thiệu về một loại trái cây hoặc đặc điểm, đặc trưng của loại trái cây có trong ô chữ; nêu loại trái cây em thích,… (nếu còn thời gian).

– HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: MỘT KÌ QUAN THẾ GIỚI (tiết 19 – 21, SHS, tr. 60 – 63)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Giới thiệu được một cảnh vật là niềm tự hào của người dân Việt Nam; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Giới thiệu sự kì vĩ và vẻ đẹp của hang Sơn Đoòng – báu vật thiên nhiên ban tặng và là niềm tự hào của Việt Nam.*

3. Nói được một việc làm góp phần bảo vệ môi trường.

4. Viết được đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân về một nhân vật trong câu chuyện hoặc bài thơ đã nghe, đã đọc.

5. Đọc được thơ, ca dao về danh lam thắng cảnh, quê hương đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip giới thiệu về hang Sơn Đoòng (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Sơn Đoòng không chỉ rộng lớn" đến "trên mặt đất".

– Tranh, ảnh, video clip về hoạt động giữ gìn vệ sinh nhà cửa, đường phố, trường lớp,... (nếu có).

– Một số bài thơ, ca dao về danh lam thắng cảnh, quê hương đất nước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, giới thiệu về một cảnh vật là niềm tự hào của người dân Việt Nam (Gợi ý: *vịnh Hạ Long, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Vườn Quốc gia Nam Cát Tiên, Toà nhà búp sen (Bitexco), chùa Một Cột,...*). → Xem tranh, liên hệ với nội dung khởi động → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Một kì quan thế giới".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Một kì quan thế giới

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng, rành mạch, tự hào; nhấn giọng ở những từ ngữ nói về thông tin và miêu tả vẻ đẹp của hang Sơn Đoòng*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *vùi, chi chít, lộng lẫy,…*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Sơn Đoòng không chỉ rộng lớn/ mà bên trong còn ẩn chứa hệ sinh thái độc đáo/ và một khu rừng nhiệt đới.// Trong hang có một dòng sông ngầm/ dài 2 ki-lô-mét rưỡi/ và cả những cột nhũ đá/ cao tới 70 mét.// Vùi mình trong Sơn Đoòng qua hàng triệu năm/ còn là chi chít những quần thể san hô/ và di tích thú hoá thạch.//;...*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *di tích* (dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất có ý nghĩa về mặt văn hoá và lịch sử), *hoá thạch* (di tích hoá đá của thực vật, động vật cổ xưa còn lưu lại ở các tầng đất đá),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Những con số nói lên sự rộng lớn, bao la, hùng vĩ của hang Sơn Đoòng.*

+ Câu 2: *Bên trong hang Sơn Đoòng ẩn chứa hệ sinh thái độc đáo và một khu rừng nhiệt đới, một dòng sông ngầm dài 2 ki-lô-mét rưỡi và cả những cột nhũ đá cao tới 70 mét, chi chít những quần thể san hô và di tích thú hoá thạch.*

+ Câu 3: *Hai "giếng trời" đưa ánh mặt trời vào tạo điều kiện cho cây cối phát triển, tạo nên khu "vườn địa đàng" lộng lẫy ngay trên mặt đất.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Sơn Đoòng được UNESCO bảo hộ và du khách khắp năm châu ao ước được đặt chân đến vì cảnh đẹp kì bí, hùng vĩ, độc đáo của hang; ...*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Sơn Đoòng không chỉ rộng lớn" đến "trên mặt đất" và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng; nhấn giọng ở những từ ngữ cung cấp thông tin và miêu tả vẻ đẹp của hang Sơn Đoòng*):

Sơn Đoòng không chỉ rộng lớn/ mà bên trong còn ẩn chứa hệ sinh thái độc đáo/ và một khu rừng nhiệt đới.// Trong hang có một dòng sông ngầm/ dài 2 ki-lô-mét rưỡi/ và cả những cột nhũ đá/ cao tới 70 mét.// Vùi mình trong Sơn Đoòng qua hàng triệu năm/ còn là chi chít những quần thể san hô/ và di tích thú hoá thạch.//

Đặc biệt,/ hang có hai "giếng trời"/ đưa ánh mặt trời chiếu vào/ tạo điều kiện cho cây cối phát triển,/ tạo nên khu "vườn địa đàng" lộng lẫy ngay trên mặt đất.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ "Sơn Đoòng không chỉ rộng lớn" đến "trên mặt đất".

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Nói về một việc làm góp phần bảo vệ môi trường

2.1. Chia sẻ về các việc làm để môi trường xung quanh luôn xanh – sạch – đẹp

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS quan sát tranh gợi ý, trao đổi trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

– HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

Chân trời sáng tạo

2.2. Nói về một việc đã làm cùng bạn bè, người thân,... để góp phần giữ gìn nhà cửa, đường phố, trường lớp,... xanh – sạch – đẹp

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần):

+ Giới thiệu về việc làm đó (thời gian, địa điểm, mục đích…)

+ Diễn biến sự việc (cách thực hiện, cảm xúc khi thực hiện,…)

+ Kết quả của việc làm đó

+ Ý nghĩa mà việc làm đem lại

+ …

– HS chia sẻ trong nhóm 4.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip về các hoạt động bảo vệ môi trường ở trường lớp hoặc địa phương).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc

3.1. Viết đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc của em về một nhân vật trong câu chuyện hoặc bài thơ đã nghe, đã đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS nhớ lại những nội dung đã ghi chép ở tiết trước, viết đoạn văn vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Đọc lại và chỉnh sửa đoạn văn của em

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc lại đoạn văn vừa viết và tự điều chỉnh.

3.3. Nghe bạn nhận xét để hoàn chỉnh đoạn văn

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm, nghe bạn nhận xét, góp ý và điều chỉnh (nếu cần).

(Gợi ý:

+ Lựa chọn chi tiết tiêu biểu thể hiện tính cách, tài năng, năng khiếu

+ Sử dụng từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc

+ …)

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Cùng bạn trưng bày và bình chọn đoạn văn yêu thích

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS trưng bày sản phẩm trước lớp bằng kĩ thuật *Phòng tranh*.

– HS bình chọn đoạn văn mình yêu thích nhất.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Thi đọc thơ, ca dao về danh lam thắng cảnh, quê hương đất nước.*

– HS chia sẻ bài thơ, ca dao đã chuẩn bị và đọc thơ, ca dao trong nhóm nhỏ.

– 2 – 3 HS thi đọc thơ, ca dao trước lớp (có thể tổ chức chơi trò chơi *Chuyền hoa*).

– HS bình chọn giọng đọc ấn tượng trong nhóm/ lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 7: CHỢ TẾT (tiết 22 – 25, SHS, tr. 64 – 67)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được những hoạt động thường được tổ chức vào dịp tết Nguyên đán ở trường hoặc nơi em sống; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Miêu tả bức tranh chợ Tết vùng trung du đầy màu sắc, nhộn nhịp, vui vẻ.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi cuộc sống ấm no, bình yên, hạnh phúc, vui vẻ của người dân quê thông qua cảnh chợ Tết.* Học thuộc lòng được đoạn từ đầu đến "bên yếm mẹ".

– Tìm đọc được bài văn viết về cuộc sống, sinh hoạt, con người, vẻ đẹp quê hương, đất nước; viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn những điều em biết thêm về đất nước, con người Việt Nam sau khi đọc bài văn.

3. Nhận diện và biết cách sử dụng dấu gạch ngang.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết.

5. Đóng vai và giới thiệu được một vài nét đẹp của chợ quê.

Chân trời sáng tạo

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về các buổi họp chợ miền trung du, chợ quê (nếu có).

– Tranh, ảnh về các hoạt động được tổ chức vào dịp tết Nguyên đán ở trường hoặc nơi em sống (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ đầu đến "chạy đi đầu".

– HS mang tới lớp bài văn về cảnh đẹp đất nước phù hợp với chủ điểm "Việt Nam quê hương em" và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ cùng bạn những hoạt động thường được tổ chức vào dịp tết Nguyên đán ở trường hoặc nơi em sống (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Chợ Tết".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Chợ Tết

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, vui tươi, hồn nhiên, thiết tha; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp của cảnh, hoạt động của con người,…*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *ôm ấp, nhà gianh,…*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số dòng thơ miêu tả cảnh vùng núi:

Dải mây trắng/ đỏ dần trên đỉnh núi/
Sương hồng lam/ ôm ấp nóc nhà gianh/
Trên con đường/ viền trắng mép đồi xanh/
Người các ấp/ tưng bừng ra chợ Tết/

– HS đọc thành tiếng bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

Chân trời sáng tạo

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "ra chợ Tết".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "đuổi theo sau".

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *lon xon* ((như *lon ton*) tả dáng đi, chạy (thường là của trẻ em) với những bước ngắn, nhanh nhẹn, vẻ hào hứng), *rỏ* ((như *nhỏ*) rơi xuống thành từng giọt),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Vẻ đẹp thiên nhiên trên đường ra chợ Tết được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh: dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi/ sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh/ con đường viền trắng mép đồi xanh.*

+ Câu 2: *Dáng vẻ của người, vật trên đường ra chợ Tết: vui vẻ kéo hàng, những thằng cu áo đỏ chạy lon xon, cụ già chống gậy bước lom khom, cô yếm thắm cười lặng lẽ, em bé nép đầu bên yếm mẹ, hai người thôn gánh lợn chạy đi, con bò vàng chạy đuổi theo sau → Người và vật trên đường ra chợ Tết đều rất vui vẻ, háo hức đón chờ Tết đến.*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Bức tranh chợ Tết được miêu tả rất bình dị nhưng sống động; bức tranh hiện ra với cảnh đẹp của đất trời, vẻ đẹp của người dân quê Việt Nam; bức tranh diễn tả được không khí Tết ở làng quê Việt Nam, bình dị nhưng vui tươi, nhộn nhịp, hạnh phúc,...*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Bức tranh thiên nhiên vùng núi tươi đẹp vào những ngày Tết.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Cảnh chợ Tết nhộn nhịp, vui vẻ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Cảnh đẹp thanh bình trong ánh bình minh.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ đầu đến "chạy đi đầu" và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, vui tươi, hồn nhiên; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp của cảnh vật và hoạt động của người,…*):

Dải mây trắng/ đỏ dần trên đỉnh núi/
Sương hồng lam/ ôm ấp nóc nhà gianh/
Trên con đường/ viền trắng mép đồi xanh/
Người các ấp/ tưng bừng ra chợ Tết/
Họ vui vẻ kéo hàng/ trên cỏ biếc/
Những thằng cu áo đỏ/ chạy lon xon/
Vài cụ già/ chống gậy/ bước lom khom/
Cô yếm thắm/ che môi cười lặng lẽ/
Thằng em bé/ nép đầu bên yếm mẹ/
Hai người thôn/ gánh lợn chạy đi đầu/

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp đoạn từ đầu đến "chạy đi đầu" (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ điểm "Việt Nam quê hương em"

1.2.1. Tìm đọc bài văn

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn thuộc chủ điểm "Việt Nam quê hương em" theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài văn viết về:

+ Cuộc sống, sinh hoạt của con người.
+ Vẻ đẹp quê hương, đất nước.
+ ?

– HS chuẩn bị bài văn để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những chi tiết quan trọng trong bài văn: tên, tác giả, hoạt động của con người, cảnh đẹp của quê hương, đất nước,…

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.

1.2.3. Chia sẻ về bài văn đã đọc

– HS đọc hoặc trao đổi bài văn cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

1.2.4. Thi **Hướng dẫn viên nhí**

– HS hoạt động trong nhóm nhỏ, giới thiệu và chia sẻ những điều em biết thêm về đất nước, con người Việt Nam sau khi đọc bài văn.

– HS bình chọn cho bạn có phần chia sẻ ấn tượng.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Dấu gạch ngang

2.1. Nhận diện và nêu công dụng của dấu gạch ngang

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các đoạn văn, câu văn.

– HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (Đáp án:

a. *– Lá bưởi dùng để gội đầu;*

– Hoa bưởi dùng để trang trí, ướp trà;

– Vỏ bưởi dùng để nấu chè;

– Tép bưởi có nhiều chất dinh dưỡng, ngăn ngừa bệnh tật;

– Lá, vỏ, hoa và hạt bưởi còn được dùng để làm mĩ phẩm hoặc làm thuốc.

→ Công dụng: Đánh dấu các ý liệt kê công dụng của cây bưởi.

b. *Long Hải – Bình Châu – La Gi – Mũi Né – Phan Thiết → Công dụng: Nối tên các địa điểm du lịch trên cùng một cung đường.*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều cần ghi nhớ về dấu gạch ngang.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Thêm dấu gạch ngang vào những vị trí phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài vào VBT (Đáp án:

a. *– Mở vòi nước vừa phải;*

– Lấy nước vừa đủ dùng;

– Khoá vòi ngay sau khi sử dụng xong;

– Tái sử dụng nước hợp lí;

– Kêu gọi mọi người cùng thực hiện.

b. *Hà Nội – Huế – Thành phố Hồ Chí Minh*).

– HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.

– 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Hoàn chỉnh đoạn văn có dấu gạch ngang

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS nhớ lại các bài học trong chủ điểm, làm bài vào VBT (Gợi ý:

Ở chủ điểm "Việt Nam quê hương em", em đã được học các bài đọc:

– Sự tích bánh chưng, bánh giầy;

– Độc đáo Tháp Chăm;

– Dòng sông mặc áo;

– Buổi sáng ở Hòn Gai;

– Hoa cúc áo;

– Một kì quan thế giới;

– Chợ Tết.).

– 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Trả bài văn miêu tả cây cối

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn miêu tả một cây hoa em thích:

– Ưu điểm

– Hạn chế

– …

Chân trời sáng tạo

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

– HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết đã nộp.

– HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (cấu tạo, sắp xếp ý, từ ngữ, hình ảnh...).

3.3. Trang trí và trưng bày bài viết

– HS trang trí bài viết và trưng bày ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS vẽ khuôn mặt và ghi từ ngữ chỉ cảm xúc, những điều học được từ bạn theo kĩ thuật *Phòng tranh*.

3.4. Thực hiện bình chọn

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm và bình chọn: *Mở bài hấp dẫn; Hình ảnh so sánh đẹp; Hình ảnh nhân hoá sinh động; Kết bài ấn tượng; ...*

– 1 – 2 HS trình bày trước lớp và nêu lí do bình chọn.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu với du khách một vài nét đẹp của chợ quê.*

– HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (có thể kết hợp xem tranh, ảnh, video clip về cảnh chợ quê ở các vùng miền trên đất nước).

– Một nhóm HS đóng vai và trình bày trước lớp theo kĩ thuật *Bể cá*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 8: VỀ LẠI GÒ CÔNG (tiết 26 – 28, SHS, tr. 68 – 71)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Hỏi – đáp được về cảnh vật trong các bức ảnh; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp của cửa biển Gò Công và rừng đước, rừng tràm*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tình cảm và niềm tự hào của tác giả dành cho vùng đất và người dân nơi cửa biển Gò Công, tỉnh Cà Mau.*

3. Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Quê hương*.

4. Viết được hướng dẫn làm hoặc sử dụng một sản phẩm.

5. Sáng tác được 4 – 6 dòng thơ hoặc viết được 2 – 3 câu văn về một cảnh đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về Gò Công, rừng đước, rừng tràm,... và hình ảnh về cảnh đẹp quê hương, đất nước (nếu có).

– Tranh, ảnh, video clip làm một số sản phẩm đơn giản như khung tranh bằng que kem, chậu hoa tái chế, lọ cắm bút bằng que kem,… (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn 2.

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, hỏi – đáp được về những điều em thấy trong các bức ảnh (Gợi ý: *hình đất mũi Cà Mau; hình rừng đước*).

– Một vài HS chia sẻ trước lớp.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, xem tranh, liên hệ với nội dung khởi động → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Về lại Gò Công".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Về lại Gò Công

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc toàn bài trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ tả cảnh hoặc bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của tác giả,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *thăm thẳm, lượn sóng, quyến rũ, quấn quýt,…*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu tả vẻ đẹp của cảnh:

Tôi đón nắng rực rỡ/ và bầu trời trong xanh/ quyến rũ mênh mông.// Tôi đi miên man/ trong ánh bình minh,/ trong sự hoà quyện kì diệu của thiên nhiên.//;

Kì diệu và lạ lùng sức sống rừng đước,/ từng chùm rễ từ giữa thân thẳng tắp/ và mạnh mẽ/ cắm sâu xuống lòng đất/ để dựng thân cây đứng vững vàng.//;

Chân trời sáng tạo

Ôi/ xứ sở của những con người sống có khí phách,/ hiên ngang,/ hào sảng,/ bản lĩnh đội trời đạp đất thời mở cõi/ như thể hiện qua sự sống mãnh liệt của rừng đước,/ rừng tràm.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "của thiên nhiên".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "rừng bạt ngàn".

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *miên man* (hết cái này sang cái khác, tiếp liền nhau không dứt),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Cửa biển Gò Công hiện ra trước mắt tác giả với hình ảnh liền rừng là biển, một màu xanh thăm thẳm tiếp nối tưởng chừng như vô tận.*

+ Câu 2: *Gió và nắng trong buổi bình minh đem đến cho tác giả cảm nhận: gió thổi từ muôn phía, rừng tràm hoà điệu thổi sáo vi vu, nắng rực rỡ và bầu trời trong xanh quyến rũ mênh mông, tác giả như đang đi trong ánh bình minh, trong sự hoà quyện kì diệu của thiên nhiên.*

+ Câu 3: *Những chi tiết nói về sức sống của rừng đước: từng chùm rễ từ giữa thân thẳng tắp và mạnh mẽ cắm sâu xuống lòng đất để dựng thân cây đứng vững vàng, những cây đước đan xen bám chặt vào nhau, cây này tiếp nối cây khác, quấn quýt bám chặt vào nhau tạo thành rừng bạt ngàn.*

+ Câu 4: *Khi ngắm những rừng đước, rừng tràm, tác giả nghĩ tới sự khí phách, hiên ngang, hào sảng, bản lĩnh đội trời đạp đất thời mở cõi của những con người nơi đây. Vì sức sống của họ như được thể hiện qua sức sống mãnh liệt của rừng đước, rừng tràm.*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Vẻ đẹp diệu kì của thiên nhiên vùng cửa biển Gò Công.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Vẻ đẹp và sức sống mãnh liệt của rừng đước.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Khí phách hiên ngang, hào sảng, bản lĩnh của những con người sống ở cửa biển Gò Công.* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ tả rừng đước hoặc suy nghĩ, tình cảm của tác giả về rừng đước,...*):

Rừng đước như thành luỹ/ bao bọc hơn bốn trăm hộ dân/ trước cửa biển Gò Công.// Kì diệu và lạ lùng sức sống rừng đước,/ từng chùm rễ từ giữa thân thẳng tắp/ và mạnh mẽ/ cắm sâu xuống lòng đất/ để dựng thân cây đứng vững vàng.// Quả đước cũng thẳng ngay/ như mũi tên theo gió rung/ cắm xuống bùn đất/ khi xa khi gần,/ rồi cây đước lại mọc lên.// Cây này tiếp nối cây khác,/ tất cả quấn quýt/ bám chặt vào nhau/ tạo thành rừng bạt ngàn.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ *Quê hương*

2.1. Tìm từ ngữ thuộc chủ đề Quê hương

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS tìm từ ngữ trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn* (Gợi ý:

a. *Từ ngữ có nghĩa giống với từ* ***quê hương****: quê mẹ, Tổ quốc, quê cha đất tổ, nơi chôn nhau cắt rốn,...*

b. *Từ ngữ chỉ tình cảm với quê hương: yêu thương, yêu quý, gắn bó, tự hào,...*).

– 1 – 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– HS có thể tra từ điển để tìm hiểu nghĩa và đặt câu với các từ ngữ vừa tìm (nếu cần).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm từ ngữ dùng để tả cảnh sông nước, núi non

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, mỗi nhóm thực hiện một yêu cầu (kĩ thuật *Mảnh ghép*) (Gợi ý:

a. *hiền hoà, lấp lánh, lững lờ, êm ả, lăn tăn, êm đềm,...*

b. *trùng điệp, hùng vĩ, uy nghiêm, sừng sững,...*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm hiểu nghĩa của thành ngữ, ca dao

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS hoạt động nhóm 3, sử dụng từ điển để tìm hiểu nghĩa của các câu thành ngữ, ca dao (Gợi ý:

a. *Quê hương, nơi tổ tiên, ông cha ở đó từ rất lâu đời, có sự gắn bó tình cảm sâu sắc.*

b. *Chỉ quê hương nơi ta sinh ra và lớn lên. Nơi "chôn rau cắt rốn" còn có thể hiểu là nơi mà cha mẹ, ông bà tổ tiên đã sinh sống từ lâu đời.*

c. *Khuyên chúng ta nên yêu mến, biết ơn và trân trọng quê hương.*).

– 2 – 3 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Thay ❀ bằng từ ngữ phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS thảo luận nhóm đôi và lựa chọn từ ngữ phù hợp với mỗi ❀ (Đáp án: *vùng quê, gắn bó, con đường, mảnh vườn, quê nhà, chôn rau cắt rốn*).

– 1 – 2 HS trình bày bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.5. Viết đoạn văn ngắn nói về cảnh đẹp hoặc tình cảm của em với quê hương

– HS xác định yêu cầu của BT 5.

– HS viết đoạn văn ngắn vào VBT.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm, điều chỉnh đoạn văn (nếu cần).

– 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết hướng dẫn làm hoặc sử dụng một sản phẩm

3.1. Hoàn chỉnh các bước làm thẻ đánh dấu trang của quyển sách đang đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

Chân trời sáng tạo

– HS quan sát hình ảnh và thẻ từ gợi ý các bước làm thẻ đánh dấu trang sách, thảo luận nhóm đôi để tìm từ ngữ phù hợp (Gợi ý:

+ *Bước 1: Vẽ hình* ***con vật*** *em thích lên* ***tấm bìa****.*

+ *Bước 2:* ***Tô màu*** *thẻ đã vẽ.*

+ *Bước 3:* ***Cắt*** *thẻ ra khỏi* ***tấm bìa****.*).

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết 2 – 3 bước hướng dẫn làm hoặc sử dụng một sản phẩm đơn giản

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài vào VBT (có thể kết hợp quan sát một số hình ảnh, video clip làm một số sản phẩm đơn giản như khung tranh bằng que kem, chậu hoa tái chế, lọ cắm bút bằng que kem,...).

– 1 – 2 HS trình bày bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Sáng tác 4 – 6 dòng thơ hoặc viết 2 – 3 câu văn về một cảnh đẹp mà em thích vào sổ tay.*

– HS làm bài vào VBT (có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh, video clip về cảnh đẹp quê hương hoặc nơi em ở).

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ, có thể trang trí đơn giản và trưng bày sản phẩm ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.*

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, có thể tổ chức bình chọn *Tác phẩm ấn tượng nhất.*

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II
(Tuần 27)

Tuần *Ôn tập giữa học kì II* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn tập các bài học ở các chủ điểm "Cuộc sống mến yêu" và "Việt Nam quê hương em".

TIẾT 1 (SHS, tr. 72 – 73)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– Nhóm 4 hoặc HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trong bài "Leng keng Đà Lạt".

+ Phiếu số 1: Đọc đoạn từ đầu đến "rung bờm gió" và trả lời câu hỏi: *Những âm thanh trong khổ thơ đầu gợi tả điều gì?* (Gợi ý: *Những âm thanh trong khổ thơ đầu gợi tả cảnh vật ở thành phố Đà Lạt thanh bình, yên tĩnh, trong trẻo.*)

+ Phiếu số 2: Đọc đoạn từ đầu đến "rung bờm gió" và trả lời câu hỏi: *Vì sao tác giả nói "Bé thả hồn ra bốn phía/ Không say xe mà say sương"?* (Gợi ý: *Khung cảnh thành phố Đà Lạt thanh bình, tuyệt đẹp thấp thoáng trong sương khiến bé mải ngắm nhìn cảnh vật một cách say mê.*)

+ Phiếu số 3: Đọc đoạn từ "Con đường chầm chậm" đến hết và trả lời câu hỏi: *Những hình ảnh nào cho thấy chú ngựa rất lưu luyến với khách?* (Gợi ý: *Hình ảnh "Ngựa quen đường cũ", hí vang rung bờm trong gió, mắt ngựa như có ánh nắng ấm áp, long lanh như biết hỏi du khách: "Một mai, bạn trở lại không?".*)

+ Phiếu số 4: Đọc đoạn từ "Con đường chầm chậm" đến hết và trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao du khách không muốn rời xa Đà Lạt?* (Gợi ý: *Vì cảnh vật Đà Lạt rất đẹp, thanh bình, đáng yêu, người và vật đều quý mến du khách và vì du khách rất yêu Đà Lạt.*)

– Một số HS thi đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Chia sẻ về bài đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, nói về điều mà âm thanh tiếng lục lạc mở đầu và kết thúc bài thơ gợi lên và giải thích vì sao (Gợi ý: *Âm thanh gợi lên tình cảm yêu mến, lưu luyến không muốn chia tay Đà Lạt của du khách, tình cảm quý mến du khách của con*

người và thiên nhiên Đà Lạt. Âm thanh tiếng chuông xuyên suốt bài thơ vừa gợi cảm giác trọn vẹn đủ đầy trước sau, vừa gợi vẻ đẹp thanh bình yên ả và tình cảm lưu luyến,...).

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 2 (SHS, tr. 73 – 74)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện viết chính tả đoạn bài.

2. Ôn luyện viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Bảng phụ ghi bài "Nha Trang".

– Tranh, ảnh hoặc video clip về thành phố Nha Trang, đảo Hòn Én, Hòn Tre, Hòn Khói, cảnh bình minh trên bãi biển Nha Trang (nếu có).

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện viết chính tả

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc bài thơ và trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung bài:

+ Thành phố Nha Trang có gì đẹp?

+ Những địa danh nào được nhắc đến trong bài thơ? Chúng được viết hoa thế nào?

→ HS nhắc lại cách viết hoa tên địa lí Việt Nam.

– HS nghe GV đọc từng dòng thơ để viết bài chính tả.

– HS đổi vở cho bạn để soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2. Ôn luyện viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS nhớ lại cách viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức đã học, làm bài vào VBT (Gợi ý:

a. *Công ti Du lịch Cánh Buồm Nâu; Câu lạc bộ Em yêu khoa học.*

b. *Viện Hải dương học Nha Trang; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.*).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. Có thể nhắc lại quy tắc viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức: *Viết hoa tiếng đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng.*

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 3 (SHS, tr. 74 – 75)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện kĩ năng nói về một đề tài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

HS mang tới lớp một số hình ảnh, video clip về trường, lớp mình.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện kĩ năng nói về một đề tài

– HS xác định yêu cầu của BT và đọc các gợi ý.

– HS nói trong nhóm dựa vào các câu hỏi gợi ý và phương tiện hỗ trợ:

+ Tên trường, lớp em là gì? Ở đâu?

+ Điểm nổi bật về trường, lớp em là gì? (Cảnh quan, con người,...)

+ Em có suy nghĩ, tình cảm như thế nào với trường, lớp mình?

Lưu ý: HS có thể vừa nói vừa dùng phương tiện (tranh, ảnh, bài báo, video clip,…) để hỗ trợ bài nói.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Bình chọn bài nói

– Mỗi nhóm cử một HS thi nói trước lớp.

– HS bình chọn bài nói theo các tiêu chí: *Nội dung phong phú, Hình thức hấp dẫn, Ngữ điệu truyền cảm.*

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 4 (SHS, tr. 75)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện về câu chủ đề.

2. Ôn luyện về thành phần chính của câu; lựa chọn, sử dụng từ ngữ.

3. Ôn luyện về dấu gạch ngang.

Chân trời sáng tạo

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về câu chủ đề, thành phần chính của câu

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.

– HS làm bài vào VBT. Đáp án:

a. *Câu chủ đề: Cây đa nghìn năm là cả một toà cổ kính.*

b.

Chủ ngữ	Vị ngữ
Cây đa nghìn năm	*là cả một toà cổ kính.*
Chín, mười đứa bé chúng tôi	*bắt tay nhau ôm không xuể.*
Cành cây	*lớn hơn cột đình.*
Ngọn	*chót vót giữa trời xanh.*
Rễ cây	*nổi lên mặt đất thành những hình thù quái lạ, như những con rắn hổ mang giận dữ.*
Gió chiều	*gảy lên những điệu nhạc li kì tưởng chừng như ai đang cười đang nói.*

– HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm.

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn luyện về cách lựa chọn, sử dụng từ ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi, thực hiện BT, chia sẻ kết quả trong nhóm (Gợi ý: a. *trập trùng/ nhấp nhô chạy dài/...*; b. *lững lờ/ êm đềm/...*; c. *lớn/ bạc đầu/ liên tục/...*; d. *ào ào/ ầm ầm/...*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Ôn luyện sử dụng dấu gạch ngang

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp (có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi *Chuyền hoa* để chữa BT).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 5 (SHS, tr. 76)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn miêu tả cây cối.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh, ảnh cây ăn quả, sơ đồ dàn ý phóng to (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

– HS xác định yêu cầu của BT và đọc các ý trong sơ đồ.

– HS trả lời câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để tìm ý cho bài viết:

+ Em thích cây ăn quả nào? Cây đó trồng ở đâu?

+ Đặc điểm nổi bật của cây ăn quả em thích là gì? Cây đó có mối quan hệ gắn bó với thiên nhiên như thế nào (chim, các cây khác,…)?

+ Em và người thân có những hoạt động, những kỉ niệm gì với cây?

+ Em sẽ chăm sóc cây thế nào?

+ Tình cảm, cảm xúc của em dành cho cây như thế nào?

– HS làm bài vào VBT.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.

– 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 6 VÀ TIẾT 7 (SHS, tr. 76 – 78)

ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài "Cây bàng không rụng lá".

2. Viết được bài văn tả một vườn rau, vườn hoa mà em thích hoặc bài văn tả một cây bóng mát, cây hoa gắn bó với em và bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Nội dung đánh giá định kì in trên giấy (dạng phiếu) hoặc HS thực hiện vào VBT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Đánh giá kĩ năng đọc

– HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng đọc hiểu qua hoạt động đọc hiểu văn bản "Cây bàng không rụng lá".

– HS đọc thầm văn bản "Cây bàng không rụng lá" và tìm hiểu nghĩa một số từ khó (nếu cần).

– HS thực hiện các câu hỏi, BT đọc hiểu, có thể làm vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

Gợi ý:

a. *Cây bàng ở phố không rụng lá.*

b. *Về điều rất lạ mà bạn thấy ở cây bàng.*

c. *Đánh thức bạn nhỏ dậy và dẫn bạn nhỏ đi ra phố sau mười giờ đêm.*

d. *Vẻ đẹp của những người công nhân môi trường.*

e. *Cây bàng trồng ở phố tôi.*

g. *chợt*

h. HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

i. *Nhờ bố dẫn đi quan sát cây bàng sau mười giờ đêm và nhìn thấy hai bác công nhân vệ sinh môi trường đang làm việc.*

k. HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: *Vì sao cây bàng không có lá rụng?, Điều kì lạ của cây bàng,...*

l. HS trả lời theo suy nghĩ riêng (**Lưu ý:** Chỉ yêu cầu HS viết theo kiểu câu *Ai là gì?*).

B. Đánh giá kĩ năng viết

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng viết qua hoạt động viết:

– HS đọc các đề bài và chọn đề bài sẽ thực hiện.

– HS suy nghĩ để tìm ý cho bài viết.

– HS viết bài vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

Lưu ý: Việc GV đánh giá kết quả bài làm của HS được thực hiện ngoài giờ học, theo hướng dẫn tại *Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT* ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Chủ điểm 7. THẾ GIỚI QUANH TA
(Tuần 28 – 29 – 30 – 31)

Chủ điểm "Thế giới quanh ta" tiếp tục hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*: yêu quý vẻ đẹp và nét hấp dẫn, kì thú của thế giới tự nhiên cũng như biết trân trọng, gìn giữ những thành quả tốt đẹp do con người tạo dựng nên. Từ đó, các em có ý thức: *học hỏi, trau dồi tri thức và kĩ năng cho bản thân, có những hành động, việc làm phù hợp góp phần làm cho thế giới xung quanh mình trở nên tốt đẹp hơn.*

BÀI 1: CẬU BÉ GẶT GIÓ (tiết 1 – 4, SHS, tr. 79 – 83)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Sắp xếp và xác định được ý nghĩa của câu tục ngữ "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn"; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bằng sự chăm chỉ học tập và nỗ lực vượt qua khó khăn, Uy-li-am Cam-goam-ba đã thực hiện được ước mơ chế tạo chiếc cối xay gió, giúp ích cho gia đình và quê hương của cậu.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Chăm chỉ học tập, nỗ lực không ngừng không chỉ giúp bản thân đạt được ước mơ mà còn đem lại những điều tốt đẹp cho những người xung quanh.*

3. Nhận diện và biết cách sử dụng dấu ngoặc kép.

4. Nhận diện được bài văn miêu tả con vật; viết được câu tả hình dáng hoặc hoạt động, thói quen của con vật, trong câu có hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá.

5. Kể lại được câu chuyện "Cậu bé gặt gió" và bày tỏ được suy nghĩ, cảm xúc về nhân vật trong truyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh chụp cối xay gió (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Để làm được chiếc cối xay gió" đến hết.

– Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm "Thế giới quanh ta" (Gợi ý: *Thế giới quanh ta có biết bao điều đẹp đẽ, kì lạ, đem đến cho chúng ta rất nhiều bài học bổ ích.*).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, sắp xếp các từ đã cho thành câu tục ngữ (Đáp án: *Đi một ngày đàng học một sàng khôn*); chia sẻ trong nhóm và trước lớp ý nghĩa của câu tục ngữ (Gợi ý: *Càng đi và trải nghiệm nhiều, ta càng học hỏi thêm được nhiều điều bổ ích*) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Cậu bé gặt gió".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Cậu bé gặt gió

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ địa danh, tên nhân vật; hạ thấp giọng ở cuối câu,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *Uy-li-am Cam-goam-ba, Gie-phơ-ri, sung sướng,*…; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Sống ở một nước châu Phi nghèo/ và không có điện,/ gia đình Uy-li-am Cam-goam-ba cũng như người dân trong vùng rất cơ cực.//;

Kể từ khi nhìn thấy những cánh quạt khổng lồ/ trên bề mặt thảo nguyên/ trong một cuốn sách khoa học,/ Uy-li-am tin chắc rằng/ cối xay gió sẽ giúp gia đình cậu thoát khỏi nghèo đói.//;…

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "đọc những cuốn sách khoa học".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "dẫn nước từ giếng ra ruộng".

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *gặt* (nghĩa trong bài: thu về một nơi, một chỗ), *ngoại lệ* (nằm ngoài cái chung, không theo quy định, quy luật), *cảm hứng* (say mê, thích thú, phấn khởi,... khi làm một việc gì đó),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Khi nhìn thấy những hình ảnh trong cuốn sách khoa học, Uy-li-am tin rằng cối xay gió sẽ giúp gia đình cậu thoát khỏi nghèo đói. Cậu đi học đều đặn, đến thư viện thường xuyên để đọc những cuốn sách khoa học.*

+ Câu 2: *Nhờ lòng quyết tâm và sự giúp đỡ của gia đình, bạn bè, Uy-li-am đã dựng lên được chiếc cối xay gió.*

+ Câu 3: *Mọi người hò reo sung sướng khi cối xay gió hoạt động vì nó phát ra điện, làm chạy máy bơm, dẫn nước từ giếng ra ruộng.*

+ Câu 4: *Việc chế tạo thành công cối xay gió đã giúp Uy-li-am nhận được học bổng để tiếp tục đi học. Đây là cơ sở để sau này, cậu trở thành một diễn giả nổi tiếng, có đủ khả năng để quay về giúp đỡ người dân trong vùng.*

+ Câu 5: *Bài đọc có tên "Cậu bé gặt gió" vì Uy-li-am đã chế tạo được chiếc máy hoạt động dựa vào sức gió; cách đặt tên còn nhằm thu hút sự chú ý của người đọc,...).*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Uy-li-am Cam-goam-ba nhận ra tác dụng của cối xay gió và cố gắng đọc sách khoa học để tìm hiểu cách chế tạo ra nó.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Nhờ lòng quyết tâm và sự giúp đỡ của gia đình, bạn bè, Uy-li-am Cam-goam-ba đã chế tạo thành công chiếc cối xay gió thô sơ, mang lại niềm vui cho mọi người.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Việc chế tạo thành công cối xay gió đã giúp Uy-li-am Cam-goam-ba nhận được học bổng để tiếp tục đi học, để sau này trở thành một diễn giả truyền cảm hứng nổi tiếng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Để làm được chiếc cối xay gió mơ ước" đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ sự vật, trạng thái cảm xúc, hạ giọng ở cuối câu*):

Để làm được chiếc cối xay gió mơ ước,/ cậu chẳng có gì/ ngoài những chiếc máy hỏng,/ những ống nhựa bị vỡ,...// Cậu xin được tháo rời chiếc xe đạp quý của bố/ để thực hiện ước mơ của mình.// Người bạn thân Gie-phơ-ri/ cũng hết lòng giúp đỡ cậu,// chi tiền tiêu vặt/ để mua những thứ cần thiết.//

Nhờ lòng quyết tâm và sự giúp đỡ của gia đình,/ bạn bè,/ chiếc cối xay gió thô sơ đã được dựng lên.// Mọi người đã cùng nhau hò reo sung sướng/ khi điện từ cối xay gió làm chạy máy bơm,/ dẫn nước từ giếng ra ruộng.//

Cậu đã nhận được học bổng tiếp tục đi học/ để thực hiện ước mơ mang điện về cho dân làng mình.// Sau khi tốt nghiệp đại học,/ Uy-li-am trở thành một diễn giả truyền cảm hứng cho rất nhiều trường đại học ở Mỹ.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Dấu ngoặc kép

2.1. Nhận diện và nêu công dụng của dấu ngoặc kép

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, xác định từ ngữ được đặt trong dấu ngoặc kép và giải thích (Đáp án:

a. *Vừa đi đường vừa kể chuyện → Tên một cuốn sách*

Vàm Cỏ Đông → Tên một bài thơ

Về miền cổ tích → Tên một bài hát

Giúp em chăm sóc thú nuôi → Tên một quyển sách

b. *Dấu ngoặc kép trong các câu trên có công dụng đánh dấu tên sách, tên bài thơ, tên bản nhạc được nhắc đến trong câu.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về dấu ngoặc kép.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Đặt dấu ngoặc kép vào những vị trí phù hợp trong câu

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS điền dấu ngoặc kép vào những vị trí phù hợp trong mỗi câu vào VBT (Gợi ý:

a. *Nhóm em đã chia sẻ về bài đọc "Độc đáo Tháp nghiêng Pi-sa", "Bí ẩn Kim tự tháp Ai Cập",...*

b. *Tài liệu "Hướng dẫn trồng và chăm sóc cây cảnh", "Kĩ thuật trồng cây cảnh",... đã giúp ông có vườn cây mà nhiều người mong ước.*).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu có sử dụng dấu ngoặc kép

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT.

– HS đổi bài cho bạn để soát lỗi, bổ sung.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Bài văn miêu tả con vật

3.1. Nhận diện bài văn miêu tả con vật

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn.

– HS hoạt động trong nhóm 4: thực hiện các yêu cầu và ghi kết quả dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản vào VBT (Gợi ý:

a. *Bài văn tả con chim gáy.*

b. *Đoạn 1: Từ đầu đến "đồng ta" → Giới thiệu đàn chim gáy.*

Đoạn 2: Tiếp theo đến "vòng cườm đẹp" → Tả đặc điểm về hình dáng của con chim gáy.

Đoạn 3: Tiếp theo đến "sau người mót lúa" → Tả hoạt động của con chim gáy.

Đoạn 4: Còn lại → Tình cảm, cảm xúc của tác giả về con chim gáy.

c. *Tác giả chọn tả đặc điểm: đôi mắt, cái bụng, cổ, giọng hót; hành động: xoè đuôi, gáy (hót), ăn, nhặt thóc → Tả những đặc điểm nổi bật và thói quen, hoạt động đặc trưng của chim gáy.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Rút ra ghi nhớ về cấu tạo bài văn miêu tả con vật

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi của GV: Theo em, bài văn miêu tả con vật thường gồm mấy phần? Mỗi phần có nhiệm vụ gì?

→ HS nghe GV rút ra cấu tạo của bài văn miêu tả con vật: *Bài văn miêu tả con vật thường gồm ba phần:*

+ *Mở bài:* Giới thiệu con vật.

+ *Thân bài:* Tả đặc điểm nổi bật về hình dáng, hoạt động của con vật.

+ *Kết bài:* Nêu tình cảm, cảm xúc về con vật.

– HS rút ra ghi nhớ.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.3. Tìm từ ngữ tả hình dáng, hoạt động hoặc thói quen của con vật trong bài văn

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS hoạt động trong nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu của bài tập và ghi kết quả vào sơ đồ đơn giản (Gợi ý:

+ *Từ ngữ tả hình dáng: thân hình: béo mục,...; cổ yếm: đầy hạt cườm lấp lánh; cái bụng: mịn mượt;...*

+ *Từ ngữ tả hoạt động hoặc thói quen: bay vần quanh, sà xuống, (đuôi) xoè như múa, cất tiếng gáy, tha thẩn, nhặt nhạnh cặm cụi,...*).

– Các nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp (có thể tổ chức dưới dạng trò chơi *Tiếp sức*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Viết câu có hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS làm bài vào VBT.

– HS đổi bài cho bạn, soát lỗi và nhận xét.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Kể cho người thân nghe câu chuyện "Cậu bé gặt gió".*

– HS thực hiện yêu cầu ở nhà hoặc một nơi phù hợp.

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em về nhân vật trong truyện.*

– HS hoạt động trong nhóm lớn, thực hiện yêu cầu của hoạt động 2.

Lưu ý: HS có thể bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về một nhân vật bất kì trong câu chuyện, không nhất thiết phải là nhân vật chính.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 2: KÌ LẠ THẾ GIỚI THỰC VẬT Ở NAM MỸ
(tiết 5 – 7, SHS, tr. 84 – 87)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được về một loài cây có những đặc điểm thú vị; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Ở Nam Mỹ có những loài cây, loài hoa rất đặc biệt về hình dáng, màu sắc, thời gian sinh trưởng,…*

3. Nói được vai trò của cây xanh và biết kêu gọi mọi người trồng, chăm sóc cây xanh.

4. Biết quan sát và tìm ý cho bài văn miêu tả con vật (con vật nuôi trong nhà).

5. Giải được ô chữ *Hoa lá*; nói được về hình dáng, màu sắc của một loài hoa có trong ô chữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh về con vật nuôi trong nhà (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn "Nữ hoàng của các loài thực vật", bài văn "Chú trống choai".

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một loài cây có những đặc điểm thú vị (Gợi ý: *hình dáng, màu sắc, tính chất,...*).

– HS liên hệ với nội dung khởi động → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Kì lạ thế giới thực vật ở Nam Mỹ".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Kì lạ thế giới thực vật ở Nam Mỹ

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ tên gọi, đặc điểm của các loài thực vật,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *Lốt Ca-đôn-nét, ngút ngàn, nhọn hoắt, Át-ta-ca-ma, sặc sỡ, Puy-a Rây-môn-đi,...* ; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Vì thế,/ nơi đây được đại dương gửi cho đủ sương mù/ để các loài hoa dại sặc sỡ phát triển.//;…*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *đường kính* (đoạn thẳng đi qua tâm, nối hai điểm của đường tròn hay mặt cầu),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Những loài thực vật được nói đến trong bài đọc là: cây hoa súng, cây xương rồng, hoa dại, cây Puy-a Rây-môn-đi.*

+ Câu 2: *Từ ngữ miêu tả đặc điểm nổi bật của mỗi loài cây là: cây hoa súng – "khổng lồ", cây xương rồng gai – "ngút ngàn", "gai thưa và nhọn hoắt", hoa dại – "sặc sỡ", cây Puy-a Rây-môn-đi – "lộng lẫy".*

+ Câu 3: *Các loài thực vật trong bài được coi là kì lạ vì chúng có những điểm đặc biệt, độc đáo, không giống với những loại thực vật thông thường.*

+ Câu 4: HS trả lời theo hiểu biết cá nhân, VD: *Cây mắt búp bê – cây có trái giống những con mắt nhỏ; cây bách lan – có tuổi thọ từ 500 đến 1500 năm; cây trinh nữ – khi chạm vào, lá của cây lập tức khép lại,...*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn "Nữ hoàng của các loài thực vật" và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thông tin về tên gọi, đặc điểm của loài thực vật;...*):

Nữ hoàng của các loài thực vật

Có một loài cây được xem là nữ hoàng của các loài thực vật/ trên dãy An-đét.// Nó có tên khoa học là Puy-a Rây-môn-đi.// Phải mất đến 100 năm,/ cây mới trổ hoa.// Hoa của nó cao chừng 10 mét,/ được kết bởi hàng ngàn bông hoa nhỏ.// Từ xa,/ cây trông thật lộng lẫy,/ nổi bật hơn tất cả những loài cây khác.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn "Nữ hoàng của các loài thực vật".

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Nói về vai trò của cây xanh

2.1. Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc khi xem những bức ảnh

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và quan sát các bức ảnh.

– HS nghe GV định hướng thêm (nếu cần):

+ Mỗi bức ảnh cho biết điều gì?

+ Nguyên nhân nào dẫn đến sự việc xảy ra trong ảnh?

+ Hậu quả của nó thế nào?

+ Em có cảm xúc gì khi xem ảnh?

+ ...

– HS hoạt động trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về những bức ảnh trong SHS (Gợi ý: *bức ảnh 1 – cháy rừng, bức ảnh 2 – rừng bị chặt phá*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Nói về vai trò của cây xanh, kêu gọi mọi người trồng và chăm sóc cây xanh

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS nói trong nhóm 4, có thể để HS khá, giỏi nói trước, các HS còn lại nói sau.

– Đại diện nhóm HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá (Gợi ý: *Nhận xét, đánh giá dựa vào các tiêu chí: nội dung; ngôn ngữ; cử chỉ; thời gian,...*).

2.3. Ghi lại thông tin về vai trò của cây xanh khi nghe bạn nói

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS hoạt động cá nhân: ghi lại thông tin về vai trò của cây xanh khi nghe bạn nói vào sơ đồ tư duy đơn giản (Gợi ý: *Từ khoá trung tâm ghi tên của bạn đã thuyết trình, các nhánh ghi những vai trò cụ thể của cây xanh mà bạn đã nói.*).

– HS chia sẻ trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Quan sát, tìm ý cho bài văn miêu tả con vật

3.1. Nhận diện cách quan sát và miêu tả con vật nuôi trong nhà

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn "Chú trống choai".

– HS hoạt động trong nhóm đôi, làm bài vào VBT (Gợi ý:

a. *Bài văn tả chú trống choai.*

b. *Tác giả chọn tả những đặc điểm hình dáng: đuôi cong cong, bộ cánh có duyên,... và hoạt động: ngất ngưởng trên đống củi trước sân, phốc lên đứng ở cành chanh,... của chú gà trống choai.*

c. *Hình ảnh so sánh: "trống choai lớn nhanh như thổi",...; hình ảnh nhân hoá: "lũ gà chiếp em út lại khảo nhỏ với nhau: "Tuyệt! Tuyệt! Tuyệt!" tỏ vẻ thán phục lắm!",... → Làm cho con vật trở nên sinh động và gần gũi hơn.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Thực hành quan sát một con vật nuôi trong nhà

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS làm bài vào VBT, kết hợp với quan sát tranh, ảnh về con vật nuôi trong nhà (có thể làm trước ở nhà và điều chỉnh, bổ sung ý trên lớp).

– HS chia sẻ kết quả với bạn ngồi bên cạnh hoặc trong nhóm nhỏ.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, từ đó rút ra cách quan sát một con vật nuôi trong nhà.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Giải ô chữ.*

– HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để giải ô chữ theo nhóm (Đáp án: 1. *CÀ PHÊ,* 2. *GẠO,* 3. *LAN HỒ ĐIỆP,* 4. *THIÊN LÍ;* từ khoá: *HOA LÁ*).

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Nói về hình dáng, màu sắc của một loài hoa* có trong ô chữ.

– HS hoạt động trong nhóm lớn, thực hiện yêu cầu của BT.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: TỪ CU-BA (tiết 8 – 11, SHS, tr. 88 – 91)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về vẻ đẹp của một bãi biển hoặc hòn đảo mà em biết; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Đất nước Cu-ba tươi đẹp, thơ mộng và gần gũi đã để lại trong nhà thơ biết bao cảm xúc*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên trù phú của Cu-ba, lòng yêu quý đất nước Cu-ba và yêu quê hương của tác giả*. Học thuộc lòng được ba khổ thơ em thích.

– Tìm đọc được một truyện hoặc một đoạn kịch viết về tình bạn giữa thiếu nhi các nước hoặc khám phá thế giới,…; viết được *Nhật kí đọc sách;* biết kể phân vai hoặc dựng được hoạt cảnh đơn giản dựa vào truyện hoặc đoạn kịch đã đọc; chia sẻ được những điều học được sau khi đọc truyện hoặc đoạn kịch.

3. Nhận diện và biết cách sử dụng dấu ngoặc đơn.

4. Lập được dàn ý cho bài văn miêu tả con vật (con vật nuôi trong nhà).

5. Nói được 2 – 3 câu về vẻ đẹp của đất nước Cu-ba dựa vào gợi ý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip ngắn về đất nước, con người Cu-ba (nếu có).

– HS mang tới lớp truyện hoặc đoạn kịch phù hợp với chủ điểm "Thế giới quanh ta" đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Bảng phụ ghi ba khổ thơ cuối.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về vẻ đẹp của một bãi biển hoặc một hòn đảo mà em biết (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Từ Cu-ba".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Từ Cu-ba

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc nhẹ nhàng, vui tươi ở ba khổ thơ đầu; giọng đọc tha thiết ở khổ thơ thứ tư; nhấn giọng ở những từ ngữ, hình ảnh về đất nước Cu-ba và những từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhà thơ; ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *bốn phương, xoã bóng, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số dòng thơ tả vẻ đẹp của đất nước Cu-ba và thể hiện cảm xúc của nhà thơ:

Em ạ,/ Cu-ba ngọt lịm đường/
Mía xanh đồng bãi,/ biếc đồi nương/
Cam ngon,/ xoài ngọt/ vàng nông trại/
Ong lạc đường hoa,/ rộn bốn phương/

Anh mải mê nhìn,/ anh mải nghe/
Múa reo theo gió/ những thân kè/
Tóc xanh xoã bóng,/ hàng chân trắng/
Có phải tiên nga/ dự hội hè?...//

Ở đây với bạn,/ mỗi ngày qua/
Anh nhớ vô cùng/ đất nước ta!//
Mai mốt,/ em ơi,/ rời xứ bạn/
Anh về,/ e lại nhớ Cu-ba...//

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Khổ thơ thứ nhất.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai.

+ Đoạn 3: Khổ thơ thứ ba.

+ Đoạn 4: Khổ thơ cuối.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *xoã bóng* (nghĩa trong bài: ý tả những lá kè rũ xuống, tạo ra bóng bên dưới), *trời tơ* (nghĩa trong bài: trên bầu trời có nhiều tia sáng lung linh, huyền ảo giống như những sợi tơ), *e* (sợ, lo lắng),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Ở khổ thơ thứ nhất, đất nước Cu-ba xinh đẹp hiện lên với ánh nắng rực rỡ, biển xanh như ngọc, mây hồng bồng bềnh trôi.*

+ Câu 2: *Mỗi sự vật trong khổ thơ thứ hai được miêu tả bằng những từ ngữ: mía – xanh đồng bãi, đồi nương – biếc, cam – ngon, xoài – ngọt, vàng, ong – lạc đường hoa, rộn bốn phương.*

+ Câu 3: *Những thân kè khiến nhà thơ "mải mê nhìn", mải nghe" vì thân kè hoà với tiếng gió tạo nên âm thanh sinh động, lại có màu sắc, hình dáng gợi liên tưởng đến những nàng tiên đi dự hội.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Ở đất nước Cu-ba tươi đẹp, quyến rũ, nhà thơ có những cảm xúc đan xen lẫn nhau: rất nhớ đất nước mình và cũng không nỡ rời xa đất nước bạn.* Ý khái quát của khổ thơ: *Thể hiện tình yêu đất nước Việt Nam và Cu-ba của tác giả;...*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Những ấn tượng ban đầu của nhà thơ khi đến đất nước Cu-ba.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2, 3: *Vẻ đẹp, sự tươi tốt, trù phú của đất nước Cu-ba.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 4: *Tình yêu đất nước Việt Nam và đất nước Cu-ba của tác giả* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nêu cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại ba khổ thơ cuối và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc vui vẻ, thích thú ở khổ thơ thứ hai, thứ ba; giọng đọc tha thiết, bồi hồi ở khổ thứ tư; nhấn giọng ở các từ ngữ chỉ hình ảnh, đặc điểm của sự vật, từ ngữ chỉ cảm xúc của tác giả,...*):

Ở đây với bạn,/ mỗi ngày qua/
Anh nhớ vô cùng/ đất nước ta!//
Mai mốt,/ em ơi,/ rời xứ bạn/
Anh về,/ e lại nhớ Cu-ba...//

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp ba khổ thơ em thích (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ điểm "Thế giới quanh ta"

1.2.1. Tìm đọc truyện hoặc kịch

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện hoặc một đoạn kịch phù hợp với chủ điểm "Thế giới quanh ta" theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện hoặc kịch viết về:

+ Tình bạn giữa thiếu nhi các nước.

+ Khám phá thế giới.

+ ?

– HS chuẩn bị truyện hoặc đoạn kịch để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc truyện: tên truyện hoặc tên đoạn kịch, các sự việc diễn ra,…

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung truyện, đoạn kịch.

1.2.3. Chia sẻ về truyện hoặc kịch

– HS đọc hoặc trao đổi truyện, kịch cho bạn trong nhóm cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.4. Thi Diễn viên nhí

– HS hoạt động trong nhóm lớn, chọn một truyện hoặc đoạn kịch, kể phân vai hoặc dựng hoạt cảnh đơn giản và chia sẻ với bạn những điều em học được sau khi đọc truyện hoặc đoạn kịch đó.

– 1 – 2 nhóm HS kể phân vai hoặc diễn hoạt cảnh trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Dấu ngoặc đơn

2.1. Nhận diện và nêu công dụng của dấu ngoặc đơn

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS hoạt động theo nhóm đôi, làm bài vào VBT. Đáp án:

Câu	Tác dụng
*Chiều dài của cầu Long Biên là **2290 mét** (kể cả phần cầu dẫn).*	*Từ ngữ trong ngoặc đơn bổ sung, giải thích cho từ ngữ in đậm.*
*Gọi là kênh Ba Khía vì ở đó hai bên bờ tập trung toàn những con **ba khía** (một loại còng biển lai cua).*	

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về dấu ngoặc đơn.

– 2 – 3 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Đặt dấu ngoặc đơn vào vị trí phù hợp trong câu

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài vào VBT. Gợi ý:

a. *Chim sâu (còn gọi là chích bông) xuất hiện nhiều vào mùa lúa chín. Đây là loài chim có ích cho nhà nông vì thức ăn chính của chúng là sâu.*

b. *Khẩu phần ăn của cú tuyết Bắc Cực chủ yếu là những con chuột Lơ-min (một loại động vật gặm nhấm nhỏ sống ở vùng khí hậu lạnh giá).*

c. *Cây bao báp hình ấm trà được xem là một nét đặc trưng của xứ sở Ma-đa-ga-xca (một đảo quốc nằm trên Ấn Độ Dương). Chúng có thể sống trên một ngàn năm tuổi.*

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu có dấu ngoặc đơn

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

– Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *miêu tả con vật.*)

– Đề bài yêu cầu tả con vật sống ở đâu? (Đáp án: *nuôi trong nhà.*)

3.2. Lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật nuôi trong nhà

– HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc lại kết quả BT 2 tr. 87 (*Tiếng Việt 4, tập hai*) và các gợi ý.

– HS lập dàn ý bằng cách ghi các từ ngữ, hình ảnh hoặc đặc điểm chính. Khuyến khích HS ghi chép dưới dạng sơ đồ đơn giản (GV lưu ý HS chỉ ghi chép vắn tắt, không viết thành câu.).

– HS chia sẻ dàn ý đã lập trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh dàn ý.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ dàn ý trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Thêm từ ngữ, hình ảnh vào dàn ý đã lập

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS hoạt động theo nhóm 4, thêm từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh, hình ảnh nhân hoá,… vào những phần phù hợp trong dàn ý.

– 1 – 2 nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói 2 – 3 câu về vẻ đẹp của đất nước Cu-ba theo gợi ý.*

– HS hoạt động trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu vận dụng (Gợi ý: *HS có thể nói về con người, cảnh đẹp, lễ hội,...*).

– 2 – 3 HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: THẢO NGUYÊN BAO LA (tiết 12 – 14, SHS, tr. 92 – 94)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Tìm được từ ngữ tả không gian trong mỗi bức tranh; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống trên thảo nguyên bao la.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi vẻ đẹp, sức sống của thảo nguyên vào mùa xuân.*

3. Luyện tập sử dụng dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép, dấu ngoặc đơn trong câu.

4. Viết được đoạn văn tả đặc điểm nổi bật về hình dáng của con vật nuôi trong nhà.

5. Sưu tầm và nói được 1 – 2 câu về cảnh vật trong tranh, ảnh về thảo nguyên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Ảnh chụp hoặc video clip về phong cảnh, cuộc sống ở thảo nguyên (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Những đợt sóng xanh bạc đầu" đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để thi tìm từ ngữ tả không gian trong bức ảnh (Gợi ý: *mênh mông, bao la, rộng lớn, thênh thang,...*). → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Thảo nguyên bao la".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Thảo nguyên bao la

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, nhẹ nhàng; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động trên thảo nguyên,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *thoai thoải, rỉa cát, loang loáng, I-xúc-kun, trơ trụi, xình xịch, giật thót,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Thảo nguyên chạy dài/ từ các dãy núi xuống tận chân trời/ thành những triền đất thoai thoải,/ rồi nhường chỗ cho những rỉa cát loang loáng/ bao quanh hồ I-xúc-kun xa tít.//;

Xa xa,/ lác đác có những mái lều mới dựng lên;// những người chăn súc vật/ đã ra các đồng cỏ mùa xuân.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "quanh quẩn bên cạnh đường".

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *thoai thoải* (khoảng đất rộng, hơi dốc, thấp dần xuống), *xốn xang* (cảm thấy rạo rực, không yên),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Hình ảnh "thảo nguyên chạy dài từ các dãy núi xuống tận chân trời" cho thấy thảo nguyên bao la, rộng lớn.*

+ Câu 2: *Những hình ảnh ở đoạn 2 báo hiệu mùa xuân đã về trên thảo nguyên là: mặt đất đã sạch hết tuyết, tiếng máy kéo xình xịch trên cánh đồng, những mái lều mới dựng lên, những người chăn súc vật đã ra các đồng cỏ,...*

+ Câu 3: *Từ ngữ, hình ảnh miêu tả:*

• *Bầy thiên nga: trắng, lượn vòng trên mặt hồ, lượn đi lượn lại, cất tiếng kêu rộn rã thảng thốt, bay vút lên cao, vun vút chao xuống nước,...*

• *Hồ I-xức-kun: xanh biếc, những đợt sóng xanh bạc đầu,...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *ấn tượng với từ "xình xịch" → tả âm thanh của tiếng máy kéo vì nó gợi lên không khí lao động, làm cho thảo nguyên bớt đi vẻ tĩnh lặng,...*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng nhưng cần phải giải thích được lí do. VD: *Chọn nhan đề "Mùa xuân trên thảo nguyên" vì nó bao quát được toàn bộ nội dung bài đọc,...*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Khung cảnh thảo nguyên vào mùa xuân.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Hình ảnh bầy thiên nga trên hồ I-xức-kun.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4, 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Những đợt sóng xanh bạc đầu" đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc nhẹ nhàng, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm cảnh vật,...*):

Những đợt sóng xanh bạc đầu/ như thể nắm tay nhau/ chạy từng hàng lên bờ cát vàng.// Mặt trời đang khuất dần sau rặng núi,/ và những khoảng nước phía xa như nhuộm hồng.// Bầy thiên nga đang lượn đi/ lượn lại,/ cất tiếng kêu rộn rã/ thảng thốt.// Chúng bay vút lên cao,/ dang rộng đôi cánh/ vun vút chao xuống nước/ làm loang ra những vòng rộng sủi bọt.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ "Những đợt sóng xanh bạc đầu" đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về dấu câu

2.1. Thêm dấu câu vào vị trí phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS hoạt động trong nhóm đôi, làm bài vào VBT. Gợi ý:

a. *Dấu gạch ngang*	*Làng Hữu nghị Thái Lan – Việt Nam là một ngôi làng đậm đà chất Việt nằm ở làng quê Thái Lan. Nơi đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có thời gian sống và hoạt động. Đây còn là biểu tượng của tình hữu nghị Việt Nam – Thái Lan, là địa điểm gặp gỡ của bà con Việt kiều sống trên đất Thái.*
b. *Dấu ngoặc kép*	*Truyện "Cậu bé gặt gió" được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới, truyền cảm hứng về nghị lực sống và sáng tạo đến thế hệ trẻ. Tại Việt Nam, sách được Nhà xuất bản Thanh niên phát hành.*
c. *Dấu ngoặc đơn*	*Cây trinh nữ (còn gọi là cây mắc cỡ hoặc cây xấu hổ) có nguồn gốc từ Nam Mỹ. Nhưng ta có thể bắt gặp cây trinh nữ ở khắp mọi nơi trên thế giới, nhất là ở những khu rừng rậm.*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Viết câu, đoạn văn có sử dụng dấu câu

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS viết câu, đoạn văn vào VBT.

– HS chia sẻ trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, bổ sung bài viết (nếu cần).

– 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn văn cho bài văn miêu tả con vật

3.1. Tìm hiểu đoạn văn tả đặc điểm nổi bật về hình dáng của con vật

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.

– HS hoạt động trong nhóm 4, làm bài vào VBT (Gợi ý:

a. *Đoạn văn miêu tả con mèo.*

b. *Tác giả chọn tả những đặc điểm về hình dáng của con mèo: màu lông (hung hung có sắc vằn đo đỏ), đầu (tròn tròn), hai tai (đong đỏng dựng đứng, rất thính nhạy), đôi mắt (hiền lành, sáng),... Tác giả sử dụng nhiều từ láy, từ vốn dùng tả người để tả con vật, làm cho chú mèo hiện lên gần gũi, đáng yêu.*

c. *Câu mở đầu: Nhấn mạnh vẻ đẹp của bộ lông mèo. Câu cuối của đoạn văn: Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của tác giả về mèo Hung.*).

Chân trời sáng tạo

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra cách viết đoạn văn cho bài văn miêu tả con vật.

3.2. Viết đoạn văn tả đặc điểm nổi bật về hình dáng của con vật nuôi trong nhà

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài vào VBT dựa vào các câu hỏi gợi ý của GV:

+ Em định tả con vật nào? (VD: *chó, mèo, gà,...*)

+ Đặc điểm nổi bật về hình dáng của con vật đó là gì? (VD: *lông, mắt, cánh,...*)

+ Em sẽ dùng hình ảnh so sánh nào để tả?

+ ...

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS tự đọc bài, điều chỉnh bài làm.

– 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Chia sẻ với bạn những điều em thích ở đoạn văn của mình

– HS xác định yêu cầu của BT 4 và đọc các thẻ gợi ý.

– HS hoạt động trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu của BT 4.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Sưu tầm 1 – 2 tranh, ảnh về thảo nguyên.*

– HS có thể thực hiện hoạt động sưu tầm ở nhà hoặc GV có thể dặn dò HS sưu tầm từ tiết trước.

– HS triển lãm tranh, ảnh đã sưu tầm theo kĩ thuật *Phòng tranh.*

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Nói 1 – 2 câu về cảnh vật trong tranh, ảnh sưu tầm được.*

– HS hoạt động trong nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: BIỂN VÀ RỪNG CÂY DƯỚI LÒNG ĐẤT
(tiết 15 – 18, SHS, tr. 95 – 98)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn những điều quan sát được trong bức tranh của bài đọc; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Trong chuyến thám hiểm dưới lòng đất cùng chú Brốc và anh Han, Éc-xen đã khám phá được những điều rất kì lạ ở biển và rừng cây.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Thế giới tự nhiên luôn chứa đựng nhiều điều kì lạ, bí ẩn.*

3. Nhận diện và biết cách sử dụng trạng ngữ.

4. Viết được đoạn văn tả hoạt động hoặc thói quen của con vật nuôi trong nhà, có sử dụng hình ảnh nhân hoá.

5. Tìm từ và nói được câu tả tiếng kêu của con vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về hoạt động hoặc thói quen của con vật nuôi trong nhà (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Đi tiếp khoảng năm trăm bước" đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Chân trời sáng tạo

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi những điều quan sát được trong bức tranh của bài đọc → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Biển và rừng cây dưới lòng đất".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Biển và rừng cây dưới lòng đất

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng người dẫn chuyện thong thả, ngữ điệu bình thường; giọng Éc-xen và chú Brốc nhanh, thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú;...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *Brốc, Éc-xen, rậm rạp, tròn trĩnh,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài và câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Kể từ ngày giải mã được bức mật thư/ và quyết định lên đường,/ hôm nay đã sang ngày thứ bốn mươi tám,/ giáo sư Brốc,/ anh Han/ và tôi đi xuống lòng đất.//;

– Thật tuyệt vời! –// Chú Brốc kêu lên –// Đây chính là toàn bộ hệ thực vật thuộc thời kì chuyển tiếp của thế giới.// Cháu chiêm ngưỡng đi!// Không một nhà thực vật học nào/ gặp một dịp may hiếm có như vậy đâu!//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "ánh sáng này do điện mà ra".

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *giáo sư* (chức danh khoa học cao nhất của người giảng dạy, nghiên cứu ở bậc Đại học), *đá hoa cương* (một loại đá rất cứng, có màu sắc đa dạng, thường được sử dụng trong lĩnh vực xây dựng), *hệ thực vật* (các loại thực vật cùng sống trong một vùng hoặc một giai đoạn nhất định),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Giáo sư Brốc, anh Han và Éc-xen đi xuống lòng đất để thám hiểm.*

+ Câu 2: *Mỗi cảnh vật họ gặp trên đường có điều kì lạ là: Một làn nước rộng, trải ra mênh mông quá tầm mắt, những khối núi đá kéo dài, vòm đá hoa cương giống hệt một bầu trời với những đám mây ông ánh đổi màu chuyển động, cảnh vật được soi tỏ bằng thứ ánh sáng đặc biệt,...*

+ Câu 3: *Rừng cây trước mắt ba nhà thám hiểm rậm rạp, tán cây tròn trĩnh như những chiếc dù, gió thổi mạnh tán cây vẫn im phăng phắc,...*

+ Câu 4: *Giáo sư Brốc khuyên Éc-xen chiêm ngưỡng toàn bộ hệ thực vật thuộc thời kì chuyển tiếp của thế giới vì không một nhà thực vật học nào gặp dịp may hiếm có như vậy.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Éc-xen ngạc nhiên, sửng sốt trước vẻ kì lạ của biển.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 2: *Éc-xen, chú Brốc và anh Han khám phá ra khu rừng với những loài cây có hình dáng độc đáo, kì lạ* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng người dẫn chuyện thong thả, tự nhiên; giọng nhân vật nhanh; nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, sửng sốt của nhân vật*):

Đi tiếp khoảng năm trăm bước,/ chúng tôi thấy một rừng cây rậm rạp.// Tán cây tròn trĩnh như những chiếc dù.// Gió thổi mạnh tán cây vẫn im phăng phắc/ như đã hoá đá!// Hình như/ đây là một loại cây mà trên mặt đất không có.// Đến gần,/ chú Brốc gọi ngay tên nó://

– Rừng nấm!//

Nhưng không chỉ có nấm/ mà xa xa/ có rất nhiều loại cây cao lớn khác thường/ mọc thành từng nhóm.//

– Thật tuyệt vời! –// Chú Brốc kêu lên –// Đây chính là toàn bộ hệ thực vật thuộc thời kì chuyển tiếp của thế giới.// Cháu chiêm ngưỡng đi!// Không một nhà thực vật học nào/ gặp một dịp may hiếm có như vậy đâu!//

– HS luyện đọc câu nói của chú Brốc ở cuối đoạn: giọng đọc thể hiện sự hưng phấn, ngạc nhiên.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài (nếu còn thời gian, có thể đọc phân vai toàn bài).

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Trạng ngữ

2.1. Hình thành khái niệm trạng ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS làm bài vào VBT (Gợi ý: a. *Câu ② có thêm về "Nhờ được tưới nước đều"*; b. *Từ ngữ được thêm vào bổ sung ý chỉ nguyên nhân.*)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Nhận diện trạng ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm 4 theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*, đặt câu hỏi để tìm trạng ngữ có trong câu. Gợi ý:

Câu	Câu hỏi
a	*Những bông hoa cúc nở vàng rực ở đâu?* (hoặc *Ở đâu những bông hoa cúc nở vàng rực?*)
b	*Khi nào những đoàn thuyền chở nặng tôm cá nối đuôi nhau cập bến?*
c	*Vì sao cây cối héo rũ?*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm hiểu tác dụng của trạng ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu (Đáp án:

a. *Để thực hiện ước mơ → bổ sung cho câu ý chỉ mục đích của việc "Linh say sưa tập đàn".*

b. *Bằng một ngón tay → bổ sung cho câu ý chỉ phương tiện của việc "cậu bé vẽ những vòng tròn trên cát".*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều cần ghi nhớ về trạng ngữ.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.4. Xác định trạng ngữ trong đoạn văn

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS hoạt động nhóm 4 để thực hiện yêu cầu (Đáp án:

a. *Chiều chiều, chúng tôi ra ngồi gốc đa hóng mát. Lúa vàng gợn sóng. Xa xa, giữa cánh đồng, đàn trâu ra về, lững thững từng bước nặng nề. Bóng sừng trâu dưới ánh chiều kéo dài, lan giữa ruộng đồng yên lặng.*

Theo Nguyễn Khắc Viện

b. *Sáng sớm, gà mẹ dẫn gà con đi kiếm mồi. Bằng những cái móng sắc nhọn, nó nhanh nhẹn bới đất, đùng mỏ kẹp chặt lấy con giun. Nghe tiếng mẹ, đàn gà con xúm lại, chờ được chia phần. Góc vườn, bác chuối già rung rinh tay lá như khen ngợi những chú gà bé bỏng. Nắng, gió cũng hoà nhịp vui theo.*

Theo Thu Tâm).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.5. Đặt câu có trạng ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 5.

– HS làm bài vào VBT, đặt 2 – 3 câu về một con vật em thích, trong câu có trạng ngữ.

– HS đổi bài cho bạn trong nhóm đôi.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn miêu tả con vật

3.1. Tìm hiểu đoạn văn miêu tả hoạt động hoặc thói quen của con vật

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (nếu cần), VD: *bươi* (nghĩa trong bài: dùng chân gạt đất để tìm, bắt mồi),...

– HS hoạt động trong nhóm 4, làm bài vào VBT.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp (Gợi ý:

a. *Đoạn văn tả hoạt động tìm mồi, bảo vệ gà con của gà mẹ, hoạt động chạy trốn của gà con.*

b. *Hoạt động của gà mẹ được tả bằng những hình ảnh: tiếng kêu "Túc, túc, túc", "Tác, tác, tác", "tót", "bươi đất tìm mồi", "chạy qua, chạy lại", "vừa la vừa nhìn diều hâu",...; hoạt động của gà con được tả bằng những hình ảnh: "xúm lại", "chui vào bụi cây", "núp dưới bờ gò",...*

c. *Tác giả dùng từ ngữ gợi tả tiếng kêu của gà mẹ rất đa dạng, phù hợp và thú vị.*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, lưu ý cách viết đoạn văn tả hoạt động hoặc thói quen của con vật.

3.2. Viết đoạn văn tả hoạt động hoặc thói quen của một con vật nuôi trong nhà

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV:

+ Em định tả hoạt động hoặc thói quen của con vật nào?

+ Hoạt động hoặc thói quen của con vật đó là gì?

+ Em sẽ dùng hình ảnh nhân hoá nào để tả?

+ …

– HS làm bài vào VBT (có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh hoặc video clip về con vật đã chuẩn bị).

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS tự đọc bài, điều chỉnh bài làm.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Chia sẻ với bạn những điều em thích ở đoạn văn của mình

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS hoạt động trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu của BT 4.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Tìm từ ngữ gợi tả tiếng kêu của mỗi con vật gặp trên đường đi.*

– HS hoạt động trong nhóm lớn, thực hiện yêu cầu theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Nói một câu tả tiếng kêu của một con vật ở bài tập 1.*

– HS chơi trò chơi *Chuyền hoa* để thực hiện hoạt động.

– HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: MỘT BIỂU TƯỢNG CỦA Ô-XTRÂY-LI-A
(tiết 19 – 21, SHS, tr. 99 – 101)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được những điểm thú vị về một công trình kiến trúc mà em biết; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Nhà hát ô-pê-ra là một công trình kiến trúc độc đáo, có giá trị văn hoá và được coi là biểu tượng của đất nước Ô-xtrây-li-a.*

3. Giới thiệu được về một công trình kiến trúc.

4. Viết được đoạn mở bài và đoạn kết bài cho bài văn miêu tả con vật (con vật nuôi trong nhà).

5. Đoán được tên con vật dựa vào hình vẽ hoặc hoạt động; nói được 1 – 2 câu về con vật đã đoán được tên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về nhà hát ô-pê-ra và các công trình kiến trúc nổi tiếng; hình vẽ về các con vật (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Toạ lạc" đến "sự kiện sang trọng".

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS chia sẻ trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ những điểm thú vị về một công trình kiến trúc mà em biết.

– HS xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Một biểu tượng của Ô-xtrây-li-a".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Một biểu tượng của Ô-xtrây-li-a

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ các thông tin quan trọng,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *Ô-xtrây-li-a, ô-pê-ra, kăng-gu-ru, Giôn Ắt-sơn, xứ sở,...;* hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Toạ lạc trên cảng Xít-ni,/ hình vòm đặc biệt của mái nhà hát/ gợi liên tưởng tới những cánh buồm no gió/ đang lướt sóng biển ra khơi/ hay tới những con sò biển khổng lồ/ trắng muốt/ dưới bầu trời xanh thẳm.// Có người cho rằng/ những cánh buồm trắng là những mảnh ghép của Trái Đất,/ tượng trưng cho tình đoàn kết năm châu/ mà Giôn Ắt-sơn –/ kiến trúc sư người Đan Mạch muốn gửi gắm...//;...*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *kiến trúc* (cấu tạo, kiểu dáng của một công trình được xác định trước khi xây dựng), *biểu tượng* (hình ảnh tượng trưng), *toạ lạc* ((nhà cửa) ở tại nơi nào đó),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Đoạn mở đầu của bài đọc cung cấp những thông tin về thời điểm hoàn thành thi công, vị trí và ý nghĩa của nhà hát ô-pê-ra.*

+ Câu 2: *Mái vòm của nhà hát gợi liên tưởng đến "những cánh buồm no gió", "những con sò biển khổng lồ trắng muốt dưới bầu trời xanh thẳm",...*

+ Câu 3: *Việc các buổi biểu diễn nghệ thuật lừng danh, các hội nghị, sự kiện sang trọng được tổ chức ở đây cho thấy nhà hát ô-pê-ra là công trình kiến trúc rất nổi tiếng, là niềm tự hào của người dân Ô-xtrây-li-a,...*

+ Câu 4: *Người Ô-xtrây-li-a xem kiến trúc sư Giôn Ắt-sơn là người con của đất nước mình vì ông đã thiết kế nên một công trình kiến trúc nổi tiếng cho đất nước này.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Toạ lạc" đến "sự kiện sang trọng" và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thời gian, địa danh, tên người,...*):

Toạ lạc trên cảng Xít-ni,/ hình vòm đặc biệt của mái nhà hát/ gợi liên tưởng tới những cánh buồm no gió/ đang lướt sóng biển ra khơi/ hay tới những con sò biển khổng lồ/ trắng muốt dưới bầu trời xanh thẳm.// Có người cho rằng/ những cánh buồm trắng là những mảnh ghép của Trái Đất,/ tượng trưng cho tình đoàn kết năm châu/ mà Giôn Ắt-sơn – kiến trúc sư người Đan Mạch muốn gửi gắm...//

Nhà hát ô-pê-ra/ là địa điểm tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật lừng danh,/ các hội nghị,/ sự kiện sang trọng.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ "Toạ lạc" đến "sự kiện sang trọng".

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Giới thiệu về một công trình kiến trúc

2.1. Kể tên những công trình kiến trúc nổi tiếng đã được tham quan hoặc tìm hiểu

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và quan sát các bức ảnh gợi ý.

– HS chơi trò chơi *Chuyền hoa* để kể tên những công trình kiến trúc nổi tiếng đã được tham quan hoặc tìm hiểu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Giới thiệu một công trình kiến trúc

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS hoạt động trong nhóm 4, giới thiệu về một công trình kiến trúc mà em thích.

– 2 – 3 HS giới thiệu trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá (Gợi ý: có thể nhận xét, đánh giá dựa vào các tiêu chí: *thông tin; ngôn ngữ; cử chỉ; thời gian;...*).

2.3. Ghi chép về một vài công trình kiến trúc

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS hoạt động cá nhân, ghi chép về một vài công trình kiến trúc vào sơ đồ tư duy đơn giản (Gợi ý: *Từ khoá trung tâm ghi tên công trình mà bạn đã giới thiệu, các nhánh ghi những nét đặc sắc hoặc thông tin quan trọng,...*).

– HS chia sẻ trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Phòng tranh nhỏ*.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn mở bài và đoạn kết bài cho bài văn miêu tả con vật

3.1. Tìm hiểu đoạn mở bài cho bài văn miêu tả con vật nuôi trong nhà

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các đoạn mở bài.

– HS hoạt động trong nhóm nhỏ, làm bài vào VBT (Đáp án: *Đoạn 1: Giới thiệu trực tiếp con vật; đoạn 2: Nói về một việc khác có liên quan để dẫn vào giới thiệu con vật.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách mở bài.

(Gợi ý:

+ *Mở bài trực tiếp:* Giới thiệu trực tiếp con vật.

+ *Mở bài gián tiếp:* Nói về việc khác có liên quan để dẫn vào giới thiệu con vật.)

3.2. Tìm hiểu đoạn kết bài cho bài văn miêu tả con vật nuôi trong nhà

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các đoạn kết bài.

– HS hoạt động trong nhóm nhỏ, làm bài vào VBT (Đáp án: *Đoạn 1: Đoạn kết thúc bài viết bằng cách liên hệ đến người, vật,... có liên quan; đoạn 2: Đoạn kết thúc bài viết bằng cách nêu lên tình cảm, cảm xúc với con vật.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách kết bài.

(Gợi ý:

+ *Kết bài không mở rộng:* Kết thúc bài viết bằng cách nêu lên tình cảm, cảm xúc với con vật.

+ *Kết bài mở rộng:* Kết thúc bài viết bằng cách liên hệ đến người, vật,... có liên quan.)

3.3. Thực hành viết đoạn mở bài và kết bài cho bài văn tả con vật nuôi trong nhà

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS viết đoạn mở bài gián tiếp và đoạn kết bài mở rộng cho bài văn tả con vật nuôi trong nhà mà em thích vào VBT.

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, góp ý và bổ sung.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nhìn hình vẽ hoặc hành động của bạn trong lớp, đoán tên con vật. Nói 1 – 2 câu về con vật đã đoán được tên.*

– HS hoạt động trong nhóm lớn để đoán tên và nói về con vật đã đoán được tên.

– 1 – 2 nhóm HS trình bày trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (kĩ thuật *Bể cá*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 7: RỪNG MƠ (tiết 22 – 25, SHS, tr. 102 – 106)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được về một địa điểm du lịch ở Việt Nam thu hút nhiều khách nước ngoài; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Vẻ đẹp lung linh, quyến rũ của rừng mơ vào mùa xuân làm say lòng bao du khách gần xa.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, đất nước.*

– Tìm đọc được một bản tin hoặc một quảng cáo viết về công trình kiến trúc, danh lam, thắng cảnh nổi tiếng thế giới; viết được *Nhật kí đọc sách*. Giới thiệu và chia sẻ được về giá trị, ý nghĩa của công trình kiến trúc hoặc danh lam, thắng cảnh đã đọc.

3. Nhận diện và biết cách sử dụng trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn.

4. Viết được bài văn miêu tả con vật (con vật nuôi trong nhà).

5. Đóng vai, giới thiệu được một cảnh đẹp ở quê hương Việt Nam với du khách nước ngoài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– HS mang tới lớp bản tin hoặc quảng cáo phù hợp với chủ điểm "Thế giới quanh ta" đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Bảng phụ ghi ba khổ thơ cuối.

– Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói những điều đã biết về một địa điểm du lịch ở Việt Nam thu hút nhiều khách nước ngoài → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Rừng mơ".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Rừng mơ

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, thiết tha, hồn nhiên; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ tên gọi và màu sắc, hoạt động của các sự vật;...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *gờn gợn, chíu chít, quây quần,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của tác giả:

Trên thung sâu/ vắng lặng/
Những đài hoa/ thanh tân/
Uống dạt dào/ mạch đất/
Đang kết/ một mùa xuân/
Rồi quả vàng/ chíu chít/
Như trời sao/ quây quần.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ ba.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *gờn gợn* (những vệt nhỏ thoáng thấy qua trên bề mặt), *thanh tân* (trẻ, nghĩa trong bài:

vừa mọc ra, nở ra), *chíu chít* (nghĩa trong bài: rất nhiều quả, quả này sát quả kia, hầu như không còn chỗ hở),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Núi Thơm vào mùa hoa mơ nở tràn đầy sắc trắng mờ ảo và phảng phất hương thơm.*

+ Câu 2: *Trong khổ thơ thứ ba, sức sống của rừng mơ thể hiện qua các hình ảnh, từ ngữ: những đài hoa thanh tân, uống dạt dào mạch đất, quả vàng chíu chít như trời sao quây quần.*

+ Câu 3: *Quả mơ hấp dẫn du khách bởi vị chua, thanh mát và hương thơm dễ chịu.*

+ Câu 4: *Khổ thơ cuối bài ca ngợi, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Núi Thơm giữa mùa hoa mơ nở tràn đầy hương sắc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Rừng mơ dạt dào sức sống.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 3: *Sức hấp dẫn của quả mơ với du khách gần xa* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2, đoạn 3 và xác định giọng đọc các đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, mùi vị của quả mơ,…*):

Trên thung sâu/ vắng lặng/
Những đài hoa/ thanh tân/
Uống dạt dào/ mạch đất/
Đang kết/ một mùa xuân/
Rồi quả vàng/ chíu chít/
Như trời sao/ quây quần.//

Sang xuân/ người trẩy hội/
Nghe khát/ vị mơ chua/

Quả rừng/ mát hơi núi/
Hãy còn/ vương mùi hoa.//

Có người bạn/ xa nước/
Yêu sông núi/ chúng ta/
Mùa xuân/ cũng trẩy hội/
Gửi mơ/ về quê nhà.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2, đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ điểm "Thế giới quanh ta"

1.2.1. Tìm đọc bản tin hoặc quảng cáo

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bản tin hay một quảng cáo phù hợp với chủ điểm "Thế giới quanh ta" theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc bản tin hay quảng cáo viết về:

+ Công trình kiến trúc nổi tiếng thế giới.

+ Danh lam, thắng cảnh nổi tiếng thế giới.

+ ?

– HS chuẩn bị bản tin hoặc quảng cáo đã đọc để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những thông tin chính trong bản tin hay quảng cáo đã đọc: tên, địa điểm (ở đâu), đặc điểm,…

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản phù hợp với nội dung chủ điểm hoặc nội dung bản tin, quảng cáo đã đọc.

1.2.3. Chia sẻ bản tin hoặc quảng cáo đã đọc

– HS đọc hoặc trao đổi bản tin, quảng cáo với bạn để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

1.2.4. Thi Nhà thuyết minh nhí

– HS hoạt động trong nhóm lớn, giới thiệu và chia sẻ với bạn về giá trị, ý nghĩa của công trình kiến trúc hoặc danh lam, thắng cảnh được nói đến trong bản tin hoặc quảng cáo.

– 1 – 2 HS giới thiệu trước lớp.

– HS tham gia bình chọn *Người thuyết minh ấn tượng*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn

2.1. Nhận diện trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, xác định trạng ngữ trong mỗi câu và xếp các câu vào nhóm thích hợp. Đáp án:

a. *1: Tinh mơ; 2: Một tháng nữa; 3: Trong vòm lá; 4: Tối nay, đúng 8 giờ; 5: Ven đường; 6: Dọc triền đê.*

b. *Nhóm câu có trạng ngữ bổ sung ý chỉ thời gian: 1, 2, 4; nhóm câu có trạng ngữ bổ sung ý chỉ nơi chốn: 3, 5, 6.*

c.

Câu	Đặt câu hỏi
1	*Khi nào mọi người đã ra đồng?*
2	*Bao giờ chúng em được nghỉ hè?*
3	*Mấy chú chim trò chuyện ríu rít ở đâu?*
4	*Khi nào buổi biểu diễn bắt đầu?*
5	*Mọi người đứng chen chúc cổ vũ cho hai đội đua ở đâu?*
6	*Đám trẻ cưỡi trâu thong thả ra về ở đâu?*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn.

2.2. Chọn trạng ngữ phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, làm bài vào VBT (Đáp án: *Dưới mặt đất → Trên các vòm lá dày ướt đẫm → Xa xa → Sau trận mưa rả rích*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu có trạng ngữ chỉ nơi chốn

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT.

– HS đổi bài cho nhau, soát lỗi và bổ sung.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết bài văn miêu tả con vật

3.1. Viết bài văn tả một con vật nuôi trong nhà

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý trong sơ đồ.

– HS trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

+ Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *miêu tả con vật.*)

+ Con vật em chọn tả là con vật nào?

+ Con vật đó có đặc điểm nổi bật nào về hình dáng?

+ Con vật đó có hoạt động hoặc thói quen gì?

+ Tình cảm, cảm xúc của em với con vật đó như thế nào?

+ …

– HS thực hành viết bài văn.

3.2. Đọc lại và chỉnh sửa bài viết

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi nhóm đôi, chia sẻ bài viết và những nội dung sẽ chỉnh sửa (nếu có).

– HS chọn viết một đoạn chỉnh sửa (nếu có) vào VBT.

– 1 – 2 HS đọc đoạn chỉnh sửa trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu với du khách nước ngoài về một cảnh đẹp ở quê hương Việt Nam.*

– HS hoạt động trong nhóm lớn, thực hiện yêu cầu.

– 2 – 3 nhóm HS đóng vai, giới thiệu trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

Chân trời sáng tạo

BÀI 8: KÌ DIỆU MA-RỐC (tiết 26 – 28, SHS, tr. 107 – 110)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được những điều đã biết về sa mạc; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Sa mạc mênh mông, khổng lồ ở Ma-rốc không chỉ có nắng, gió và những bãi cát nóng bỏng trải dài đến vô tận, mà còn chứa đựng nhiều điều vô cùng kì diệu.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ở nơi tưởng chừng như khô cằn, khắc nghiệt nhất vẫn có những nét đẹp, những điều kì diệu.*

3. Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Du lịch.*

4. Biết quan sát và tìm được ý cho bài văn miêu tả con vật (con vật sống trong môi trường tự nhiên).

5. Kể được tên một số loài vật được đặt dựa vào: hình dáng, màu sắc; tiếng kêu; cách kiếm mồi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip ghi lại cảnh ở sa mạc; tranh, ảnh, video clip về các con vật sống trong môi trường tự nhiên (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Kì diệu là" đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn những điều mình biết về sa mạc. → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Kì diệu Ma-rốc".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Kì diệu Ma-rốc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả; nhấn giọng ở những từ ngữ tả cảnh ở sa mạc và thể hiện cảm xúc của nhân vật; ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *khuỵu, rực rỡ,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Những sa mạc cát mênh mang,/ những ngày nắng chói chang/ và dải trời xanh ngắt/ tựa như thế giới bước ra từ những câu chuyện cổ tích.//;

Kì diệu là/ những sóng cát mới phút trước đang vàng óng ả,/ phút sau chỉ còn chút ánh hồng khi hoàng hôn vừa tắt/ và rồi thật lặng lẽ vùi mình vào lòng đêm sâu thẳm.// Kì diệu là/ khi cả biển cát xám tưởng như không một sức sống/ bỗng dưng tỉnh giấc/ hồi sinh trong bình minh lộng lẫy/ và khoác lên mình sắc cam đỏ rực rỡ.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "những câu chuyện cổ tích".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "trời xanh ngắt, cao vời vợi".

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *"Những sa mạc cát mênh mang", "những ngày nắng chói chang" và "dải trời xanh ngắt" gợi cho tác giả cảm giác Ma-rốc như một "thế giới bước ra từ những câu chuyện cổ tích".*

+ Câu 2: *Nắng, cát và bầu trời xứ Ma-rốc được miêu tả trong đoạn 2 là: Nắng "chói chang", tạo nên "những cơn gió nóng", "tràn qua dải đồi vàng óng", biển cát vàng "chuyển mình vội vã", "những sóng cát nhấp nhô", "cháy bỏng da"; bầu trời "xanh ngắt", "cao vời vợi",...*

+ Câu 3: *Tác giả cảm nhận được điều kì diệu về sự thay đổi màu sắc của những sóng cát vào thời điểm hoàng hôn và bình minh.*

+ Câu 4: *Bức tranh Ma-rốc được tả bằng màu vàng óng, màu xám, màu cam đỏ của cát, màu xanh ngắt của bầu trời, màu hồng của hoàng hôn,... → Tác giả sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc rất phù hợp, làm nổi bật được sự kì diệu, hấp dẫn của sa mạc,...*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Ma-rốc là xứ sở cuốn hút con người bởi những điều huyền bí.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Hình ảnh nắng, cát và bầu trời ở Ma-rốc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Những điều kì diệu ở Ma-rốc* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 4.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, trầm ấm; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ sự thay đổi màu sắc của cát, thời gian,...*):

Kì diệu là/ những sóng cát mới phút trước đang vàng óng ả,/ phút sau chỉ còn chút ánh hồng khi hoàng hôn vừa tắt/ và rồi thật lặng lẽ vùi mình vào lòng đêm sâu thẳm.// Kì diệu là/ khi cả biển cát xám tưởng như không một sức sống/ bỗng dưng tỉnh giấc/ hồi sinh trong bình minh lộng lẫy/ và khoác lên mình sắc cam đỏ rực rỡ.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ *Du lịch*

2.1. Tìm hiểu nghĩa của từ du lịch

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS làm bài vào VBT (Đáp án: *Đi chơi xa để nghỉ ngơi, ngắm cảnh.*)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm từ ngữ thuộc chủ đề Du lịch

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*, thực hiện bài tập (Gợi ý: a. *đảo Phú Quốc, địa đạo Củ Chi, chùa Một Cột,…*; b. *bản đồ, máy ảnh, quần áo,...*; c. *tàu hoả, máy bay, xe máy,...*).

– HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS giải thích nghĩa hoặc cung cấp thêm thông tin liên quan đến các từ ngữ tìm được (nếu cần).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Chọn từ ngữ phù hợp với mỗi ❀

– HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các câu.

– HS hoạt động trong nhóm đôi, chọn từ ngữ phù hợp (Gợi ý: a. *danh thắng*; b. *khám phá*; c. *cảnh sắc*; d. *du khách*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS có thể giải thích thêm lí do vì sao không chọn các từ khác (nếu còn thời gian).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Đặt câu giới thiệu về một địa điểm du lịch

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn miêu tả con vật

3.1. Tìm hiểu bài văn miêu tả con vật sống trong môi trường tự nhiên

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn.

– HS hoạt động theo nhóm 4, thực hiện yêu cầu của BT 1 vào VBT (Gợi ý:

a. *Khi chim bói cá đậu trên cành tre, tác giả quan sát được những đặc điểm hình dáng là: Lông cánh – xanh biếc như tơ; mình – nhỏ; mỏ – dài; lông ức – màu hung hung nâu; cổ – rút lại; đầu – cúi xuống như kiểu soi gương.*

b. *Những từ ngữ, hình ảnh cho thấy bói cá kiếm mồi rất nhanh: "vụt một cái", "lao đầu xuống nước rồi lại bay vụt lên", "nhanh như cắt".*

c. *Hình ảnh so sánh: "đầu cúi xuống như kiểu soi gương", "nhanh như cắt" → Giúp người đọc dễ hình dung, liên tưởng hình ảnh con chim bói cá với những gì được nói đến.*).

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra cách viết đoạn văn cho bài văn tả con vật sống trong môi trường tự nhiên.

3.2. Quan sát một con vật sống trong môi trường tự nhiên và ghi lại những điều quan sát được

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trả lời các câu hỏi gợi ý trong SHS dưới sự hướng dẫn của GV.

– HS nghe GV hướng dẫn thêm cách quan sát, ghi chép (nếu cần).

– HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp (có thể thực hiện ở nhà hoặc quan sát thông qua các phương tiện hỗ trợ như tranh, ảnh, bài báo, video clip,…).

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ, góp ý và bổ sung.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Thi kể tên các loài vật được đặt dựa vào hình dáng, màu sắc; tiếng kêu; cách kiếm mồi.*

– HS chơi trò chơi *Truyền điện* để thực hiện yêu cầu (Gợi ý:

+ Tên được đặt dựa vào hình dáng, màu sắc: bọ cánh cam, hươu cao cổ, cá mập, bồng chanh đỏ,...

+ Tên được đặt dựa vào tiếng kêu: quạ, mèo, bò, tắc kè,...

+ Tên được đặt dựa vào cách kiếm mồi: chim bói cá, chim gõ kiến, chim sâu,...).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.

Chân trời sáng tạo

Chủ điểm 8. VÒNG TAY THÂN ÁI
(Tuần 32 – 33 – 34)

Chủ điểm "Vòng tay thân ái" hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: nhận thức được cuộc sống giữa con người với con người, con người với sự vật rất cần tinh thần đoàn kết, tình cảm yêu mến và gần gũi. Từ đó, biết thêm nhiều biểu hiện và cách thức thể hiện tình thân ái: *biết quan tâm tới mọi người, mọi vật, nuôi dưỡng tình cảm thân ái và bước đầu hiểu ý nghĩa, có ý thức về việc xây dựng tình đoàn kết giữa các nước, các châu lục.*

BÀI 1: CÁ HEO Ở BIỂN TRƯỜNG SA
(tiết 1 – 4, SHS, tr. 111 – 114)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ điều em biết về một loài vật sống ở biển dựa vào gợi ý; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cá heo rất gần gũi và biết cách thể hiện tình cảm với con người*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Mối quan hệ gắn bó giữa con người với thiên nhiên.*

3. Nhận diện và biết sử dụng trạng ngữ chỉ mục đích, nguyên nhân.

4. Lập được dàn ý cho bài văn miêu tả con vật (con vật sống trong môi trường tự nhiên).

5. Viết và trang trí được thông điệp bảo vệ động vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– HS mang theo tranh, ảnh chụp một số loài vật sống ở biển và một số loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng (nếu có).

– Tranh, ảnh hoặc video clip về cá heo nhào lộn trên biển (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn 2.

– Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm "Vòng tay thân ái" (Gợi ý: *Con người sống cần có tình cảm yêu mến và gần gũi với mọi người, mọi vật xung quanh. Các châu lục, các nước trên thế giới cũng cần có tình đoàn kết, thân ái,...*).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn những điều em biết về một loài vật sống ở biển (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip mà HS đã chuẩn bị từ trước) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

Chân trời sáng tạo

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Cá heo ở biển Trường Sa".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Cá heo ở biển Trường Sa

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thong thả, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động, trạng thái và cảm xúc của người, vật; giọng anh chiến sĩ lúc đầu thể hiện niềm vui, ngạc nhiên, khi trò chuyện với cá heo thể hiện tình cảm vỗ về; ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *quây quần, boong tàu, nghiền,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Tàu Phương Đông của chúng tôi/ buông neo trong vùng biển/ của quần đảo Trường Sa.//;

Thì ra/ cá heo thấy các anh chiến sĩ hò hát vui quá,/ gọi nhau quây đến quanh tàu để chia vui.//; ...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "để chia vui".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "toả ra biển rộng".

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *nhắm nghiền* ((mắt) nhắm thật chặt),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Tàu Phương Đông buông neo trong vùng biển của quần đảo Trường Sa, vào buổi tối.*

+ Câu 2: *Chi tiết cho thấy cá heo thích nô đùa, thích được cổ vũ là "cá heo gọi nhau đến quanh tàu để chia vui", khi được các anh chiến sĩ cổ vũ, "cá thích, nhảy vút lên thật cao.",...*

+ Câu 3: *Cách gọi và hành động của anh chiến sĩ thể hiện tình cảm yêu mến, yêu quý động vật, xem chú cá heo như một "đứa trẻ" để an ủi, vỗ về.*

+ Câu 4: *Hành động kéo đến, bơi trước mũi tàu như kẻ dẫn đường, quyến luyến không muốn chia tay cho thấy cá heo rất quý mến các chiến sĩ.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Đàn cá heo gọi nhau quây đến quanh tàu để chia vui cùng các anh chiến sĩ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Cá heo nô đùa cùng các anh chiến sĩ và tình cảm yêu mến của các anh dành cho cá heo.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Đàn cá heo cũng rất quyến luyến các anh chiến sĩ.* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng vui, tốc độ nhanh hơn so với đoạn 1; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của người, vật; giọng anh chiến sĩ lúc đầu thể hiện niềm vui, ngạc nhiên; khi trò chuyện với cá heo thể hiện tình cảm vỗ về,...*):

Cá heo giống tính trẻ em,/ thích nô đùa,/ thích được cổ vũ.// Anh em ùa ra vỗ tay,/ hoan hô:// "A!// Cá heo nhảy múa đẹp quá!".// Thế là cá thích,/ nhảy vút lên thật cao.// Có chú quá đà/ vọt lên boong tàu/ cách mặt nước đến một mét.// Có lẽ va vào sắt bị đau,/ chú nằm im,/ mắt nhắm nghiền,/ phía đuôi bị rách một mảng.// Một anh chiến sĩ/ đến nâng con cá lên hai bàn tay,/ nói nựng://

– Có đau không,/ chú mình?// Lần sau khi nhảy múa/ phải chú ý nhé!// Đừng nhảy lên boong tàu.//

Anh vuốt ve con cá/ rồi thả xuống nước.// Cả đàn cá quay ngay lại,/ quay đầu về phía boong tàu,/ nhảy vung lên một cái/ như để cảm ơn/ rồi toả ra biển rộng.//

– HS luyện đọc câu nói của anh chiến sĩ:

+ Câu thứ nhất: Giọng cao, thể hiện sự thích thú, sự ngạc nhiên.

+ Câu thứ hai: Giọng thể hiện tình cảm yêu mến, vỗ về.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– 1 – 2 HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Trạng ngữ chỉ mục đích, nguyên nhân

2.1. Nhận diện trạng ngữ chỉ mục đích, nguyên nhân

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS xác định trạng ngữ của từng câu.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, làm bài vào VBT (Đáp án:

+ Câu có trạng ngữ bổ sung ý chỉ nguyên nhân: 2, 3, 5

+ Câu có trạng ngữ bổ sung ý chỉ mục đích: 1, 4).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về trạng ngữ chỉ mục đích, nguyên nhân.

2.2. Thay ❀ bằng một từ phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm đôi, chọn từ phù hợp (Đáp án: a. *Để;* b. *Nhờ;* c. *Nhờ (Vì);* d. *Vì (Do);* e. *Nhằm*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Thay trạng ngữ chỉ nguyên nhân hoặc mục đích phù hợp cho ❀

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thực hiện nhóm 4, mỗi cá nhân trong nhóm thực hiện một câu (kĩ thuật *Mảnh ghép*) trước khi chia sẻ chung (Gợi ý:

a. *Vì đạt giải thưởng "Gia đình vui vẻ", bố mẹ rất vui.*

b. *Vì sự thân thiện của các anh chiến sĩ, đàn cá heo lại kéo đến.*

c. *Để có sức khoẻ tốt, em chăm chỉ tập thể dục.*

d. *Nhằm (để) bảo vệ môi trường, chúng em tích cực phân loại rác.*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Đặt câu có trạng ngữ chỉ mục đích, trạng ngữ chỉ nguyên nhân phù hợp với mỗi tranh

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS viết câu vào VBT.

– HS trình bày kết quả trước lớp theo kĩ thuật *Trình bày một phút*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

– Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *miêu tả con vật.*)

– Đề bài yêu cầu tả con vật sống ở đâu? (Đáp án: *sống trong tự nhiên.*)

3.2. Lập dàn ý cho bài văn tả một con vật em thích

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.

– HS đọc lại phần ghi chép ở BT 2 tr. 110 (*Tiếng Việt 4, tập hai*), làm bài vào VBT (GV lưu ý HS chỉ ghi chép vắn tắt, không viết thành câu).

3.3. Đọc lại và chỉnh sửa dàn ý đã lập

– HS chia sẻ dàn ý đã lập trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh dàn ý.

– HS chia sẻ dàn ý trước lớp theo kĩ thuật *Phòng tranh*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết và trang trí thông điệp bảo vệ động vật.*

– HS thực hiện cá nhân hoặc nhóm nhỏ (có thể kết hợp quan sát một số tranh, ảnh đã chuẩn bị trước).

– HS chia sẻ thông điệp cho nhau và trưng bày ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.*

– HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 2: VÒNG TAY BÈ BẠN (tiết 5 – 7, SHS, tr. 115 – 117)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Cùng bạn hỏi đáp được về tình cảm, cảm xúc khi tham gia một hoạt động dành cho thiếu nhi; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Ca ngợi mối quan hệ hữu nghị truyền thống của nhân dân ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia thông qua Liên hoan Thiếu nhi ba nước.*

3. Tranh luận được theo chủ đề *Thời gian là vốn quý.*

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết.

5. Biết bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc đoạn lời bài hát.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Hình ảnh hoặc video clip về Liên hoan Thiếu nhi ba nước (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Sau lễ khai mạc" đến "giữa ba dân tộc".

– Đoạn lời hoặc video clip bài hát "Thiếu nhi thế giới liên hoan".

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, cùng bạn hỏi đáp về tình cảm, cảm xúc khi tham gia một hoạt động dành cho thiếu nhi dựa vào gợi ý. → Xem tranh, liên hệ với nội dung khởi động → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Vòng tay bè bạn".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Vòng tay bè bạn

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc rõ ràng, rành mạch, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động của Liên hoan Thiếu nhi ba nước; ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *hữu nghị, sâu sắc,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Sau khi tham gia Liên hoan,/ các em thiếu nhi/ có thêm nhiều kỉ niệm đẹp,/ nhiều người bạn mới/ và hiểu sâu sắc/ về mối quan hệ hữu nghị truyền thống/ Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia.//; ...*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Chủ đề của Liên hoan Thiếu nhi ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia năm 2022 hướng đến tình hữu nghị, tình đoàn kết giữa thiếu nhi ba nước.*

+ Câu 2: *Những hoạt động các em thiếu nhi thực hiện sau lễ khai mạc có ý nghĩa sâu sắc, to lớn nhằm giúp các em thiếu nhi nước bạn hiểu hơn về tình cảm mà Bác Hồ dành cho thiếu nhi và lịch sử đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam.*

+ Câu 3: *Đêm giao lưu văn hoá được xem là điểm nhấn đặc sắc của Liên hoan vì các em được cùng nhau giao lưu, chia sẻ những điệu múa, câu hát thắm tình hữu nghị, tình đoàn kết đặc biệt giữa ba dân tộc.*

+ Câu 4: *Liên hoan Thiếu nhi ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia đem lại nhiều kỉ niệm, nhiều người bạn mới và giúp các em hiểu hơn về mối quan hệ hữu nghị của ba nước.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *ca hát, đọc thơ về đất nước, con người Việt Nam,...*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Sau lễ khai mạc" đến "giữa ba dân tộc" và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc, rõ ràng, rành mạch, vui tươi; nhấn giọng ở những hoạt động của đêm Liên hoan, các địa danh; ...*):

Sau lễ khai mạc,/ các em thiếu nhi cùng dâng hoa tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh,/ tham quan,/ tìm hiểu "Không gian Bác Hồ với thiếu nhi",/ khu di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác,/ khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi,... //

Điểm nhấn đặc sắc của Liên hoan/ là đêm giao lưu văn hoá/ được tổ chức ở Nhà hát Thành phố.// Các em được cùng nhau giao lưu,/ mang đến những điệu múa,/ câu hát/ thắm tình hữu nghị,/ tình đoàn kết đặc biệt giữa ba dân tộc.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ "Sau lễ khai mạc" đến "giữa ba dân tộc".

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Tranh luận theo chủ đề *Thời gian là vốn quý*

– HS xác định yêu cầu của BT và đọc các gợi ý.

– HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần):

+ Khẳng định ý kiến đồng ý hay không đồng ý với câu nói trên.

+ Trình bày lí lẽ để bảo vệ ý kiến:

• Đồng ý: *Thời gian làm ra của cải/ Có thời gian để chăm sóc người thân/ Có thời gian để học tập, trau dồi thêm hiểu biết/...*

• Không đồng ý: *Thời gian là vô tận/ Không làm vào lúc này thì làm vào lúc khác/ Có nhiều thứ khác quý hơn thời gian/...*

– HS thảo luận trong nhóm để bày tỏ ý kiến cá nhân.

– 1 – 2 nhóm HS trình bày quan điểm, tranh luận trước lớp theo kĩ thuật *Bể cá*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Trả bài văn miêu tả con vật

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn tả một con vật nuôi trong nhà mà em thích:

– Ưu điểm

– Hạn chế

– …

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

– HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết đã nộp.

– HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (cấu tạo, chọn lọc chi tiết, sử dụng từ ngữ, hình ảnh,...).

3.3. Trao đổi với bạn và viết lại một đoạn trong bài làm

– HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ về bài viết dựa vào các gợi ý:

+ Những điều học được ở bài viết của bạn.

+ Những nội dung có thể điều chỉnh để bài viết hay hơn.

+ Những nội dung muốn góp ý cho bài viết của bạn.

+ …

– HS xác định yêu cầu của BT 3c, chọn một đoạn và viết lại vào VBT theo hướng mở rộng ý.

– 1 – 2 HS trình bày bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc đoạn lời bài hát "Thiếu nhi thế giới liên hoan".*

– HS viết cảm nhận của em sau khi đọc khổ thơ vào giấy màu, dán vào phiếu nhóm và chia sẻ trong nhóm.

– 1 – 2 HS chia sẻ suy nghĩ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: NÀNG TIÊN ỐC (tiết 8 – 11, SHS, tr. 118 – 121)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Sắp xếp được các từ thành câu tục ngữ "Ở hiền gặp lành"; nêu được ý nghĩa của câu tục ngữ; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bài thơ là câu chuyện kể về cuộc gặp gỡ giữa bà lão và nàng tiên Ốc*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Khuyên chúng ta sống nhân hậu, biết giúp đỡ mọi người. Những người giàu lòng yêu thương, sống nhân hậu sẽ gặp được nhiều điều tốt đẹp.*

– Tìm đọc được một bài thơ hoặc đoạn lời bài hát viết về tình cảm, sự gắn bó với thiên nhiên, tình cảm với con người; viết được *Nhật kí đọc sách*; chia sẻ được với bạn tình cảm, suy nghĩ của em sau khi đọc bài thơ hoặc đoạn lời bài hát.

3. Nhận diện và biết cách sử dụng trạng ngữ chỉ phương tiện.

4. Viết được đoạn văn tả hoạt động hoặc thói quen của con vật sống trong môi trường tự nhiên mà em thích.

5. Kể lại được câu chuyện "Nàng tiên Ốc" bằng lời của em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

– HS mang đến lớp bài thơ hoặc đoạn lời bát hát phù hợp với chủ điểm "Vòng tay thân ái" và *Nhật kí đọc sách*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, sắp xếp các từ thành câu tục ngữ (Đáp án: *Ở hiền gặp lành*).

– 1 – 2 HS chia sẻ về ý nghĩa của câu tục ngữ trước lớp. → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Nàng tiên Ốc".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Nàng tiên Ốc

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Toàn bài đọc với giọng thong thả, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả vỏ ốc và những điều kì lạ xảy ra trong nhà bà lão, thái độ của bà lão,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *biêng biếc, tinh tươm,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số dòng thơ miêu tả vỏ ốc, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Xưa/ có bà già nghèo/
Chuyên mò cua/ bắt ốc/
Một hôm/ bà bắt được/
Một con ốc/ xinh xinh/
Vỏ nó/ biêng biếc xanh/
Không giống như/ ốc khác/
Bà thương/ không muốn bán/
Bèn/ thả vào trong chum.//

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai.

+ Đoạn 2: Khổ thơ cuối.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *chum* (đồ đựng bằng gốm, loại lớn, miệng tròn, giữa phình ra, thót dần về phía đáy), *tinh tươm* (tươm tất, đâu ra đấy),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Khi bắt được con ốc, bà cụ đã thả con ốc vào chum vì con ốc rất đẹp, bà thương nó nên không muốn đem bán.*

+ Câu 2: *Từ khi bắt được ốc, nhà bà xảy ra những chuyện lạ: sân nhà sạch sẽ, đàn lợn được ăn no, cơm nước nấu sẵn, vườn rau sạch cỏ.*

+ Câu 3: *Hành động "đập vỡ vỏ ốc xanh" và "ôm lấy nàng tiên" của bà cụ thể hiện tấm lòng yêu thương của bà dành cho nàng tiên, bà trân trọng những việc làm mà nàng tiên đã dành cho bà và thể hiện mong muốn có người thân, có gia đình của bà cụ.*

+ Câu 4: *Cách kể chuyện của tác giả thú vị vì diễn biến, tình tiết truyện được thể hiện bằng hình ảnh, vần điệu nên dễ nhớ, lôi cuốn,...*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Bà lão bắt được một con ốc đẹp và đem về nhà nuôi.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Những chuyện lạ xảy ra trong ngôi nhà của bà.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Cuộc gặp gỡ bất ngờ của bà lão và nàng tiên Ốc.* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 4.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 1, đoạn 2 và xác định giọng đọc các đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của vỏ ốc, điều kì lạ xảy ra trong nhà,...*):

Xưa/ có bà già nghèo/
Chuyên mò cua/ bắt ốc/
Một hôm/ bà bắt được/
Một con ốc/ xinh xinh/
Vỏ nó/ biêng biếc xanh/
Không giống như/ ốc khác/
Bà thương/ không muốn bán/
Bèn/ thả vào trong chum.//

Rồi bà lại/ đi làm/
Đến khi về/ thấy lạ://
Sân nhà/ sao sạch quá/
Đàn lợn/ đã được ăn/
Cơm nước/ nấu tinh tươm/
Vườn rau tươi/ sạch cỏ.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2, đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng

Chân trời sáng tạo

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ điểm "Vòng tay thân ái"

1.2.1. Tìm đọc một bài thơ hoặc đoạn lời bài hát

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ hoặc đoạn lời bài hát phù hợp với chủ điểm "Vòng tay thân ái" theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài thơ hoặc đoạn lời bài hát viết về:

+ Tình cảm, sự gắn bó với thiên nhiên.

+ Tình cảm với con người.

+ ...

– HS chuẩn bị bài thơ hoặc đoạn lời bài hát để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những từ ngữ, hình ảnh đẹp và nội dung, ý nghĩa của bài thơ hoặc đoạn lời bài hát.

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ hoặc đoạn lời bài hát.

1.2.3. Chia sẻ về bài thơ hoặc đoạn lời bài hát

– HS đọc hoặc trao đổi bài thơ, đoạn lời bài hát cho bạn trong nhóm cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2.4. Thi Nghệ sĩ nhí

– HS hoạt động trong nhóm lớn, đọc và chia sẻ với bạn trong nhóm tình cảm, suy nghĩ của em sau khi đọc bài thơ hoặc đoạn lời bài hát.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Trạng ngữ chỉ phương tiện

2.1. Nhận diện trạng ngữ chỉ phương tiện và tìm hiểu tác dụng của trạng ngữ chỉ phương tiện

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận nhóm đôi, làm bài vào VBT (Đáp án:

a. *Bằng lời ru ngọt ngào*

b. *Với hai màu vàng và xanh*

c. *Bằng thuyền buồm*

d. *Với rất nhiều nghiên cứu, tìm tòi, khám phá, thực nghiệm,...*

→ *Trạng ngữ bổ sung cho câu ý chỉ phương tiện thực hiện hoạt động.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả, rút ra những điều em cần ghi nhớ về trạng ngữ chỉ phương tiện.

2.2. Tìm trạng ngữ chỉ phương tiện phù hợp thay cho ❀

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thực hiện trong nhóm 4 theo kĩ thuật *Khăn trải bàn* (Gợi ý:

a. *Bằng chiếc xe đạp cũ, bố đưa đón tôi đi học mỗi ngày.*

b. *Với chất giọng trầm ấm, thầy giáo đọc cho chúng tôi nghe câu chuyện "Cậu bé gặt gió".*).

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm chủ ngữ, vị ngữ phù hợp thay cho ❀

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT (Gợi ý:

a. *Với đôi bàn tay khéo léo, người thợ đã tạo nên những chiếc bình gốm thật đẹp.*

b. *Bằng một điệu múa dân tộc độc đáo, lớp chúng em đã đạt giải Nhất hội thi "Tìm hiểu về văn hoá Việt Nam".*).

– 2 – 3 HS trình bày bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.4. Đặt câu sử dụng trạng ngữ chỉ phương tiện

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS viết câu vào VBT.

– 1 – 2 HS trình bày bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn miêu tả con vật

3.1. Tìm hiểu đoạn văn tả hoạt động hoặc thói quen của một con vật sống trong môi trường tự nhiên

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.

– HS thảo luận nhóm nhỏ, thực hiện các yêu cầu vào VBT (Đáp án:

a. *Đoạn văn tả đàn nai.*

b. *Tác giả chọn tả hoạt động ra suối uống nước của con nai.*

c. *Khi thực hiện hoạt động, hai cánh mũi của con nai phập phồng, cái mõm đen kịt nhệu nhạo nhai.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết đoạn văn tả hoạt động hoặc thói quen của một con vật sống trong môi trường tự nhiên mà em thích

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS dựa vào dàn ý tr. 114 (*Tiếng Việt 4, tập hai*), chọn một con vật sống trong môi trường tự nhiên em thích (có thể chọn những con vật em được xem trên ti vi, đọc trên sách, báo, xem khi đi các khu bảo tồn, vườn thú,...), nhớ lại những hoạt động tiêu biểu hoặc thói quen sinh hoạt của con vật đó.

– HS làm bài vào VBT (GV có thể lưu ý cho HS khi viết đoạn văn cần sử dụng các từ ngữ gợi tả, hình ảnh nhân hoá, so sánh, câu cảm,…).

– HS đọc lại bài làm, điều chỉnh, bổ sung nội dung (nếu cần).

3.3. Chia sẻ với bạn những điều em thích ở đoạn văn của mình:

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS trao đổi và nêu những điều em thích ở đoạn văn của mình trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (Gợi ý: *Từ ngữ gợi tả, hình ảnh nhân hoá, câu cảm,...*).

– 2 – 3 HS chia sẻ bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Kể lại câu chuyện "Nàng tiên Ốc" bằng lời của em.*

– HS kể lại câu chuyện trong nhóm 4.

– 1 – 2 nhóm HS kể lại câu chuyện trước lớp (nếu còn thời gian có thể kể phân vai toàn bài), các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: NGHE HẠT DẺ HÁT (tiết 12 – 14, SHS, tr. 122 – 124)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn những hình ảnh và âm thanh có trong một khu vườn hoặc khu rừng; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Ca ngợi vẻ đẹp và những điều tuyệt vời ở khu rừng dẻ.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Thể hiện tình cảm, niềm tự hào của tác giả đối với rừng dẻ quê hương.*

3. Luyện tập nhận diện và sử dụng trạng ngữ.

4. Viết được bài văn miêu tả con vật (con vật sống trong môi trường tự nhiên).

5. Tìm được từ ngữ gợi tả âm thanh; nói được 1 – 2 câu về âm thanh em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Hình ảnh hoặc video clip về các con vật sống trong môi trường tự nhiên; video clip một số âm thanh trong tự nhiên hoặc trong cuộc sống (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn 2, đoạn 3.

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, tưởng tượng để chia sẻ với bạn những hình ảnh và âm thanh có trong một khu vườn hoặc khu rừng → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Nghe hạt dẻ hát".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Nghe hạt dẻ hát

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng, rành mạch, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp đặc biệt của khu rừng dẻ, hoạt động thú vị, dễ thương của những con vật,...*).

Chân trời sáng tạo

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *yên ắng, tĩnh mịch, khều, toọc toọc,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu tả vẻ đẹp của cảnh: *Thật là tuyệt vời/ khi được lang thang trong một khu rừng dẻ.// Nắng chiều sánh vàng như mật/ bủa lấy rừng vàng.// Ve ran như thác réo.// Rừng dẻ khe khẽ hát...//;...*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "không thể nào quên".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "cho đỡ thèm".

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *tứ bề* (bốn bề), *tĩnh mịch* (yên lặng và vắng vẻ), *râm ran* (tiếng kêu hoà vào nhau một cách rộn rã), *ran* (nghĩa trong bài: âm thanh ve kêu vang xa, kéo dài),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Tiếng hạt dẻ râm ran, "lao xao, rì rào, tí tách theo nhịp", "rơi rơi như mưa" đã tạo nên bản nhạc mùa thu ở quê tác giả.*

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Khu rừng hạt dẻ tựa như một khu rừng âm thanh kì diệu, sôi động, thú vị,...*

+ Câu 3: *Sự có mặt của gà rừng và chồn hương đem đến sự nhộn nhịp, sức sống cho khu rừng.*

+ Câu 4: *Tác giả cảm thấy thật tuyệt vời khi được lang thang trong một khu rừng dẻ vì nơi đây có cảnh vật rất đẹp, tác giả như được hoà mình vào khung cảnh thơ mộng đó, hoà mình vào thiên nhiên tươi đẹp, trong lành, ấm áp,...*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Vì tiếng hạt dẻ rơi tựa như một bản nhạc,...*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Âm thanh của rừng dẻ tạo thành bản nhạc độc đáo, khó quên.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Những điều thú vị đến từ các con vật ở rừng dẻ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Cảm xúc của tác giả trước vẻ đẹp thanh bình của rừng đẻ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2, đoạn 3 và xác định giọng đọc các đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thong thả, rõ ràng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ tả hoạt động của lũ gà và chồn hương, cảm xúc của tác giả,...*):

Lũ gà rừng đang đi/ bỗng gật đầu bảo nhau dừng lại.// Một chân đứng làm trụ,/ còn một chân khều hạt.// Chúng lấy mỏ mổ toọc toọc liên tiếp/ lên thân hạt dẻ.// Một phát trúng,/ mười một phát trượt.// Bởi vỏ hạt dẻ vừa dày vừa cứng.// Mổ mãi mổ mãi/ mà không được hạt nào.// Đêm đến,/ lũ chồn hương trèo lên cây định hái,/ nhưng dẻ có gai,/ chúng rụt tay lại/ và chỉ hít lấy hít để hương dẻ/ cho đỡ thèm.//

Thật là tuyệt vời/ khi được lang thang trong một khu rừng dẻ.// Nắng chiều sánh vàng như mật/ bủa lấy rừng vàng.// Ve ran như thác réo.// Rừng dẻ khe khẽ hát...//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2, đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về trạng ngữ

2.1. Xác định trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ trong mỗi câu và cho biết mỗi trạng ngữ tìm được thuộc loại nào

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.

– HS thảo luận nhóm 4, làm bài vào VBT. Đáp án:

Câu	Trạng ngữ	Chủ ngữ	Vị ngữ
1	*Từ trên không → chỉ nơi chốn*	*tiếng kêu của đàn sếu*	*vọng xuống rồi xa dần.*
2		*Những vầng mây xám*	*sà xuống thấp làm cho trời và đất như gần nhau hơn.*
3	*Lúc này → chỉ thời gian* *Trên những thửa ruộng đã gặt → chỉ nơi chốn*	*người ta*	*đang đốt những gốc rạ khô.*

4	*Để đám cháy không lan rộng → chỉ mục đích* *Trước khi đốt → chỉ thời gian*	*rạ*	*được vun thành từng đống nhỏ.*
5		*Gió*	*cuốn những làn khói xanh cuồn cuộn về hướng Tây Nam.*

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. Tìm trạng ngữ phù hợp thay cho ❀

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài vào VBT (Gợi ý:

a. *Vì em học tốt, ông bà rất hài lòng.*

b. *Vào ngày Nhà giáo Việt Nam, chúng em gửi tới cô giáo những lời yêu thương.*

c. *Bằng tình yêu và niềm say mê, anh ấy chơi một bản nhạc rất xúc động.*

d. *Mùa xuân, đàn chim én rủ nhau bay về.*

e. *Trên sân trường, những cây bàng toả bóng che mát cho chúng em.*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu có sử dụng trạng ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS viết bài vào VBT (Gợi ý: HS có thể viết về tính tình, điểm đặc biệt của người bạn mà em yêu quý, kỉ niệm giữa em và bạn,…).

– 2 – 3 HS trình bày bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập viết bài văn miêu tả con vật

3.1. Viết bài văn tả một con vật sống trong môi trường tự nhiên

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc sơ đồ gợi ý.

– HS có thể xem lại dàn ý đã lập ở tiết trước để xác định những ý chính của bài.

– HS nghe GV lưu ý thêm (nếu cần).

– HS thực hành viết bài văn vào VBT.

– 3 – 4 HS đọc bài viết trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Đọc lại và chỉnh sửa bài viết

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi nhóm đôi, chia sẻ bài viết và những nội dung sẽ chỉnh sửa (nếu có).

– HS chọn viết một đoạn chỉnh sửa (nếu có) vào VBT.

– 1 – 2 HS đọc đoạn chỉnh sửa trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Thi tìm từ ngữ gợi tả âm thanh.*

– HS chơi trò chơi *Chuyền hoa* để thi tìm từ ngữ (Gợi ý:

a. *Có âm đầu giống nhau: tí tách, rì rầm, vi vu, róc rách, xào xạc,...*

b. *Có vần giống nhau: lộp bộp, lanh lảnh, loạt xoạt, lách tách,...*

c. *Có các tiếng giống nhau: ào ào, ầm ầm, rầm rầm, cạp cạp,...*).

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Nói 1 – 2 câu về âm thanh em thích.*

– HS nói trong nhóm đôi 1 – 2 câu về âm thanh yêu thích (Gợi ý: HS nêu lí do thích âm thanh đó, âm thanh đó được nghe ở đâu,…).

– 1 – 2 nhóm HS trình bày trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: QUÀ TẶNG CỦA CHIM NON
(tiết 15 – 18 , SHS, tr. 125 – 128)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Giải được câu đố và chia sẻ được với bạn về loài chim được nhắc đến trong câu đố; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cuộc dạo chơi trong khu rừng là món quà chim non đền ơn cho bạn nhỏ giàu lòng nhân ái.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi lòng nhân ái của bạn nhỏ, giúp chim non chữa lành vết thương, cũng như ca ngợi chú chim non là con vật biết ơn, tình nghĩa.*

3. Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Kết nối.*

4. Viết được hướng dẫn thực hiện một công việc.

5. Tìm đọc được một bài vè hoặc đồng dao về các loài chim hoặc các loài cây.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Video clip hướng dẫn gấp quần áo bằng tấm bìa cắt sẵn (nếu có).

– HS mang đến lớp một bài vè hoặc đồng dao về các loài chim hoặc các loài cây (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn 3.

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để giải câu đố (Đáp án: *chim én; chim sâu*) và chia sẻ với bạn về loài chim được nhắc đến trong câu đố (Gợi ý: *chim én – là loài chim nhỏ bé, gần gũi với con người, chim én xuất hiện báo hiệu mùa xuân đến; chim sâu – là loài chim nhỏ bé, có ích, giúp bà con nông dân bắt sâu trên đồng ruộng,...*) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Quà tặng của chim non".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Quà tặng của chim non

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Toàn bài đọc giọng thong thả, đoạn 1 giọng thể hiện tình cảm xót xa; đoạn 2 giọng tươi vui; đoạn 3 giọng háo hức, trong trẻo; lời nhủ của bạn nhỏ thể hiện tình cảm động viên, an ủi, vỗ về; nhấn giọng ở từ ngữ chỉ hoạt động, mô phỏng âm thanh,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *rướn, xoã, chấp chới, xập xoè,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu miêu tả và câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Một hôm,/ tha thẩn ra vườn chơi,/ tôi thấy dưới bụi cỏ/ một chú chim non đang rướn mình,/ cánh vỗ vỗ một cách yếu ớt.//;

Chân trời sáng tạo

Thương quá/ nhưng không biết làm cách nào hơn,/ tôi chỉ biết nhủ thầm:// "Để tôi chữa cho cánh nó liền lại/ rồi tôi sẽ trả về cho."//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến "tôi sẽ trả về cho".

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến "lúc nào không rõ".

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *nhủ* (tự bảo, tự hứa), *chấp chới* (ở trạng thái thăng bằng bất định, khi lên khi xuống, khi nghiêng bên này, khi ngả sang bên kia), *xập xoè* (từ gợi tả dáng vẻ xoè ra gập lại liên tiếp, đều đặn của vật mỏng hình cánh, thường gây ra tiếng động nhẹ),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Khi ra vườn chơi, bạn nhỏ thấy dưới bụi có một chú chim non đang rướn mình, cánh vỗ vỗ một cách yếu ớt, một cánh hình như bị gãy nên không cụp lại được.*

+ Câu 2: *Bạn nhỏ quyết định nuôi chú chim non vì bạn nhỏ thấy thương, tội nghiệp cho chú chim non, bạn muốn chữa lành cánh cho chú.*

+ Câu 3: *Những hình ảnh nói về chú chim non khi được thả về rừng trong đoạn 2 là: chú chim non "thoáng ngơ ngác một giây rồi vút bay lên", "bay thong thả, chấp chới lúc cao lúc thấp không một chút sợ hãi".*

+ Câu 4: *Món quà chú chim non dành cho bạn nhỏ là một chuyến dạo chơi trong rừng, bạn nhỏ được hoà mình vào thiên nhiên, được lắng nghe vô vàn tiếng chim hót. Đây chính là món quà đặc biệt mà chim non dành cho bạn nhỏ thay cho lời cảm ơn vì đã cứu chữa cho mình.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Bạn nhỏ quyết định chăm sóc chú chim non gãy cánh.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Tình cảm thân thiết, gắn bó của bạn nhỏ với chú chim non.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Món quà đặc biệt chú chim non gửi tặng bạn nhỏ* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng háo hức, trong trẻo; nhấn giọng ở từ ngữ mô phỏng âm thanh, tả trạng thái của sự vật; câu cuối giọng tình cảm, thiết tha,...*):

Trên các cành cây xung quanh tôi/ cơ man là chim.// Chúng kêu líu ríu/ đủ thứ giọng.// Tôi đưa tay lên miệng/ bắt đầu trổ tài/ bắt chước tiếng chim hót.// Tôi vừa cất giọng,/ nhiều con bay đến đậu gần tôi hơn.// Thế là chúng bắt đầu hót.// Hàng chục loại âm thanh lảnh lót vang lên.// Không gian đầy tiếng chim ngân nga,/ dường như gió thổi cũng dịu đi,/ những chiếc lá rơi cũng nhẹ hơn,/ lơ lửng lâu hơn.// Loang loáng trong các lùm cây,/ những cánh chim màu sặc sỡ/ đan đi đan lại...// Đâu đó/ vẳng lại tiếng hót thơ dại/ của chú chim non của tôi,/ cao lắm,/ xa lắm/ nhưng tôi vẫn nghe rất rõ.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ *Kết nối*

2.1. Chọn lời giải nghĩa ở cột B phù hợp với mỗi từ ở cột A

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS trao đổi nhóm nhỏ, có thể sử dụng từ điển để tra nghĩa từ (Đáp án: *A1 – B4; A2 – B1; A3 – B2; A4 – B3*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Thay ❀ trong mỗi câu bằng một từ ngữ phù hợp ở bài tập 1

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài vào VBT (Đáp án: a. *kết hợp*; b. *kết nghĩa*; c. *kết nối*; d. *kết thân*).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Tìm tiếng ghép được với tiếng "nối"

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ và thống nhất kết quả (Đáp án: *nối tiếp, nối liền, chắp nối, nối nghiệp, nối dõi, nối đuôi*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS có thể sử dụng từ điển để tra nghĩa của các từ vừa tìm được (nếu cần).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ của em về Liên hoan Thiếu nhi ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS làm bài vào VBT.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết hướng dẫn thực hiện một công việc

3.1. Hoàn chỉnh các bước hướng dẫn gấp quần áo

– HS xác định yêu cầu của BT 1, quan sát hình ảnh (hoặc xem video clip đã chuẩn bị) và đọc gợi ý các bước hướng dẫn gấp quần áo dưới hình 1.

– HS thảo luận nhóm đôi để nói các bước hướng dẫn gấp quần áo (Gợi ý:

+ *Bước 2: Gấp hai bên tấm bìa vào giữa theo chiều dọc.*

+ *Bước 3: Gấp đôi tấm bìa theo chiều ngang.*).

– 1 – 2 nhóm HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết hướng dẫn thực hiện một việc nhà đơn giản

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS nêu tên việc nhà mình sẽ viết hướng dẫn thực hiện theo kĩ thuật *Trình bày một phút*, VD: *rửa chén, rửa rau, vo gạo,...*

– HS làm bài vào VBT (có thể vẽ hình minh hoạ đơn giản hoặc sử dụng kí hiệu).

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, hoàn chỉnh bài làm.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Trang trí sản phẩm

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS trang trí văn bản đã viết một cách đơn giản, phù hợp với nội dung.

– HS chia sẻ bài làm trước lớp theo kĩ thuật *Phòng tranh*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm đọc một bài vè hoặc đồng dao về các loài vật hoặc các loài cây.*

– HS chơi trò chơi *Chuyền hoa* để thực hiện hoạt động.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: THÀNH PHỐ NỐI HAI CHÂU LỤC
(tiết 19 – 21, SHS, tr. 129 – 131)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được 1 – 2 câu về điểm nổi bật của một đất nước mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *I-xtan-bun là thành phố trải dài từ châu Á sang châu Âu, nổi tiếng về sự giao thoa kiến trúc và văn hoá Á – Âu, sự hài hoà giữa truyền thống và hiện đại.*

3. Nghe – kể được câu chuyện về một chuyến thám hiểm, ghi chép được nội dung chính của câu chuyện và trao đổi với bạn về nội dung của câu chuyện đó.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết.

5. Giải được ô chữ *Thú vị*; nói được 1 – 2 câu về một con vật có trong ô chữ vừa hoàn thành.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh hoặc video clip kể chuyện "Người tìm đường lên các vì sao" (nếu có).

– Một số hình ảnh, video clip về thành phố I-xtan-bun; hình ảnh về các con vật trong ô chữ (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ "Đến I-xtan-bun" đến "của thành phố này".

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ về điểm nổi bật của một đất nước mà em biết (Gợi ý: Khuyến khích HS kể về các nước đã học trong bài đọc hoặc biết qua các môn học, hoạt động giáo dục khác, qua đọc báo, xem ti vi,...).

– HS xem tranh, liên hệ với nội dung khởi động → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới "Thành phố nối hai châu lục".

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Thành phố nối hai châu lục

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *Đọc giọng thong thả; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vị trí, đặc điểm,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *I-xtan-bun, Thổ Nhĩ Kỳ, lừng lững,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Đây/ là thành phố nổi tiếng/ về sự giao thoa kiến trúc/ văn hoá Á – Âu,/ sự hài hoà giữa truyền thống/ và hiện đại.//;

Ở I-xtan-bun,/ du khách vừa thấy vẻ náo nhiệt của châu Á/ vừa thấy vẻ trầm mặc của châu Âu.// Tấp nập/ mà không hối hả/ là nét riêng/ của thành phố này.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *giao thoa* (nghĩa trong bài: có những đặc điểm giống nhau về kiến trúc và văn hoá, làm tôn lên nét đặc trưng của thành phố), *lừng lững* (to lớn, án ngữ ngay trước mặt), *nghệ sĩ đường phố* (những người thực hiện hoạt động biểu diễn nghệ thuật trên đường phố),…

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Điểm đặc biệt của vị trí thành phố I-xtan-bun là trải dài từ châu Á sang châu Âu.*

+ Câu 2: *Khi đến I-xtan-bun, du khách được chiêm ngưỡng thánh đường xanh lừng lững trầm mặc, cung điện tráng lệ cổ kính, bảo tàng lịch sử lộng lẫy, những "cung điện ngầm" huyền bí vững chãi hàng thế kỉ yên bình cạnh những toà nhà chọc trời, những trung tâm mua sắm tấp nập, hiện đại,...*

+ Câu 3: *Vẻ náo nhiệt của thành phố còn được tạo nên từ những trung tâm mua sắm tấp nập, hiện đại và những nhóm nghệ sĩ đường phố có cả già lẫn trẻ, người tóc vàng mắt xanh, người tóc đen mắt đen,... chơi nhiều nhạc cụ khác nhau.*

+ Câu 4: *I-xtan-bun mang một nét rất riêng vì có sự giao thoa về kiến trúc, văn hoá, hài hoà giữa truyền thống và hiện đại – điều mà ít thành phố nào có được.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ "Đến I-xtan-bun" đến "của thành phố này" và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng thong thả; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ địa điểm, hoạt động; ...*):

Đến I-xtan-bun,/ du khách được chiêm ngưỡng thánh đường xanh lừng lững/ trầm mặc,/ cung điện tráng lệ cổ kính,/ bảo tàng lịch sử lộng lẫy.// Nơi đây còn có "cung điện ngầm" huyền bí/ vững chãi hàng thế kỉ/ yên bình cạnh những toà nhà chọc trời,/ những trung tâm mua sắm tấp nập,/ hiện đại,...// Thỉnh thoảng,/ du khách bắt gặp những nhóm nghệ sĩ đường phố/ có cả già lẫn trẻ,/ người tóc vàng mắt xanh,/ người tóc đen mắt đen,.../ chơi nhiều nhạc cụ khác nhau.// Điều đó góp thêm một nét độc đáo/ vào bức tranh sống động/ về sự giao thoa văn hoá/ của thành phố này.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ "Đến I-xtan-bun" đến "của thành phố này".

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Nghe – kể câu chuyện về một chuyến thám hiểm

Người tìm đường lên các vì sao

Từ nhỏ, Xi-ôn-cốp-xki đã mơ ước được bay lên bầu trời. Có lần, ông dại dột nhảy qua cửa sổ để bay theo những cánh chim. Kết quả, ông bị ngã gãy chân. Nhưng rủi ro lại làm

nảy ra trong đầu óc non nớt của ông lúc bấy giờ một câu hỏi: "Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được?".

Để tìm điều bí mật đó, Xi-ôn-cốp-xki đọc không biết bao nhiêu là sách. Nghĩ ra điều gì, ông lại hì hục làm thí nghiệm, có khi đến hàng trăm lần.

Có người bạn hỏi:

– Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách và dụng cụ thí nghiệm như thế?

Xi-ôn-cốp-xki cười:

– Có gì đâu, mình chỉ tiết kiệm thôi.

Đúng là quanh năm ông chỉ ăn bánh mì suông. Qua nhiều lần thí nghiệm, ông đã tìm ra cách chế khí cầu bay bằng kim loại. Sa hoàng chưa tin nên không ủng hộ. Không nản chí, ông tiếp tục đi sâu vào lí thuyết bay trong không gian. Được gợi ý từ chiếc pháo thăng thiên, sau này, ông đã thiết kế thành công tên lửa nhiều tầng, trở thành một phương tiện bay tới các vì sao.

Hơn bốn mươi năm khổ công nghiên cứu, tìm tòi, Xi-ôn-cốp-xki đã thực hiện được điều ông hằng tâm niệm: "Các vì sao không phải để tôn thờ mà để chinh phục.".

Theo Lê Nguyên Long – Phạm Ngọc Toàn

2.1. Nghe giáo viên kể chuyện "Người tìm đường lên các vì sao"

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.

– HS nghe GV kể câu chuyện lần thứ nhất để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung và chú ý của HS (có thể kết hợp hình ảnh minh hoạ hoặc video clip).

– HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.

– HS nghe GV kể câu chuyện lần thứ hai để ghi nhớ nội dung của câu chuyện.

2.2. Ghi chép tóm tắt nội dung câu chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thực hành trao đổi trong nhóm nhỏ về nội dung câu chuyện để ghi chép tóm tắt theo sơ đồ (khuyến khích HS sử dụng sơ đồ tư duy để ghi tóm tắt).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Kể lại câu chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thực hành theo nhóm đôi, kể lại từng đoạn câu chuyện, rồi kể lại toàn bộ câu chuyện dựa vào nội dung tóm tắt đã ghi chép.

Lưu ý: HS khá, giỏi có thể bớt bước kể từng đoạn câu chuyện.

– 1 – 2 nhóm HS kể lại câu chuyện trước lớp (HS có thể vừa quan sát bản tóm tắt vừa kể lại).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.4. Trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT 4 và đọc các câu hỏi gợi ý.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

Lưu ý: Nếu HS đáp ứng tốt, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện cả bốn BT trước khi chia sẻ chung để hoạt động nhóm diễn ra liên tục.

TIẾT 3

3. Viết

Trả bài văn miêu tả con vật

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn tả một con vật sống trong môi trường tự nhiên mà em thích:

– Ưu điểm

– Hạn chế

– …

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

– HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết đã nộp.

– HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (cấu tạo, chọn lọc chi tiết, sử dụng từ ngữ, hình ảnh nhân hoá,...).

3.3. Trang trí và trưng bày bài viết

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS trang trí đơn giản cho bài viết.

– HS trưng bày bài viết theo kĩ thuật *Phòng tranh*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

Chân trời sáng tạo

3.4. Chia sẻ về điều em thích ở bài viết của bạn

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS đọc các thẻ gợi ý, hoạt động nhóm đôi, chia sẻ về những điều em thích ở bài viết của bạn (Gợi ý: *mở bài hấp dẫn, kết bài ấn tượng, hình ảnh so sánh đẹp, hình ảnh nhân hoá sinh động,...*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Giải ô chữ.*

– HS thảo luận nhóm để giải ô chữ (Gợi ý: 1. *THỎ SƯ TỬ,* 2. *CHUỘT TÚI,* 3. CÚ TUYẾT, 4. *VẸT,* 5. *VÍT VỊT;* từ khoá: *THÚ VỊ*).

– HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Nói 1 – 2 câu về một con vật có trong ô chữ vừa hoàn thành.*

– HS chơi trò chơi *Chuyền hoa* để nói câu trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học và chủ điểm.

ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC
(Tuần 35)

Tuần *Ôn tập cuối năm học* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm "Thế giới quanh ta" và "Vòng tay thân ái".

TIẾT 1 (SHS, tr. 132 – 133)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– Nhóm 4 hoặc HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trong bài "Chiều thu quê em":

+ Phiếu số 1: Đọc đoạn từ đầu đến "rong chơi" và trả lời câu hỏi: *Những hình ảnh nào gợi tả vẻ đẹp thanh bình của khu vườn?* (Gợi ý: *Nắng chiều mỏng manh, chuồn kim khâu lá, hoa chuối rơi như tàn lửa, đất trời ướp bằng hương, chim giấu chiều trong cánh, lục bình líu ríu, nước ướt tiếng cười, con bò mải mê gặm cỏ, cánh diều ca hát rong chơi.*)

+ Phiếu số 2: Đọc đoạn từ đầu đến "rong chơi" và trả lời câu hỏi: *Theo em, hai câu thơ "Dòng sông mát lành tuổi nhỏ/ Nước tung toé ướt tiếng cười" muốn nói điều gì?* (Gợi ý: *Hai câu thơ muốn nói tuổi thơ của bạn nhỏ gắn liền với dòng sông, đùa vui trên sông cùng bạn bè.*)

+ Phiếu số 3: Đọc đoạn từ "Dòng sông" đến hết và trả lời câu hỏi: *Cảnh vật buổi chiều mùa thu hiện lên như thế nào trong* đoạn thơ? (Gợi ý: *Cảnh vật thanh bình, đẹp, đáng yêu, là cảnh quê hương rung động hồn người.*)

+ Phiếu số 4: Đọc đoạn từ "Dòng sông" đến hết và trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao bé phác hoạ được đậm nét bức tranh quê hương mùa thu?* (Gợi ý: *Vì bé rất yêu quê hương nên cảm nhận được mọi vẻ đẹp thanh bình của nơi đây.*)

– Một số HS thi đọc thành tiếng một đoạn trong bài, trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Chia sẻ về bài đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, nói về một hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá trong bài mà em thích và giải thích lí do.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 2 (SHS, tr. 133)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện viết chính tả đoạn bài.

2. Ôn luyện viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức.

Chân trời sáng tạo

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Bảng phụ ghi bài "Đất lành chim đậu".

– Tranh, ảnh hoặc video clip về sân chim vùng Rạch Giá, Hà Tiên,... (nếu có).

– Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện viết chính tả

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc bài văn và trả lời câu hỏi về nội dung bài:

+ Bài văn giới thiệu về vùng nào?

+ Những địa danh nào được nhắc đến trong bài văn? Chúng được viết hoa thế nào?

→ HS nhắc lại cách viết hoa tên địa lí Việt Nam.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ để viết bài chính tả.

– HS đổi vở cho bạn để soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2. Ôn luyện viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS nhớ lại cách viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức đã học, làm bài vào VBT.

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. Có thể nhắc lại quy tắc viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức: *Viết hoa tiếng đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 3 (SHS, tr. 134)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện kĩ năng tranh luận, bày tỏ được ý kiến của bản thân về một nhận định dựa vào gợi ý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Hình ảnh, video clip về hội khoẻ, về những con người mạnh khoẻ đang làm việc, học tập, nghiên cứu, bảo vệ Tổ quốc,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khẳng định ý kiến đồng ý hay không đồng ý với câu nói *Sức khoẻ là vốn quý của con người*

– HS xác định yêu cầu của đề bài, quan sát các câu gợi ý.

– HS thảo luận, bày tỏ ý kiến trong nhóm nhỏ và giải thích lí do:

+ Đồng ý với câu nói *Sức khoẻ là vốn quý của con người.*

+ Không đồng ý với câu nói *Sức khoẻ là vốn quý của con người.*

2. Trình bày lí lẽ để bảo vệ ý kiến đồng ý hay không đồng ý với câu nói *Sức khoẻ là vốn quý của con người*

– Hai nhóm HS tiến hành tranh luận trước lớp, các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến (kĩ thuật *Bể cá*).

– HS trình bày lí lẽ để bảo vệ ý kiến dựa vào một số gợi ý:

+ Lí lẽ bảo vệ ý kiến đồng ý với câu nói *Sức khoẻ là vốn quý của con người*:

• Con người làm được những gì khi có sức khoẻ?

• Cuộc sống của mỗi người sẽ ra sao khi họ không có sức khoẻ?

• Nếu gia đình, xã hội chỉ gồm những người không có sức khoẻ thì điều gì sẽ xảy ra?

• ?

+ Lí lẽ bảo vệ ý kiến không đồng ý với câu nói *Sức khoẻ là vốn quý của con người*:

• Có nhiều thứ quý hơn sức khoẻ, đó là những gì?

• Có thể ăn nhiều và tập luyện thể thao để có sức khoẻ không?

• ?

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả tranh luận, bày tỏ ý kiến trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 4 (SHS, tr. 134 – 135)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện về thành phần chính của câu, trạng ngữ.

2. Ôn luyện về cách lựa chọn, sử dụng từ ngữ.

3. Ôn luyện về dấu ngoặc kép.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

Chân trời sáng tạo

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về thành phần chính của câu, trạng ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.

– HS làm bài trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thống nhất kết quả trong nhóm (Gợi ý:

a.

Câu	Trạng ngữ	Chủ ngữ	Vị ngữ
1	*Mỗi buổi sáng sớm*	*tôi*	*thường ra vườn, cảm nhận mùi hương ngai ngái của cây trái.*
2	*Trong sự tĩnh lặng của ban mai*	*tôi*	*nghe được cả tiếng lá xào xạc.*
3	*Một lúc sau, giữa những vòm xanh*	*chim chóc*	*bắt đầu cất tiếng hót líu lo.*
4	*Nhờ bản hoà ca tuyệt diệu*	*khu vườn*	*trở nên náo nhiệt hẳn lên.*
5	*Bằng trí tưởng tượng phong phú*	*tôi*	*có cảm giác mình đang lạc vào trong một khu vườn cổ tích.*

b. Trạng ngữ trong từng câu thuộc loại:

+ Câu 1: *Trạng ngữ chỉ thời gian.*

+ Câu 2: *Trạng ngữ chỉ thời gian.*

+ Câu 3: *Trạng ngữ chỉ thời gian và trạng ngữ chỉ nơi chốn.*

+ Câu 4: *Trạng ngữ chỉ nguyên nhân.*

+ Câu 5: *Trạng ngữ chỉ phương tiện.*).

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn luyện về cách lựa chọn, sử dụng từ ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS quan sát các từ ngữ trong khung, làm bài vào VBT (Gợi ý: *mới → vang lừng → róc rách → non → biếc*).

– HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Ôn luyện về trạng ngữ, dấu ngoặc kép

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 5 (SHS, tr. 135)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn miêu tả con vật hoặc loài vật thông minh mà em biết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh, ảnh, video clip một số con vật hoặc loài vật thông minh (VD: *chó, mèo, cá heo, bồ câu, ngựa, voi,...*) và hoạt động của chúng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

– HS xác định yêu cầu của BT và đọc các gợi ý trong sơ đồ.

– HS trả lời câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để nhớ lại dàn ý bài văn miêu tả con vật:

+ Đó là con vật gì? Nó có khả năng gì đặc biệt?

+ Con vật đó có đặc điểm hình dáng gì nổi bật?

+ Em ấn tượng với hoạt động hoặc thói quen nào thể hiện trí thông minh của con vật đó nhất? Vì sao?

+ Em có tình cảm, cảm xúc thế nào với con vật đó?

+ ...

– HS làm bài vào VBT.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.

– 2 – 3 HS chia sẻ bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 6 VÀ TIẾT 7 (SHS, tr. 136 – 137)

ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài "Bạn nhỏ trong rừng".

2. Viết được bài văn tả một cây được trồng nhiều ở địa phương hoặc nơi em ở; hoặc viết bài văn tả một con vật có ích mà em biết.

Chân trời sáng tạo

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Nội dung đánh giá định kì in trên giấy (dạng phiếu) hoặc HS thực hiện vào VBT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Đánh giá kĩ năng đọc

– HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng đọc hiểu qua hoạt động đọc hiểu văn bản "Bạn nhỏ trong rừng":

+ HS đọc thầm văn bản "Bạn nhỏ trong rừng" và tìm hiểu nghĩa một số từ khó (nếu cần).

+ HS thực hiện các câu hỏi, BT đọc hiểu, có thể làm vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

(Đáp án:

a. *Ở cái tổ nằm trong gốc cây.*

b. *Hạt dẻ, quả gắm già, trám khô và rác.*

c. *Chú rất biết lo xa.*

d. *Bỏ một nửa ngô và trám vào cái hủm và trải một nửa quanh gốc cây.*

e. *Sử dụng từ ngữ vốn dùng gọi người để gọi vật.*

g. *ấm hơn*

h. HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

i. *Vì bạn nhỏ đã mang ngô, hạt dẻ, quả gắm, trám khô cho chú sóc sau khi biết mình vô tình làm hỏng "kho dự trữ" thức ăn cho mùa đông của chú.*

k. HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

l. HS trả lời theo suy nghĩ riêng.

B. Đánh giá kĩ năng viết

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng viết qua hoạt động viết:

– HS đọc các đề bài và chọn đề bài sẽ thực hiện.

– HS suy nghĩ để tìm ý cho bài viết.

– HS viết bài vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

Lưu ý: Việc GV đánh giá kết quả bài làm của HS được thực hiện ngoài giờ học, theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành về Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Chân trời sáng tạo

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN TRỌNG PHÚC – HOÀNG THỊ MINH TÂM
Biên tập mĩ thuật: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ
Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ
Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ
Sửa bản in: HOÀNG THỊ MINH TÂM
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Chân trời sáng tạo

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 4 TẬP HAI – SÁCH GIÁO VIÊN (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2HG4V003M23

In……bản, (QĐ in số….) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:……..

Cơ sở in:……

Số ĐKXB: 10-2023/CXBIPH/53-2157/GD

Số QĐXB:..... ngày …. tháng…. năm 20 ...

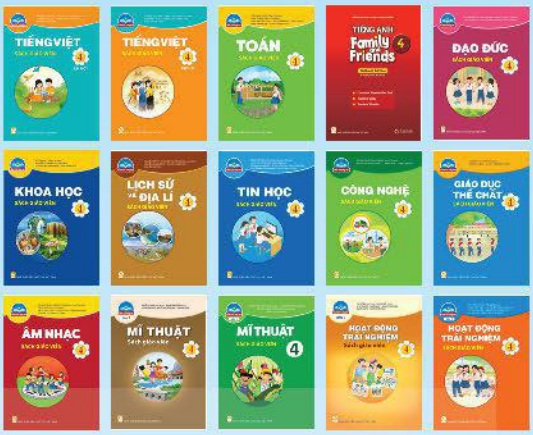
In xong và nộp lưu chiểu tháng ….năm 20….

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-35254-5

Tập hai: 978-604-0-35255-2



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 4 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. TIẾNG VIỆT 4 – TẬP MỘT
   Sách giáo viên
2. TIẾNG VIỆT 4 – TẬP HAI
   Sách giáo viên
3. TOÁN 4
   Sách giáo viên
4. TIẾNG ANH 4 Family and Friends
   (National Edition) – Teacher's Guide
5. ĐẠO ĐỨC 4
   Sách giáo viên
6. KHOA HỌC 4
   Sách giáo viên
7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
   Sách giáo viên
8. TIN HỌC 4
   Sách giáo viên
9. CÔNG NGHỆ 4
   Sách giáo viên
10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 4
    Sách giáo viên
11. ÂM NHẠC 4
    Sách giáo viên
12. MĨ THUẬT 4 (BẢN 1)
    Sách giáo viên
13. MĨ THUẬT 4 (BẢN 2)
    Sách giáo viên
14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 1)
    Sách giáo viên
15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 2)
    Sách giáo viên

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

ISBN 978-604-0-35255-2



Giá: ..... đ